

TRẦN MẠNH HƯỜNG

25 ĐỀ KIỂM TRA HỌC SINH GIỎI
TIẾNG VIỆT 5

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Kết quả bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và số lượng học sinh giỏi môn Tiếng Việt ở cấp Tiểu học không chỉ góp phần khẳng định uy tín chuyên môn của trường tiểu học mà còn tạo điều kiện xây dựng *Trường tiểu học chất lượng cao* trong xu thế hội nhập hiện nay.

Hàng năm, ngoài việc kiểm tra, đánh giá định kì theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiều trường tiểu học còn tiến hành kiểm tra chất lượng học sinh giỏi môn Tiếng Việt. Qua đó đánh giá kết quả *Dạy tốt, học tốt* của nhà trường, có căn cứ để khen thưởng, đồng thời lựa chọn những học sinh xuất sắc tham dự các *Hội thi*, các cuộc *Giao lưu học sinh giỏi cấp Tiểu học* ở quận (huyện), tỉnh (thành phố).

Cuốn *25 đề kiểm tra học sinh giỏi Tiếng Việt 5* được biên soạn nhằm mục đích giúp học sinh làm quen với hoạt động *tự kiểm tra, đánh giá* về môn Tiếng Việt (ở mức Giỏi), tạo điều kiện cho các em thực hành luyện tập để nắm chắc các kiến thức, kĩ năng cơ bản quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học (môn Tiếng Việt).

Sách gồm hai phần :

– Phần một : ĐỀ KIỂM TRA

Phần này có 25 đề kiểm tra dành cho hai học kì :

A. Kiểm tra cuối học kì I

Gồm 10 đề, mỗi đề được soạn theo cấu trúc : 4 bài tập về Luyện từ và câu, 1 bài tập về Cảm thụ văn học, 1 đề bài Tập làm văn.

B. Kiểm tra cuối năm học

Gồm 15 đề, trong đó có 10 đề soạn theo cấu trúc nói trên, 5 đề soạn theo cấu trúc 3 phần : I. Đọc hiểu (10 câu hỏi trắc nghiệm về đọc hiểu, về từ và câu) ; II. Cảm thụ văn học ; III. Tập làm văn (viết đoạn văn ngắn).

– Phần hai : HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

Phần này bao gồm đáp án, biểu điểm và hướng dẫn đánh giá kết quả bài làm theo từng đề ở Phần một (từ Đề 1 đến Đề 25).

Học sinh có thể tiến hành tự kiểm tra, đánh giá theo từng đề (làm trực tiếp trong sách – nếu có điều kiện ; hoặc căn cứ đề kiểm tra trong sách để làm vào vở ô li – sử dụng sách nhiều lần). Sau khi làm bài trong khoảng thời gian quy định cho mỗi đề, các em dựa vào hướng dẫn ở Phần hai để tự đánh giá, cho điểm bài làm, từ đó rút kinh nghiệm để nắm chắc thêm kiến thức, kỹ năng môn Tiếng Việt lớp 5. Cuối sách có phần **Phụ lục** để học sinh “thử sức” qua một số đề trắc nghiệm về môn Tiếng Việt trong cuộc thi *Trạng nguyên nhỏ tuổi* do báo *Nhi đồng* chủ trì tổ chức hàng năm. Đây là một “sân chơi trí tuệ” bổ ích và lí thú đang được đông đảo học sinh tiểu học ở nhiều tỉnh thành trên toàn quốc hào hứng tham gia.

25 đề kiểm tra học sinh giỏi Tiếng Việt 5 còn là cuốn sách để quý thầy cô và cán bộ quản lí chuyên môn tham khảo, ra các đề tương tự, hoặc “lắp ghép” các bài riêng lẻ ở các đề khác nhau để tạo thành đề “mới” (có thể điều chỉnh nội dung, yêu cầu của bài tập hay phân bổ lại điểm số) nhằm phục vụ việc kiểm tra, đánh giá hoặc bồi dưỡng học sinh khá, giỏi môn Tiếng Việt lớp 5.

Mong nhận được sự góp ý chân thành của quý thầy cô và cán bộ quản lí chuyên môn cùng các em học sinh để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

ĐỀ KIỂM TRA A – KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

ĐỀ 1⁽¹⁾

1. Điền từ ghép có tiếng *quốc* vào chỗ trống cho đúng nghĩa :

- a) Cờ tượng trưng cho một nước gọi là
- b) Huy hiệu tượng trưng cho một nước gọi là
- c) Nhạc của bài quốc ca gọi là
- d) Tang chung của cả nước được gọi là
- e) Cơ quan dân cử có quyền lực cao nhất trong một nước, làm ra pháp luật và quyết định các công việc lớn của Nhà nước là
- g) Những việc về giữ gìn chủ quyền, an ninh và phòng thủ đất nước gọi là

2. a) Tìm 5 từ ghép (có tiếng *nước*, tiếng *non*) đồng nghĩa với từ *Tổ quốc* :

(1) (2) (3)

(4) (5)

b) Xếp các từ sau thành 5 cặp từ trái nghĩa :

cao, chán, ngoan, khéo, hỏi, thấp, đáp, ham, vụng, hư

(1)/ (2)/ (3)/

(4)/ (5)/

(1) Từ Đề 1 đến Đề 20, mỗi đề có thời gian làm bài là 90 phút.

3. Điền vào chỗ trống một từ trái nghĩa với từ in đậm để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ, ca dao sau :

a) Lắm kẻ yêu hơn nhiều người

b) Cha mẹ trông đi thì con **dại**, cha mẹ trông lại thì con

c) Mất lòng **trước** hơn được lòng

d) **Hẹp** nhà bụng.

e) Một miếng khi **đói** bằng một gói khi

g) **Dễ** trăm lần không dân cũng chịu
..... vạn lần dân liệu cũng xong.

4. Dựa theo nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ *xuân*, từ *xanh*, hãy xếp các kết hợp từ sau vào đúng ô trong bảng :

mùa *xuân*, tuổi *xuân*, sức *xuân*, gió *xuân*, lá *xanh*, quả *xanh*, cây *xanh*, tuổi *xanh*, mái tóc *xanh*, trời *xanh*

Các từ <i>xuân, xanh</i> dùng theo nghĩa gốc	Các từ <i>xuân, xanh</i> dùng theo nghĩa chuyển
.....
.....

5. Trong bài *Trên đường thiên lí*, nhà thơ Tố Hữu đã ghi lại cảm xúc của mình trước cảnh mùa xuân về trên đất nước như sau :

*Ta đứng vậy, ngẩn ngơ mà ngắm mãi
Quê hương ta. Nghe pháp phối trong lòng
Đôi cánh cò trắng vẫy mệnh mông
Ôi Tổ quốc ! Đơn sơ mà lộng lẫy !*

Đoạn thơ trên giúp em cảm nhận được vẻ đẹp của đất nước Việt Nam như thế nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 6.* Tả một cảnh vật thiên nhiên (cánh rừng hoặc ngọn thác, hồ nước, bãi biển, ngọn núi,...) mà em yêu thích và gắn bó trên đất nước Việt Nam thân yêu. (Bài viết có độ dài khoảng 15 câu.)

Chú ý : Ở tất cả các đề, học sinh làm bài 6* trên giấy kẻ ô li ; độ dài bài viết khoảng 15 câu. Bài làm có cho điểm về chữ viết và trình bày.

ĐỀ 2

1. Gạch dưới những cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ sau :

- Bàn tay có ngón ngắn ngón dài
- Đất có chỗ bồi chỗ lở
- Ngựa có con dõ con hay
- Cây có cành bồng cành la
- Nhà có anh giàu anh khó

2. Xếp các kết hợp từ dưới đây vào từng ô trong bảng :

quả cam, quả đồi, quả bóng, lá thư, lá tre, lá phổi, lá non, mắt bò câu, mắt kính (kiếng), mắt cận thị

Có từ in đậm dùng theo nghĩa gốc	Có từ in đậm dùng theo nghĩa chuyển
.....
.....
.....

3. Điền vào những chỗ trống các cặp quan hệ từ (QHT) thích hợp và cho biết cặp QHT đó thể hiện quan hệ gì trong câu (ghi vào chỗ trống trong ngoặc đơn cuối câu).

a) ai cũng xả rác bừa bãi, tùy tiện môi trường sẽ bị ô nhiễm.

(Cặp QHT thể hiện quan hệ)

b) khu vườn đã được chăm sóc chu đáo những chú chim lại lần lượt kéo nhau về làm tổ.

(Cặp QHT thể hiện quan hệ)

c) tuổi đã cao bà ngoại vẫn tích cực tham gia Tết trồng cây.

(Cặp QHT thể hiện quan hệ)

4. Đặt câu theo yêu cầu dưới đây :

a) Câu kiểu *Ai làm gì ?* có vị ngữ là động từ kèm theo một số từ ngữ phụ thuộc (cụm động từ) :

.....

.....

b) Câu kiểu *Ai thế nào ?* có vị ngữ là cụm tính từ hoặc cụm động từ (chỉ trạng thái) :

.....

.....

5. Tả cảnh đi chợ Tết của những người dân miền trung du, nhà thơ Đoàn Văn Cừ có những câu thơ trong bài *Chợ Tết* như sau :

*Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon
Vài cụ già chống gậy bước lom khom
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đâu
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau*

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 câu) nói về cảm nhận của em khi đọc đoạn thơ trên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 6.* Mùa xuân đem đến cho ta bao sắc màu của những loài hoa đẹp. Hãy miêu tả một cây hoa thường nở vào dịp Tết trên quê hương em.

ĐỀ 3

1. Xếp các từ đồng nghĩa sau vào từng nhóm (a, b, c) biểu thị thái độ, tình cảm khác nhau của người dùng từ đối với người được nói đến : *chết, hi sinh, mất, tạ thế, dền tội, tắt thở, toi mạng, quy tiên.*

a) Dùng với thái độ bình thường :

b) Dùng với thái độ quý trọng :

c) Dùng với thái độ coi thường :

2. Tìm 2 từ trái nghĩa với mỗi từ dưới đây và ghi vào chỗ trống :

- rộng rãi /
.....
- ôn ào /
.....

- hoang phí /
.....
- chia rẽ /
.....

3. Dựa vào nghĩa, hãy xếp các từ ngữ sau thành 2 nhóm và cho biết lí do vì sao em xếp như vậy (ghi lí do vào chỗ trống trong ngoặc) :

mũi thuyền, mũi kim, mũi dọt dĩa, mũi đất, mũi đỏ, mũi dao, mũi tet, mũi hếch

- Nhóm (1) :

(Lí do :))

- Nhóm (2) :

(Lí do :))

4. Xếp các từ ghép sau vào bảng phân loại :

bình minh, bình lặng, bình tâm, bình phục, bình nguyên, bình bầu, bình dị, bình phẩm

Danh từ	Động từ	Tính từ
.....
.....
.....

5. Trong bài *Tuổi Ngựa* (sách *Tiếng Việt 4*, tập một), nhà thơ Xuân Quỳnh có viết :

*Tuổi con là tuổi Ngựa
Nhưng mẹ ơi, đừng buồn
Dẫu cách núi cách rừng
Dẫu cách sông cách biển
Con tìm về với mẹ
Ngựa con vẫn nhớ đường.*

Qua đoạn thơ, em thấy người con muốn nói với mẹ điều gì ? Điều đó cho thấy tình cảm của người con đối với mẹ ra sao ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 6.* Ca dao có câu :

*Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ngoài khơi biển Đông.*

Hãy kể lại một câu chuyện để lại ấn tượng sâu sắc về tấm lòng cao đẹp của cha mẹ (hoặc người nuôi dạy, đỡ đầu thay cha mẹ) đối với em.

ĐỀ 4

1. Xếp các từ sau thành 2 nhóm từ đồng nghĩa hoàn toàn, có thể thay thế cho nhau trong lời nói :

im lặng, vắng vẻ, yên tĩnh, im ắng, vắng ngắt, tĩnh mịch, vắng tanh, vắng lặng, yên lặng, vắng tênh

(1)

(2)

2. Tìm từ trái nghĩa với từ in nghiêng để điền vào chỗ trống sao cho đúng nội dung các câu sau :

a) Ở sao cho vừa lòng người

Ở rộng người cười ở người chê.

b) Cười người chẳng nghĩ đến thân

Thử sờ lên gáy xem hay xa.

c) Ngọt bùi nhớ lúc

Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ

d) Mất ⁽¹⁾ lòng trước ⁽²⁾ hơn ⁽¹⁾ lòng ⁽²⁾

e) Áo ⁽¹⁾ khéo ⁽²⁾ vá hơn lành ⁽¹⁾ ⁽²⁾ may.

3. Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của mỗi từ in đậm dưới đây :

a) – **đi** (nghĩa gốc) :

.....

– **đi** (nghĩa chuyển) :

.....

b) – **đúng** (nghĩa gốc) :

.....

– **đứng** (*nghĩa chuyển*) :

.....

4. Đặt câu theo mỗi yêu cầu sau và ghi vào chỗ trống trong ngoặc tên loại câu em đã đặt theo mục đích nói (*kể, hỏi, cảm, khiến*) :

a) Hỏi về ước mơ của một người bạn nhân dịp đầu xuân mới. (*Câu*)

.....

b) Tả bông hoa đẹp trong ngày Tết. (*Câu*)

.....

c) Muốn bạn cho mượn quyển *Từ điển tiếng Việt*. (*Câu*)

.....

d) Bộc lộ cảm xúc vui mừng khi gặp người thân đi xa trở về nhà. (*Câu*)

.....

5. Đọc đoạn thơ sau trong bài *Khi mẹ vắng nhà* của nhà thơ Trần Đăng Khoa, em có những suy nghĩ gì về câu trả lời của tác giả đối với mẹ ?

Mẹ bảo em : Đạo này ngoan thế !

– Không, mẹ ơi ! Con đã ngoan đâu !

Áo mẹ mưa bạc màu

Đầu mẹ nắng cháy tóc

Mẹ ngày đêm khó nhọc

Con chưa ngoan, chưa ngoan !

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 6.* Tả một học sinh đang vui chơi ở sân trường em hoặc một em nhỏ đang chơi đùa ở lớp mẫu giáo.

ĐỀ 5

1. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu tục ngữ và cho biết mỗi câu tục ngữ đó khuyên ta điều gì (ghi tiếp vào chỗ trống trong ngoặc) :

a) Uống..... nhớ

(*Khuyên*))

b) Đói cho rách cho

(*Khuyên*))

c) Chớ thấy mà rã

(*Khuyên*))

d) chẳng mất mua

Lựa mà nói cho nhau.

(*Khuyên*))

2. Tìm 2 từ đồng nghĩa, 2 từ trái nghĩa với từ in đậm ở cột A và ghi vào từng ô trong bảng :

<i>Từ đồng nghĩa</i>		A	<i>Từ trái nghĩa</i>	
.....	khôn ngoan
.....	tài giỏi

3. Ghi vào mỗi chỗ trống 2 từ ngữ có từ in đậm mang nghĩa chuyển :

- a) **tay** / b) **chân** /
 c) **mặt** / d) **mũi** /

4. Đặt 6 dấu phẩy vào những chỗ thích hợp trong các câu của đoạn văn sau :

Ở vùng này lúc hoàng hôn và lúc tảng sáng phong cảnh rất nên thơ. Gió rừng thổi vi vu làm các cành cây đu đưa một cách nhẹ nhàng yếu điệu. Mặt trời chênh chếch rọi xuống biển ỨC triệu giọt sương trên lá cây ngọn cỏ thành những hạt ngọc nhấp nháy lung linh.

5. Trong bài *Cửa sông*, nhà thơ Quang Huy viết về nơi dòng sông chảy ra biển như sau :

*Dù giáp mặt cùng biển rộng
 Cửa sông chẳng dứt cội nguồn
 Lá xanh mỗi lần trôi xuống
 Bỗng... nhớ một vùng núi non...*

Em hãy chỉ rõ những hình ảnh nhân hoá được tác giả sử dụng trong khổ thơ trên và nêu ý nghĩa của những hình ảnh đó.

.....

.....
.....
.....
.....

6.* Tả cảnh một lễ hội đông vui, thú vị được tổ chức vào dịp đầu xuân trên quê hương em (hoặc nơi em đã đến và được chứng kiến).

ĐỀ 6

1. Điền các từ đồng nghĩa *nhìn, trông, xem, ngắm* vào các chỗ trống thích hợp trong đoạn văn sau :

Bạn Hằng vừa em vừa ti vi nên không
..... thấy mẹ đi làm về đang đứng trước cửa hai chị em.

2. Xếp các từ sau thành 8 cặp từ trái nghĩa và ghi vào chỗ trống ở dưới :

ham, sống, khoẻ, khéo, khôn, ngoan, chán, ác, vụng, hư, giỏi, yếu, dại, hiền, kém, chết

- (1) /, (2) /,
- (3) /, (4) /,
- (5) /, (6) /,
- (7) /, (8) /

3. Đặt câu để phân biệt các từ đồng âm :

a) **đâu** : -
-

b) **đông** : -
-

4. Dùng đại từ ở những chỗ thích hợp để thay thế cho cụm danh từ bị lặp lại nhiều lần rồi chép lại đoạn văn cho sạch đẹp (nhớ gạch dưới các đại từ đã dùng) :

Con ngựa của ông Trắc mới quý làm sao. Mỗi khi con ngựa nhếch môi lên lại để lộ hai hàm răng trắng muốt. Bờm của con ngựa được ông Trắc xén cắt rất phẳng. Ngực nở. Bốn chân con ngựa khi đứng cũng cứ dậm lộp cộp trên đất. Cái đuôi dài ve vẩy hết sang phải lại sang trái. Ông Trắc đặt tên cho con ngựa là Hồng Vân. Theo ý ông, tên đó hay lắm vì lông con ngựa màu hung hung mà con ngựa lại chạy nhanh. Từ nước kiêu sang nước đại, nước nào cũng khá cả.

Theo VÂN TRÌNH

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Đọc đoạn thơ sau của nhà thơ Thái Vĩnh Linh :

*Từ khi bà yếu
Tấm lưng thêm còng
Bố sắm chiếc gậy
Đặt sẵn trong phòng.*

*Nhưng bà lại bảo
Gậy nào vững hơn
Bàn tay của cháu
Đất bà sớm hôm ?*

Em hãy cho biết : Ở khổ thơ thứ hai, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ? Nhờ biện pháp nghệ thuật đó, tác giả nói được cảm nghĩ của bà về cháu như thế nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.* Ca dao xưa có câu :

*Bạn bè là nghĩa tương tri
Sao cho sau trước một bề mới nên.*

Hãy tả một người bạn luôn gần gũi, thân thiết và đối xử tốt với em.

ĐỀ 7

1. Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu tục ngữ dưới đây. Nêu nội dung, ý nghĩa của 2 câu tục ngữ c, d (ghi vào chỗ trống trong ngoặc).

a) *Học đâu hiểu*

b) *Học một biết*

c) *Học thầy không tày học*

(Nội dung, ý nghĩa :
.....)

d) *Đi một ngày đàng học một sàng*

(Nội dung, ý nghĩa :
.....)

2. Tìm 2 từ đồng nghĩa, 2 từ trái nghĩa với từ in đậm ở cột A và ghi vào từng ô trong bảng :

<i>Từ đồng nghĩa</i>		A	<i>Từ trái nghĩa</i>	
.....	dũng cảm
.....	thật thà

3. Điền quan hệ từ, cặp quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau :

a) Trưa, nước biển xanh lơ khi chiều tà biển đổi sang màu xanh lục.

b) bảo vệ tốt những cánh rừng đầu nguồn quê tôi không bị những trận lũ lớn tràn về.

c) những núi băng ở Bắc Cực và Nam Cực tan ra thành nước toàn bộ trái đất sẽ trở thành biển cả.

d) tuổi còn nhỏ thiếu nhi Việt Nam đã có ý thức tham gia bảo vệ môi trường.

4. Đoạn văn sau còn thiếu 7 dấu phẩy (câu 1 : 2, câu 3 : 1, câu 4 : 1, câu 6 : 3), 1 dấu hai chấm và 1 dấu ngoặc kép. Em hãy đặt đủ các dấu câu nói trên vào đúng vị trí trong câu.

(1) Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên trên đường tiến quân voi của Trần Hưng Đạo bị sa lầy. (2) Quân sĩ cùng nhân dân trong vùng tìm đủ mọi cách để cứu voi nhưng vô hiệu. (3) Bùn lầy nhão voi to nặng mỗi lúc một lún thêm mà nước triều lại đang lên nhanh. (4) Vì việc quân cấp bách Trần Hưng Đạo đành để voi ở lại. (5) Voi chảy nước mắt nhìn vị chủ tướng ra đi. (6) Có lẽ vì thương tiếc con vật khôn ngoan có nghĩa với người có công với nước nên khi hô hào quân sĩ Trần Hưng Đạo đã trở xuống dòng sông Hoá thề rằng Chuyến này không phá xong giặc Nguyên thề không về đến bến sông này nữa !...

5. Viết về cửa sổ của ngôi nhà thân thương, nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn có những câu thơ sau :

*Cửa sổ là mắt của nhà
Nhìn lên trời rộng, nhìn ra sông dài.
Cửa sổ là bạn của người
Giờ lưng che cả khoảng trời gió mưa.*

Hãy cho biết : Đoạn thơ đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì nổi bật ?
Biện pháp nghệ thuật đó đã giúp em cảm nhận được điều gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 6.* Tả cảnh một buổi hoàng hôn hoặc một đêm trăng đẹp trên quê hương em.

ĐỀ 8

1. Tìm 2 từ *đồng nghĩa* với mỗi từ in đậm và ghi vào ô trống ở từng cột :

trung thực	nhân hậu	cao đẹp	cống hiến
.....
.....

2. Ghi vào chỗ trống :

- 2 từ *trái nghĩa* với từ **an toàn** :
- 2 từ *trái nghĩa* với từ **bình tĩnh** :
- 2 từ *trái nghĩa* với từ **vui vẻ** :
- 2 từ *trái nghĩa* với từ **trẻ măng** :

3. Ghi vào mỗi chỗ trống 2 từ ngữ có từ in đậm mang nghĩa chuyển :

- a) lá / b) quả /
- c) ăn / d) tươi /

4. Chọn dấu câu thích hợp (*dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than*) đặt vào ô trống cuối mỗi câu rồi cho biết kiểu câu đó thuộc kiểu câu gì (ghi vào chỗ trống trong ngoặc).

- a) Ôi, chữ cô giáo đẹp quá (*Kiểu câu*
- b) Đây là chữ của cô giáo (*Kiểu câu*
- c) Cô giáo dạy chữ cho ai (*Kiểu câu*
- d) Cô dạy chữ cho em đi (*Kiểu câu*

5. Kết thúc bài *Hành trình của bầy ong*, nhà thơ Nguyễn Đức Mậu viết :

*Bầy ong giữ hộ cho người
Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày.*

Em hiểu hai dòng thơ trên như thế nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.* Tả một em bé đang tuổi tập đi, tập nói (hoặc em bé ở lứa tuổi mầm non) mà em có dịp quan sát, tiếp xúc.

ĐỀ 9

1. Dựa vào nghĩa (hoặc cấu tạo), hãy xếp các từ ngữ sau thành 2 nhóm và cho biết lí do vì sao em xếp như vậy (ghi lí do vào chỗ trống trong ngoặc) :

*mưa phùn, mưa ào ào, mưa ngâu, mưa xối xả, mưa nguồn, mưa dầm dề,
mưa bóng mây, mưa đá, mưa tầm tã, mưa rả rích*

Nhóm 1 :

(Lí do :))

Nhóm 2 :

.....

(Lí do :))

2. Từ những ví dụ ở cột A, hãy cho biết từ in đậm trong mỗi ô là từ *đồng âm* hay từ *nhiều nghĩa* (ghi kết quả vào chỗ trống trong ngoặc).

A	B
a) – Quyển sách để trên bàn . – Cả tổ cùng bàn kế hoạch giúp đỡ Lan.	Từ bàn là từ
b) – Mưa rơi lộp độp trên mái nhà . – Năm nay, cả nhà em về quê ăn Tết.	Từ nhà là từ
c) – Bé mở lông để chim bay đi. – Mẹ lông ruột bông vào vỏ chăn.	Từ lông là từ
d) – Mẹ ôm em vào lòng để truyền hơi ấm . – Bố biểu ông ngoại mấy ấm trà sen.	Từ ấm là từ

3. Đặt câu theo yêu cầu dưới đây :

a) Câu kiểu *Ai làm gì ?* có một danh từ hoặc đại từ làm chủ ngữ :

.....

.....

b) Câu kiểu *Ai thế nào ?* có một danh từ hoặc đại từ làm chủ ngữ :

.....

.....

c) Câu kiểu *Ai là gì ?* có một danh từ hoặc đại từ làm chủ ngữ :

.....
.....

d) Câu kiểu *Ai là gì ?* có danh từ tham gia bộ phận vị ngữ :

.....
.....

4. Đặt 2 câu, trong đó mỗi câu có dùng ít nhất 2 danh từ chỉ người làm *đại từ xưng hô* (gạch dưới các đại từ đó).

Ví dụ (VD) : – Thưa cụ, cháu có thể giúp gì cụ không ạ ?

a) Nói với người bề trên :

.....

b) Nói với người bề dưới :

.....

5. Trong bài *Tiếng Việt*, nhà thơ Bùi Đình Khôi có viết :

*Tiếng Việt giàu
Của mẹ cha trao
Ta trân trọng
Nâng niu từng tiếng một...*

Hãy nêu suy nghĩ của em khi đọc những câu thơ trên.

.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.* Tả quang cảnh một công viên hoặc khu vui chơi giải trí mà em đã từng đến.

ĐỀ 10

1. Xếp các từ sau thành 8 cặp từ trái nghĩa và ghi vào chỗ trống (ghi dấu gạch chéo / giữa hai từ) :

tận tình, nhẹ nhõm, mới, hoang phí, ồn ào, khéo, đoàn kết, nhanh nhẹn, cũ, nặng nề, im lặng, chia rẽ, thờ ơ, chậm chạp, vụng, tiết kiệm

(1)....., (2)

(3)....., (4)

(5)....., (6)

(7)....., (8)

2. a) Với mỗi nghĩa dưới đây của từ **chạy**, hãy đặt 1 câu (theo mẫu).

VD : *Chạy* với nghĩa là công việc diễn ra thuận lợi, trôi chảy :

Hàng hoá dạo này bán rất chạy.

(1) *Chạy* với nghĩa chỉ hoạt động của máy móc :

.....

.....

(2) *Chạy* với nghĩa là di chuyển bằng chân với tốc độ cao :

.....
.....

(3) *Chạy* với nghĩa là tránh những điều không may sắp xảy ra :

.....
.....

b) Với các nghĩa trên (1, 2, 3), từ *chạy* trong trường hợp nào mang nghĩa gốc ?

.....

Từ *chạy* trong những trường hợp nào mang nghĩa chuyển ?

.....

3. Nhận xét chỗ sai của mỗi câu sau và viết lại cho đúng ngữ pháp tiếng Việt :

a) *Khi những hạt mưa xuân nhẹ nhẹ rơi trên các nhánh cây.*

* Nhận xét :

* Sửa lại :

.....
.....

b) *Mỗi con đường, góc phố, hàng cây yêu dấu.*

* Nhận xét :

* Sửa lại :

.....
.....

4. Ngắt đoạn dưới đây thành 4 câu, đặt 3 dấu chấm và 4 dấu phẩy vào những chỗ thích hợp, sau đó chép lại cho đúng chính tả.

Sắp nở nụ mai mới phô vàng khi nở cánh hoa mai xoè ra mịn màng như lụa những cánh hoa ánh lên một sắc vàng muốt mượt mà một mùi hương thơm lừng như nếp hương phảng phất bay ra.

.....

.....

.....

.....

5. Trong bài thơ *Bác ơi !*, nhà thơ Tố Hữu có viết :

Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ, lụa tặng già.

Đoạn thơ trên đã giúp em hiểu được những nét đẹp gì trong cuộc sống của Bác Hồ kính yêu ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.* Ca dao có câu :

Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy
Nghĩ sao cho thoả những ngày gian lao.

Hãy kể một câu chuyện nói về cha mẹ hoặc cô giáo (thầy giáo) theo ý câu ca dao trên.

B – KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC

ĐỀ 11

1. Dựa theo nghĩa của tiếng *công*, xếp các từ ngữ sau thành 3 nhóm và ghi nghĩa của tiếng *công* vào ô trống cuối mỗi nhóm :

công bằng, công cộng, công sức, công tâm, công viên, công lao, công quỹ, công minh, công của

<i>Nhóm 1</i>	<i>Nhóm 2</i>	<i>Nhóm 3</i>
.....
<i>Công</i> có nghĩa là :	<i>Công</i> có nghĩa là :	<i>Công</i> có nghĩa là :

2. Viết thêm *vế câu* thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh mỗi câu ghép và nêu rõ quan hệ giữa hai vế câu ghép đã thể hiện (ghi tiếp vào chỗ trống trong ngoặc) :

a) Vì nên Rùa đã chấp nhận chạy thi với Thỏ.

(Hai vế câu ghép có quan hệ)

b) Nếu thì Thỏ đã về đích trước Rùa.

(Hai vế câu ghép có quan hệ)

c) Mặc dù nhưng nó vẫn không đuổi kịp Rùa.

(Hai vế câu ghép có quan hệ)

d) Chẳng những mà nó còn rất khiêm tốn.

(Hai vế câu ghép có quan hệ)

3. Chỉ rõ chỗ sai ở mỗi câu dưới đây rồi viết lại cho hoàn chỉnh :

a) Tuy vườn nhà em nhỏ bé và không có cây ăn quả.

* Chỗ sai :

* Sửa lại :

.....

b) Vì mẹ bị ốm nên mẹ đã làm việc quá sức.

* Chỗ sai :

* Sửa lại :

.....

4. Đặt 2 dấu chấm để tách đoạn văn sau thành 3 câu, ghi 4 dấu phẩy vào những chỗ thích hợp (1 dấu phẩy ở câu thứ nhất, 2 dấu phẩy ở câu thứ hai, 1 dấu phẩy ở câu thứ ba), sau đó chép lại cho đúng chính tả :

Nắng ấm sân rộng và sạch mè con chạy giỡn hết góc này đến góc khác hai tai dựng đứng cái đuôi ngoe nguẩy chạy chán mè con lại nép vào gốc cau để rình con bướm đang bay.

.....

.....

.....

.....

.....

5. Kết thúc bài thơ *Viếng lăng Bác*, nhà thơ Viễn Phương viết :

*Mai về miền Nam, thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

Hãy cho biết : Qua khổ thơ trên, nhà thơ muốn bộc lộ điều gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.* Tả một người thân trong gia đình mà em luôn gần gũi và quý mến.

ĐỀ 12

1. Tìm các từ ghép có tiếng *cảm* (nghĩa là làm cho rung động trong lòng khi tiếp xúc với sự việc gì) theo yêu cầu sau :

a) 4 từ ghép có tiếng *cảm* đứng trước (VD : *cảm xúc*).

(1)....., (2)

(3)....., (4)

b) 4 từ ghép có tiếng *cảm* đứng sau (VD : *tình cảm*).

(1)....., (2)

(3)....., (4)

2. a) Xếp các từ phức dưới đây thành 4 cặp từ trái nghĩa có cùng đặc điểm cấu tạo (đều là từ láy hoặc đều là từ ghép có nghĩa phân loại, từ ghép có nghĩa tổng hợp, VD : *nóng bỏng – lạnh buốt*).

nóng mặt, nóng rực, nóng nảy, nóng bức, lạnh lùng, lạnh toát, lạnh gáy, lạnh giá

(1).....

(2)

(3).....

(4)

b) Trong số các cặp từ trái nghĩa nói trên, hãy gạch dưới những cặp từ được dùng theo *nghĩa chuyển*.

3. Đặt 1 câu có từ *cân* là *danh từ*, 1 câu có từ *cân* là *động từ*, 1 câu có từ *cân* là *tính từ* :

a) *cân* (*danh từ*)

.....
.....

b) *cân* (*động từ*)

.....
.....

c) *cân* (*tính từ*)

.....
.....

4. Viết các câu ghép có nội dung nói về thiên nhiên, đất nước hoặc con người theo những yêu cầu dưới đây.

a) Các vế câu trong câu ghép được nối *trực tiếp* (không dùng từ nối) :

.....
.....

b) Các vế câu trong câu ghép được nối với nhau bằng *một quan hệ từ* :

.....
.....

c) Các vế câu trong câu ghép được nối với nhau bằng *một cặp quan hệ từ* :

.....
.....

d) Các vế câu trong câu ghép được nối với nhau bằng *một cặp từ hô ứng* :

.....
.....

5. Trong bài thơ *Con yêu mẹ*, nhà thơ Xuân Quỳnh có viết :

– *À mẹ ơi có con đấy*
Luôn trong bao diêm con đây
Mở ra là con thấy ngay
Con yêu mẹ bằng con đấy!

Hãy chỉ rõ cách so sánh trong khổ thơ trên và nêu cảm nhận của em về hình ảnh so sánh đó.

.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.* Em đã từng được cha mẹ (hoặc bạn bè, người thân) tặng một món quà nhân ngày sinh nhật (hoặc một lí do khác). Hãy tả lại món quà đó và nêu cảm nghĩ của em.

ĐỀ 13

1. Gạch bỏ từ không thuộc nhóm từ đồng nghĩa trong mỗi dãy từ (a, b, c) và cho biết những từ còn lại dùng để tả gì.

(a) ngào ngạt, sực nức, thấp thoáng, thơm nồng, thơm ngát

– Những từ còn lại trong dãy từ (a) dùng để tả

(b) rực rỡ, sặc sỡ, tươi thắm, tươi cười, thắm tươi

– Những từ còn lại trong dãy từ (b) dùng để tả

(c) long lanh, lóng lánh, lung linh, lung lay, lấp lánh

– Những từ còn lại trong dãy từ (c) dùng để tả

2. Hãy cho biết mỗi từ **xanh** trong từng câu thơ dưới đây có nghĩa gì và cho biết đó là nghĩa gốc hay nghĩa chuyển (ghi vào chỗ trống trong ngoặc).

(1) Ngôi nhà như trẻ nhỏ

Lớn lên với trời **xanh**.⁽¹⁾

ĐỒNG XUÂN LAN

(2) Trái khế còn *xanh*⁽²⁾ hái ở vườn nhà

Mẹ mang về nấu canh chua cá lóc.

NGUYỄN HOÀNG

(3) Dù bom đạn, xương tan thịt nát

Không sờn lòng, không tiếc tuổi *xanh*⁽³⁾.

TỔ HỮU

Trả lời :

(1) Từ *xanh*⁽¹⁾ có nghĩa :

(.....)

(2) Từ *xanh*⁽²⁾ có nghĩa :

(.....)

(3) Từ *xanh*⁽³⁾ có nghĩa :

(.....)

3. Tìm từ trái nghĩa với từ *xanh* trong câu thơ thứ hai, thứ ba ở bài tập 2 và đặt câu với mỗi từ trái nghĩa đó.

(1) Từ trái nghĩa với từ *xanh*⁽²⁾ :

Đặt câu :

.....

(2) Từ trái nghĩa với từ *xanh*⁽³⁾ :

Đặt câu :

.....

4. Đặt câu ghép có hai vế câu được nối với nhau bằng mỗi cặp từ hô ứng sau :

a) vừa ... đã ...

.....
.....

b) đâu ... đấy

.....
.....

5. Viết đoạn văn (khoảng 5 câu) bộc lộ suy nghĩ và cảm nhận của em về hai câu thơ sau trong bài *Con cò* của nhà thơ Chế Lan Viên :

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ,
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

6.* Viết bài văn tả cảnh một cánh đồng (hoặc vườn rau, vườn cây ăn quả, con đường, dòng sông) nơi em ở vào một buổi sáng đẹp trời.

ĐỀ 14

1. Xếp 15 từ sau thành 3 nhóm từ đồng nghĩa và ghi vào từng cột trong bảng :

anh dũng, nhân từ, trung thực, nhân hậu, dũng cảm, nhân ái, thành thật, gan dạ, chân thật, nhân đức, thực thà, can đảm, phúc hậu, thẳng thắn, gan góc

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
(1).....	(1).....	(1).....
(2).....	(2).....	(2).....
(3).....	(3).....	(3).....
(4).....	(4).....	(4).....
(5).....	(5).....	(5).....

2. Đặt 2 câu với mỗi từ dưới đây, trong đó có 1 câu dùng từ in đậm theo nghĩa gốc (G), 1 câu dùng từ in đậm theo nghĩa chuyển (C).

a) *cánh*

– (G) :

.....

– (C) :

.....

b) *già*

– (G) :

.....

– (C) :
.....

3. Gạch dưới và ghi tên các bộ phận *trạng ngữ* (TrN), *chủ ngữ* (CN), *vị ngữ* (VN) của mỗi câu sau rồi cho biết đó là câu kể thuộc kiểu *Ai làm gì ?* hay *Ai thế nào ?* (ghi vào chỗ trống trong ngoặc) :

a) *Nhờ có bạn bè giúp đỡ, bạn Hoà đã có nhiều tiến bộ trong học tập và tu dưỡng bản thân.* (Câu kiểu)

b) *Đêm ấy, bên bếp lửa hồng, cả nhà ngồi luộc bánh chưng, trò chuyện đến sáng.* (Câu kiểu)

c) *Mỗi lần Tết đến, đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ giải trên các lễ phố Hà Nội, lòng tôi thấm thía một nỗi biết ơn đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân.* (Câu kiểu)

4. Đặt câu ghép theo mỗi yêu cầu sau :

a) Các vế câu trong câu ghép được nối với nhau bằng *một quan hệ từ* thể hiện quan hệ *nguyên nhân – kết quả*.

.....
.....

b) Các vế câu trong câu ghép được nối với nhau bằng *một cặp quan hệ từ* thể hiện quan hệ *điều kiện (giả thiết) – kết quả*.

.....
.....

5. Đọc bài thơ *Em thương* của thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký :

*Em thương làn gió mờ côi
Không tìm thấy bạn, vào ngôi trong cây
Em thương sợi nắng đông gầy
Run run ngã giữa vườn cây cải ngồng.*

Hình ảnh *làn gió mờ côi* và *sợi nắng đông gầy* gợi cho em nghĩ đến những con người như thế nào ? Bài thơ giúp em cảm nhận được điều gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.* Trong cuộc sống, bên cạnh gia đình, chúng ta còn có bạn bè và những người hàng xóm thân thiết. Hãy tả một người hàng xóm từng để lại cho em ấn tượng sâu sắc, đẹp đẽ.

ĐỀ 15

1. Nêu cách hiểu của em về nghĩa của tiếng **thắng** trong mỗi câu dưới đây (ghi vào chỗ trống trong ngoặc).

a) Việt Nam có nhiều **thắng** cảnh thật tuyệt vời.

(**Thắng** có nghĩa là

b) Đó là chiến *thắng* vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

(*Thắng* có nghĩa là)

c) Nhiều nơi đã quyết tâm *thắng* nghèo nàn, lạc hậu.

(*Thắng* có nghĩa là)

d) Bạn Minh *thắng* bộ quần áo mới để đi chơi Tết.

(*Thắng* có nghĩa là)

2. Ghi vào chỗ trống :

– 4 từ đồng nghĩa với từ *hiền lành* :

.....

– 4 từ trái nghĩa với từ *hiền lành* :

.....

3. Trong 4 câu dưới đây, có hai câu không phải là câu hỏi. Em hãy gạch dưới hai câu đó rồi chép lại vào chỗ trống bên dưới, sau đó xác định bộ phận chủ ngữ (CN), bộ phận vị ngữ (VN) của câu.

a) Trên lớp, Tú có hay phát biểu ý kiến không ?

b) Mẹ hỏi Tú có hay phát biểu ý kiến trên lớp không ?

c) Ý kiến phát biểu của Tú có được cô giáo khen không ?

d) Tú nghĩ rằng chẳng lẽ Thuý hay Hồng đã làm việc ấy chẳng ?

(Chép lại và xác định bộ phận CN, VN.)

.....

.....

.....

.....

4. Thêm *vế câu* thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh mỗi câu ghép dưới đây.

a) Hẽ sân trường có nắng đẹp,

.....

b) Vì Hải quá say mê chơi điện tử,

.....

c) Hoàng không chỉ học giỏi mà

.....

d) Dù nhà ở cách trường khá xa nhưng

.....

5. Trong bài thơ *Trước cổng trời* (sách *Tiếng Việt 5*, tập một), nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh có viết :

Những người Giáy, người Dao

Đi tìm măng, hái nấm

Vạt áo chàm thấp thoáng

Nhuộm xanh cả nắng chiều

Và gió thổi suốt reo

Ấm giữa rừng sương giá.

Hãy nêu cảm nhận của em về hình ảnh người dân miền núi qua đoạn thơ trên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....

6.* Hãy tả cảnh vật nơi em ở (hoặc một nơi khác mà em đã đến) gắn với một mùa trong năm (xuân, hạ, thu, đông ; hoặc mùa khô, mùa mưa).

ĐỀ 16

1. Xếp các từ *ghép* dưới đây thành 3 nhóm từ có đặc điểm cấu tạo giống nhau (bút + x) và ghi rõ đặc điểm đó vào chỗ trống trong ngoặc đơn cuối mỗi nhóm :

bút Hồng Hà, bút chì, bút Cửu Long, bút xoáy, bút dạ, bút Trường Sơn, bút bi, bút lông, bút thử điện, bút kẻ lông mày

– Nhóm (1) :

(*Đặc điểm cấu tạo* :))

– Nhóm (2) :

(*Đặc điểm cấu tạo* :))

– Nhóm (3) :

(*Đặc điểm cấu tạo* :))

2. Ghi vào mỗi chỗ trống 1 từ ngữ có từ in đậm mang nghĩa chuyển :

a) *mắt* / b) *má* /

c) *đúng* / d) *đi* /

3. Đặt 2 câu để phân biệt mỗi từ đồng âm dưới đây :

a) *trống*

Đặt câu :

(1)

(2)

b) *đồng*

Đặt câu :

(1)

(2)

4. Viết các câu ghép nói về một học sinh có ý chí, nghị lực, theo mỗi yêu cầu sau :

a) Dùng một *cặp quan hệ từ* biểu thị *quan hệ tương phản* :

.....
.....

b) Dùng một *cặp quan hệ từ* biểu thị *quan hệ tăng tiến* :

.....
.....

5. Kết thúc bài thơ *Tiếng vọng*, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều viết :

Đêm đêm tôi vừa chợp mắt

Cánh cửa lại rung lên tiếng đập cánh

Những quả trứng lại lăn vào giấc ngủ

Tiếng lăn như đá lở trên ngàn.

Theo em, những hình ảnh hiện về trong giấc ngủ được gợi tả qua đoạn thơ trên cho thấy điều gì đã diễn ra trong tâm hồn tác giả ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 6.* Hãy kể lại một câu chuyện từng để lại cho em những ấn tượng đẹp đẽ về tình bạn dưới mái trường tiểu học.

ĐỀ 17

1. Tìm và ghi lại 4 câu tục ngữ có nội dung khuyên bảo về cách ăn mặc, đi đứng, nói năng.

(1)

(2)

(3)

(4)

.....

2. Cho các từ : *núi non, rục rĩ, chen chúc, vườn, dịu dàng, ngọt, thành phố, ăn, đi đứng.*

Hãy xếp những từ trên thành các nhóm theo 2 cách :

a) **Cách 1** : Dựa vào cấu tạo

(1) Từ đơn :

(2) Từ ghép :

(3) Từ láy :

b) **Cách 2** : Dựa vào từ loại

(1) Danh từ :

(2) Động từ :

(3) Tính từ :

3. Đặt câu có các từ đồng âm dưới đây. (*Chú ý* : Mỗi câu cần có đủ 2 từ đã cho.)

a) *trái* (bên trái) – *trái* (quả)

.....
.....

b) *trái* (bên trái) – *trái* (ngược với lẽ phải)

.....
.....

4. Chữa lại mỗi câu sai dưới đây bằng 2 cách khác nhau (sửa cách nối câu ghép bằng quan hệ từ, sửa nội dung câu ghép).

Chú ý : Chỉ được thay đổi nhiều nhất 2 từ ở mỗi câu.

a) Vì bão to nên cây không bị đổ.

b) Nếu xe hỏng nhưng em vẫn đến lớp đúng giờ.

5. Để kêu gọi toàn dân tham gia Tết trồng cây vào dịp đầu xuân, Bác Hồ có câu thơ :

*Mùa xuân là Tết trồng cây
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.*

Theo em, cách dùng từ ngữ của Bác Hồ trong câu thơ trên có những gì thú vị và giàu ý nghĩa ?

.....

.....

.....

.....

.....

- 6.* Tả một con vật nuôi trong nhà gần gũi với em (hoặc con vật trong vườn thú mà em yêu thích).

ĐỀ 18

1. Tìm tiếng thích hợp điền vào chỗ trống để có các từ miêu tả màu sắc khác nhau của từng loại hoa :

– Hoa cúc *vàng* – Hoa mai *vàng* – Hoa cải *vàng*

– Hoa hồng *đỏ* – Hoa phượng *đỏ*..... – Hoa gạo *đỏ*

– Hoa mào gà *đỏ* – Hoa mười giờ *đỏ*.....

2. Gạch dưới 4 từ dùng chưa chính xác trong đoạn văn dưới đây và sửa lại bằng cách thay thế bằng từ đồng nghĩa (hoặc gần nghĩa) thích hợp. (Ghi vào ô trống trong bảng.)

Dáng người mẹ đậm đà, nước da đen láy vì dãi dầu mưa nắng. Khuôn mặt mẹ dày dặn. Dưới cặp lông mày thanh thoát, đôi mắt của mẹ tôi luôn mở to. Đôi mắt ấy đối với tôi thật gần gũi và sáng sủa biết bao.

Từ chưa chính xác	(1)	(2)	(3)	(4)
Sửa lại

3. Gạch dưới và ghi rõ tên bộ phận *trạng ngữ* (TrN), *chủ ngữ* (CN), *vị ngữ* (VN) trong mỗi câu dưới đây. (Chú ý : Câu có nhiều TrN cần ghi TrN1, TrN2 ; giữa CN và VN cần gạch chéo /.)

a) Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái.

b) Dưới đáy rừng, tựa như đột ngột, bỗng rục lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng.

4. Đặt câu ghép có các vế câu được nối với nhau bằng một quan hệ từ :

a) *và*.....

b) *rồi*

c) *thì*

d) *nhưng*.....

5. Đọc đoạn văn tả cảnh hoàng hôn trên sông Hương (TP. Huế) của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường :

Phía bên sông, xóm Côn Hến nấu cơm chiều, thả khói nghi ngút cả một vùng tre trúc. Đâu đó, từ sau khúc quanh vắng lặng của dòng sông, tiếng lanh canh của thuyền chài gỡ những mẻ cá cuối cùng truyền đi trên mặt nước, khiến mặt sông nghe như rộng hơn.

Em hãy cho biết : Đoạn văn trên có những hình ảnh và âm thanh nào có sức gợi tả sinh động ? Gợi tả được điều gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 6.* Tả một người đang bán hàng lúc đông khách (hoặc người đang làm công việc lao động chân tay) mà em từng quan sát và có ấn tượng sâu sắc.

ĐỀ 19

1. Tìm 4 từ ghép chứa tiếng **bình** theo nghĩa ghi ở từng cột trong bảng :

Bình (1) <i>Yên ổn, không có chiến tranh, không có loạn.</i>	Bình (2) <i>Tỏ ý khen, chê nhằm đánh giá, nhận xét, bàn luận.</i>	Bình (3) <i>Ở mức thường, đều, không có gì đặc biệt đáng chú ý.</i>
(1)	(1)	(1)
(2)	(2)	(2)
(3)	(3)	(3)
(4)	(4)	(4)

2. Đặt 4 câu có 4 từ **ngọt** được dùng với 4 nghĩa chuyển khác nhau. (Ghi nghĩa của từ **ngọt** vào chỗ trống trong ngoặc trước khi đặt câu.)

(1) **ngọt** (có nghĩa là)

Đặt câu :

(2) **ngọt** (có nghĩa là)

Đặt câu :

(3) **ngọt** (có nghĩa là)

Đặt câu :

(4) **ngọt** (có nghĩa là)

Đặt câu :

3. Đặt câu ghép theo mỗi cách sau :

a) Nối trực tiếp (không dùng từ nối) ; giữa các vế câu có *dấu phẩy*.

.....
.....

b) Nối trực tiếp (không dùng từ nối) ; giữa các vế câu có *dấu hai chấm*.

.....
.....

c) Nối bằng từ có tác dụng nối ; các vế câu được nối bằng quan hệ từ *mà*.

.....
.....

d) Nối bằng những từ có tác dụng nối ; các vế câu được nối bằng cặp quan hệ từ *nhờ mà*

.....
.....

4. Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh lời nhận xét về hai cách liên kết câu trong đoạn văn sau :

Hoa mai trở từng chùm thưa thớt, không đậm đặc như hoa đào. Nhưng cành mai uyển chuyển hơn cành đào. Vì thế, khi cành mai rung rinh cười với gió xuân, ta liên tưởng đến hình ảnh một đàn bướm vàng rập rờn bay lượn.

Đoạn văn trên đã sử dụng hai cách liên kết câu :

(1) (thể hiện qua các từ ngữ :)
.....)

(2) (thể hiện qua các từ ngữ :)
.....)

5. Trong bài *Đất và cây*, nhà thơ Ý Nhi có viết :

Đất thương cây non trẻ

Nuôi cây dần lớn khôn

Cây thương mẹ vất vả

Toả một màu mát êm.

Em hãy cho biết biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn thơ trên. Nhờ biện pháp nghệ thuật đó, tác giả giúp em cảm nhận được điều gì đẹp đẽ trong cuộc sống của chúng ta ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.* Một buổi tối trường, em bỗng nghe thấy tiếng ve râm ran hoặc nhìn thấy những chùm hoa phượng nở đỏ báo hiệu mùa hè đã đến. Hãy tả lại cảnh đó và nêu rõ cảm xúc của em.

ĐỀ 20

1. Tìm các câu tục ngữ nói về truyền thống dân tộc theo gợi ý dưới đây và ghi vào chỗ trống.

a) Câu có 2 từ *nước, nguồn*, nói về lòng biết ơn.

.....

b) Câu có 2 từ *trọng, thầy*, khuyên kính trọng thầy giáo, cô giáo.

.....

c) Câu có 2 từ *sạch, thơm*, khuyên giữ gìn nhân cách, dù nghèo đói cũng không làm điều xấu.

.....

d) Câu có 2 từ *sóng, chèo*, khuyên bền tâm vững chí trước khó khăn thử thách to lớn.

.....

2. Xếp các từ đồng nghĩa sau thành 3 nhóm và ghi vào các ô trong bảng :

trẻ, trẻ thơ, trẻ ranh, trẻ em, trẻ con, trẻ nhỏ, con trẻ, con nít, nhóc con, thiếu nhi, nhi đồng, nhãi ranh

<i>Từ có sắc thái coi trọng</i>	<i>Từ có sắc thái coi thường</i>	<i>Từ không có sắc thái coi trọng (hoặc coi thường)</i>
.....
.....
.....
.....

3. Đặt câu theo mỗi yêu cầu dưới đây :

a) Câu kiểu *Ai làm gì ?* có vị ngữ là động từ kèm theo một số từ ngữ phụ thuộc (cụm động từ).

.....
.....

b) Câu kiểu *Ai thế nào ?* có chủ ngữ là cụm danh từ, vị ngữ là cụm tính từ hoặc cụm động từ.

.....
.....

c) Câu kiểu *Ai là gì ?* có chủ ngữ, vị ngữ đều là cụm danh từ, dùng để giới thiệu.

.....
.....

d) Câu kiểu *Ai là gì ?* có vị ngữ là cụm danh từ, dùng để nhận định về một người, một vật nào đó.

.....
.....

4. Chép lại hai câu văn dưới đây sau khi sửa lại dấu phẩy đặt sai vị trí :

a) Trước khi bị xử bắn anh, Lý Tự Trọng vẫn hát vang bài *Quốc tế ca*.

.....
.....

b) Một chị Võ Thị Sáu ở Côn Đảo, luôn rực rỡ hoa tươi ngào ngạt hương thơm.

.....
.....

5. Trong bài thơ *Tiếng thoi*, nhà thơ Nguyễn Hương viết :

*Đêm đêm đi giữa làng mình
Tiếng thoi lách cách khi gần khi xa
Tiếng thoi dậy trước tiếng gà
Thức khuya nhất cũng lại là tiếng thoi.*

Đọc những câu thơ trên, em cảm nhận được điều gì đẹp đẽ ? Biện pháp nhân hoá và cách dùng từ ngữ (*tiếng thoi*) ở câu lục bát thứ hai đã giúp em thấy được cái hay của đoạn thơ trên như thế nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.* Hãy kể một câu chuyện nói về tình bạn (hoặc tình cảm gia đình, tình nghĩa thầy trò) từng để lại ấn tượng sâu sắc đối với em trong những ngày thơ ấu.

ĐỀ 21⁽¹⁾

I – Đọc hiểu

Đọc bài văn sau :

Nhân cách quý hơn tiền bạc

Mạc Đĩnh Chi (1272 – 1346), quê ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thi đỗ Trạng nguyên năm 1304, làm quan ở cả ba triều nhà Trần. Ông thông minh, giỏi thơ văn và có tài đối đáp rất sắc bén. Hai lần đi sứ Trung Quốc, ông tỏ rõ là người học rộng, tài cao, làm rạng danh đất nước. Khâm phục tài năng, cốt cách của Mạc Đĩnh Chi, vua Nguyên đã phong tặng ông danh hiệu “Lưỡng quốc Trạng nguyên”.

Mạc Đĩnh Chi làm quan rất thanh liêm nên nhà ông thường nghèo túng. Sau khi lo đám tang mẹ, cuộc sống của ông vốn đã thanh bạch giờ càng đạm bạc hơn. Vua Trần Minh Tông biết chuyện, liền hỏi một viên quan tin cẩn :

– Ta muốn trích ít tiền trong kho đem đến biếu Mạc Đĩnh Chi. Liệu có được không ?

Viên quan tâu :

– Nếu Hoàng thượng cho người đem tiền biếu thì Mạc Đĩnh Chi sẽ không nhận. Chỉ có cách lén bỏ tiền vào nhà, ông ấy không biết phải trả cho ai thì mới nhận.

Nhà vua ưng thuận và sai người làm như vậy.

Sáng hôm sau thức dậy, Mạc Đĩnh Chi thấy gói tiền trong nhà, liền đem vào triều, trình lên vua Minh Tông :

– Tâu Hoàng thượng. Đêm qua ai đã bỏ vào nhà thần gói tiền này. Thần ngờ đây là tiền của người muốn dứt lốt thần. Vậy, xin Hoàng thượng cho thần nộp tiền này vào công quỹ.

Vua Minh Tông đáp :

– Khanh có khó nhọc thì người ta mới giúp cho. Cứ coi đó là tiền của mình cũng được chứ sao !

– Phàm của cải không do tay mình làm ra thì không được tư hào đến. – Mạc Đĩnh Chi khảng khái đáp.

Vua rất cảm kích trước tấm lòng trung thực, liêm khiết, trọng nhân cách hơn tiền bạc của Mạc Đĩnh Chi, đành giữ lại tiền rồi cho ông lui.

Theo QUỲNH CƯ

(1) Từ Đề 21 đến Đề 25, nội dung kiểm tra gồm 3 phần : *Đọc hiểu* (có kết hợp kiểm tra kiến thức, kỹ năng về từ và câu) ; *Cảm thụ văn học* ; *Tập làm văn*. Thời gian làm bài : 60 phút.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

- 1. Vì sao vua Nguyễn phong tặng Mạc Đĩnh Chi danh hiệu “*Lưỡng quốc Trạng nguyên*” ?**
 - a – Vì Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang nước Trung Quốc hai lần
 - b – Vì vua khâm phục tài năng, cốt cách của Mạc Đĩnh Chi
 - c – Vì vua gặp gỡ Mạc Đĩnh Chi và cảm thấy quý mến ông
 - d – Vì Mạc Đĩnh Chi đã thi đỗ Trạng nguyên ở cả hai nước

- 2. Thấy Mạc Đĩnh Chi nghèo túng, vua Minh Tông đã giúp đỡ ông bằng cách nào ?**
 - a – Cho người đem tiền đến để biếu
 - b – Cho mời ông đến nhận tiền biếu
 - c – Cho người lén bỏ tiền vào nhà ông
 - d – Cho ông lĩnh thêm tiền trong kho

- 3. Câu chuyện tập trung ca ngợi điều gì đáng quý ở Mạc Đĩnh Chi ?**
 - a – Thông minh, giỏi thơ văn, đối đáp sắc bén
 - b – Học rộng, tài cao, làm rạng danh đất nước
 - c – Sống thanh bạch, đạm bạc và nghèo túng
 - d – Sống liêm khiết, trung thực, trọng nhân cách

- 4. Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ thanh liêm ?**
 - a – liêm khiết
 - b – thanh tao
 - c – tinh khiết
 - d – thanh lịch

5. *Dòng nào dưới đây có từ in nghiêng được dùng theo nghĩa chuyển ?*

a – *giỏi* thơ văn

b – *trọng* nhân cách

c – *nhà* nghèo túng

d – *tay* mình làm ra

6. *Câu nào dưới đây dùng từ thanh bạch không đúng ?*

a – Cuộc đời của Mạc Đĩnh Chi rất thanh bạch.

b – Mạc Đĩnh Chi là một nhà nho thanh bạch.

c – Mạc Đĩnh Chi cư xử với vua rất thanh bạch.

d – Gia đình Mạc Đĩnh Chi sống thanh bạch.

7. *Trong 4 câu dưới đây, 2 câu nào là câu ghép ?*

(1) Ông thông minh, giỏi thơ văn và có tài đối đáp rất sắc bén.

(2) Mạc Đĩnh Chi làm quan rất thanh liêm nên nhà ông thường nghèo túng.

(3) Nhà vua ưng thuận và sai người làm như vậy.

(4) Khanh có khó nhọc thì người ta mới giúp cho.

(Trả lời)

a – Câu (1), câu (2)

b – Câu (2), câu (3)

c – Câu (3), câu (4)

d – Câu (2), câu (4)

8. *Các vế trong hai câu ghép ở bài tập 7 được nối với nhau bằng cách nào ?*

a – Nối bằng những từ có tác dụng nối

b – Nối trực tiếp (không dùng từ nối)

c – Nối bằng cả hai cách (mỗi câu dùng 1 cách)

9. **Chủ ngữ trong mỗi vế câu ghép** “Nếu Hoàng thượng cho người đem tiền biếu thì Mạc Đĩnh Chi sẽ không nhận.” **là những từ ngữ nào ?**

- a – Nếu Hoàng thượng / thì Mạc Đĩnh Chi
- b – Hoàng thượng cho người / Mạc Đĩnh Chi
- c – Hoàng thượng / Mạc Đĩnh Chi
- d – Nếu Hoàng thượng / Mạc Đĩnh Chi

10. **Bài văn được mở bài, kết bài theo kiểu nào ?**

- a – Mở bài trực tiếp, kết bài mở rộng
- b – Mở bài trực tiếp, kết bài không mở rộng
- c – Mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng
- d – Mở bài gián tiếp, kết bài không mở rộng

II – Cảm thụ văn học

Hãy chỉ ra những điệp ngữ trong đoạn thơ sau và nêu rõ tác dụng của nó đối với người đọc.

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát,
Những ngả đường bát ngát,
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.*

NGUYỄN ĐÌNH THI

III – Tập làm văn

Viết đoạn văn (khoảng 10 câu) tả một đồ dùng học tập đã từng gắn bó với em và gợi nhớ kỉ niệm đẹp đẽ về những ngày đi học.

* **Chú ý** (chung cho các đề 21, 22, 23, 24, 25) : Học sinh làm bài phần II và III trên giấy kẻ ô li, có cho điểm về chữ viết và trình bày.

ĐỀ 22

I – Đọc hiểu

Đọc bài văn sau :

Cây lá đỏ

Vườn nhà Loan có rất nhiều cây ăn quả. Riêng ở góc vườn có một cây, chẳng hiểu là cây gì. Hồi còn ở nhà, chị Phương rất quý nó và gọi nó là “cây lá đỏ”, vì cứ vào dịp gần Tết là lá cây ấy lại đỏ rực lên như một đám lửa.

Một lần, đang nằm thiu thiu ngủ, Loan lảng máng nghe thấy ông bàn với bà và bố mẹ định trồng cây nhãn Hưng Yên nhưng vườn chật quá. Có lẽ phải chặt cây lá đỏ đi. Loan lo quá, liền nhắn tin cho chị Phương biết. Ba hôm sau, Loan nhận được thư của chị Phương : “Chị phải viết thư ngay cho em kẻo không kịp. Loan ơi, em nói với ông bà và bố mẹ hộ chị là đừng chặt cây lá đỏ ấy đi em nhé ! Tuy quả nó không ăn được nhưng chị rất quý cây đó. Em còn nhớ chị Duyên không ? Chị bạn thân nhất của chị hồi xưa ấy mà ! Sau khi tốt nghiệp phổ thông, chị đi học sư phạm còn chị Duyên đi thanh niên xung phong chống Mĩ cứu nước. Một lần, chị Duyên đem về cho chị một nắm hạt cây lá đỏ. Chị Duyên bảo ở vùng rừng núi, nơi chị ấy làm việc có nhiều thứ cây ấy lắm. Cứ nhìn thấy cây lá đỏ, chị Duyên lại nhớ đến chị, nhớ những kỉ niệm của thời học sinh thật là đẹp đẽ. Sau lần gặp ấy, chị Duyên đã anh dũng hi sinh giữa lúc đang cùng đồng đội lấp hố bom cho xe ta ra chiến trường, em ạ...”.

Loan đọc lá thư của chị Phương giữa một buổi chiều mưa. Ngồi bên cửa sổ nhìn ra, em bỗng thấy cây lá đỏ đẹp hơn và thấy quý cây lá đỏ hơn bao giờ hết.

Theo TRẦN HOÀI DƯƠNG

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

1. Cây lá đỏ trồng ở góc vườn nhà Loan là do ai đem về ?

- a – Chị Phương
- b – Ông của Loan
- c – Mẹ của Loan
- d – Chị Duyên

2. *Vì sao ông bàn với bà và bố mẹ định chặt cây lá đỏ ?*

- a – Vì muốn cho đất vườn rộng rãi
- b – Vì muốn có đất trồng cây nhãn
- c – Vì quả cây lá đỏ không ăn được
- d – Vì lá cây chỉ đỏ rục vào dịp Tết

3. *Đối với chị Duyên, cây lá đỏ có ý nghĩa như thế nào ?*

- a – Gợi nhớ những ngày ở chiến trường ác liệt nhiều lửa đạn
- b – Gợi nhớ một vùng rừng núi đẹp đẽ, nơi chị Duyên làm việc
- c – Gợi nhớ đến chị Phương và tình thầy trò đẹp đẽ thời đi học
- d – Gợi nhớ đến chị Phương và tình bạn đẹp đẽ thời học sinh

4. *Vì sao đọc xong thư chị Phương, Loan bỗng thấy cây lá đỏ quý hơn bao giờ hết ?*

- a – Vì cứ vào dịp gần Tết là lá cây lại đỏ rục như một đám lửa trông rất đẹp
- b – Vì cây lá đỏ gợi cho Loan nghĩ đến kỉ niệm thời học sinh của chị Phương
- c – Vì cảm phục sự hi sinh cao quý của chị Duyên và tình bạn đẹp đẽ của chị
- d – Vì cây lá đỏ gợi cho Loan nhớ hình ảnh chị Phương đang công tác xa nhà

5. *Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa từ kỉ niệm trong cụm từ nhớ những kỉ niệm của thời học sinh thật là đẹp đẽ ?*

- a – Cái hiện lại trong trí óc về những sự việc đáng ghi nhớ đã qua
- b – Cái hiện lại trong trí óc về những sự việc diễn ra hằng ngày
- c – Vật được lưu giữ lại để gợi nhớ những sự việc đang diễn ra
- d – Vật được lưu giữ lại để gợi nhớ hình ảnh của người đã khuất

6. *Dòng nào dưới đây có các từ cây đều được dùng theo nghĩa gốc ?*

- a – Cây rau, cây rơm, cây hoa
- b – Cây lấy gỗ, cây cỏ thụ, cây bút
- c – Cây lá đỏ, cây xanh, cây ăn quả
- d – Cây mít, cây đàn, cây đèn bàn

7. *Hai từ chặt và nắm ở dòng nào dưới đây đều là động từ ?*

- a – Tên trộm bị trời *chặt* / *nắm* lấy sợi dây thừng
- b – Mẹ *chặt* thịt gà dưới bếp / ăn hết một *nắm* cơm
- c – Đùng buộc *chặt* quá / cầm một *nắm* đất
- d – Đùng *chặt* cây lá đỏ / bé *nắm* chắc tay em

8. *Các vế trong câu ghép “Sau khi tốt nghiệp phổ thông, chị đi học sư phạm còn chị Duyên đi thanh niên xung phong chống Mĩ cứu nước.” được nối với nhau bằng cách nào ?*

- a – Nối bằng một quan hệ từ
- b – Nối bằng một cặp quan hệ từ
- c – Nối bằng một cặp từ hô ứng
- d – Nối trực tiếp (không dùng từ nối)

9. *Hai vế trong câu ghép “Tuy quả nó không ăn được nhưng chị rất quý cây đó.” có quan hệ với nhau như thế nào ?*

- a – Nguyên nhân – kết quả
- b – Điều kiện – kết quả
- c – Tương phản
- d – Tăng tiến

10. Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ tác dụng của các dấu phẩy trong câu

“Cứ nhìn thấy cây lá đỏ, chị Duyên lại nhớ đến chị, nhớ những kỉ niệm của thời học sinh thật là đẹp đẽ.” ?

a – Ngăn cách các vế câu trong câu ghép

b – Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ

c – Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu ; ngăn cách các vế câu trong câu ghép

d – Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ ; ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu

II – Cảm thụ văn học

Viết về người mẹ, nhà thơ Trương Nam Hương có những câu thơ trong bài *Trong lời mẹ hát* như sau :

Thời gian chạy qua tóc mẹ

Một màu trắng đến nôn nao

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao.

Hãy nêu cảm nhận của em sau khi đọc khổ thơ trên.

III – Tập làm văn

Viết đoạn văn (khoảng 10 câu) tả vài nét nổi bật của một ca sĩ (hoặc diễn viên múa, kịch, xiếc, điện ảnh,...) đang biểu diễn một tiết mục mà em yêu thích.

ĐỀ 23

I – Đọc hiểu

Đọc bài văn sau :

Ba pho tượng

Có vị tiểu vương gửi biểu hoàng đế lảng giềng ba pho tượng giống hệt nhau và cho biết giá trị của chúng khác nhau. Ông muốn thử xem các quần thần của hoàng đế thông thái đến đâu.

Nhận được món quà, hoàng đế cho quần thần xem xét nhưng không ai tìm ra sự khác nhau giữa ba pho tượng. Tin đồn về ba pho tượng bí ẩn lan khắp kinh thành. Một chàng thanh niên nhà nghèo nhưng chăm học biết tin, nhờ tâu với hoàng đế cho phép chàng xem tượng để đoán ra điều bí mật.

Hoàng đế triệu chàng vào cung. Chàng quan sát ba pho tượng từ mọi phía và phát hiện tai của ba pho tượng đều có lỗ thủng. Chàng lấy cọng rơm luôn vào tai pho tượng thứ nhất thì thấy đầu cọng nhô ra ở miệng tượng. Đến pho tượng thứ hai, đầu cọng rơm nhô ra ở lỗ tai bên kia, còn pho tượng thứ ba thì đầu cọng rơm cứ chui mãi vào bụng tượng. Chàng trai nói với hoàng đế :

– Tâu hoàng đế, những pho tượng này có đặc điểm như người. Pho tượng thứ nhất giống loại người nghe chuyện gì cũng kể cho người khác. Loại người này không tin cây được. Giá trị của nó rất thấp. Pho tượng thứ hai giống loại người nghe tai này lại lọt qua tai kia, chẳng hiểu được gì. Đó là người đầu óc trống tuếch. Còn pho tượng thứ ba giống loại người nghe được điều gì đều giữ lại trong lòng để suy ngẫm. Đây chính là pho tượng giá trị nhất.

Hoàng đế nghe vậy rất hài lòng, bèn ra lệnh viết thư trả lời vị tiểu vương kia. Còn chàng trai thì được ban thưởng và đưa về kinh thành để nuôi dạy thành người tài.

TRUYỆN CỔ ANS ĐỘ

(Theo bản dịch của Nguyễn Chi Mai)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

1. Vị tiểu vương gửi biểu hoàng đế láng giềng món quà có đặc điểm gì ?

- a – Ba pho tượng giống hệt nhau và giá trị như nhau
- b – Ba pho tượng khác nhau nhưng giá trị giống nhau
- c – Ba pho tượng giống nhau nhưng giá trị khác nhau

2. Chàng trai phát hiện bí mật của ba pho tượng bằng cách nào ?

- a – Quan sát kĩ từng pho tượng, thấy tai của ba pho tượng đều có lỗ thủng
- b – Quan sát kĩ từng pho tượng, đoán ngay ra đặc điểm của từng pho tượng
- c – Quan sát kĩ ba pho tượng, luồn cọng rom vào tai từng tượng để suy đoán

3. Vì sao chàng trai đánh giá pho tượng thứ nhất có giá trị rất thấp ?

- a – Vì tượng giống loại người nghe điều gì cũng không hiểu được
- b – Vì tượng giống loại người nghe điều gì cũng kể cho người khác
- c – Vì tượng giống loại người nghe điều gì cũng giữ lại trong lòng

4. Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ những phẩm chất của chàng trai ?

- a – Quan sát giỏi, hiểu biết rộng, có tài suy đoán
- b – Quan sát giỏi, có tài suy đoán, am hiểu về tượng
- c – Quan sát giỏi, am hiểu về tượng, khéo lập luận

5. Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ bí mật ?

- a – bí quyết
- b – bí ẩn
- c – bí danh

6. Dòng nào dưới đây gồm hai từ trái nghĩa với từ thông minh ?

- a – tối dạ, chậm chạp
- b – ngu ngốc, vụng về
- c – đần độn, tối dạ

7. Dãy câu nào dưới đây có các từ in nghiêng là từ đồng âm ?

- a – Hoàng đế *triệu* chàng vào cung. / Hàng *triệu* người nô nức đi *trẩy* hội.
- b – *Tai* của ba pho tượng đều có lỗ thủng. / *Tai* của chiếc ấm pha trà rất đẹp.
- c – Cọng rom chui mãi vào *bụng* tượng. / Nước ngập đến *bụng* chân.

8. *Câu nào dưới đây có từ in nghiêng được dùng theo nghĩa chuyển ?*

a – Cọng rơm nhô ra ở *miệng* tượng.

b – Hoa nở ngay trên *miệng* hố bom.

c – *Miệng* cười như thể hoa ngâu.

9. *Câu nào dưới đây có dùng quan hệ từ ?* (Gạch dưới quan hệ từ trong câu.)

a – Vị tiểu vương gửi biểu hoàng đế lảng giềng ba pho tượng.

b – Vị tiểu vương muốn thử các quân thần của hoàng đế.

c – Chàng trai thông minh được hoàng đế ban thưởng.

10. *Dấu phẩy trong câu* “Hoàng đế nghe vậy rất hài lòng, bèn ra lệnh viết thư trả lời vị tiểu vương kia.” *có tác dụng gì ?*

a – Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu

b – Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ

c – Ngăn cách các vế câu trong câu ghép

II – Cảm thụ văn học

Mở đầu bài *Nghe thấy đọc thơ*, nhà thơ Trần Đăng Khoa viết :

Em nghe thấy đọc bao ngày

Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà.

Trong bài thơ, tác giả viết :

Nghe trăng thở động tàu dừa

Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời.

Em hãy cho biết nghĩa của từ nghe được dùng trong mỗi dòng thơ trên.

III – Tập làm văn

Viết đoạn văn (khoảng 10 câu) kể lại một việc làm của em (hoặc bạn bè, người thân) nhằm góp phần làm cho thành phố *Xanh – Sạch – Đẹp* (hoặc để bảo vệ môi trường nơi em ở).

ĐỀ 24

I – Đọc hiểu

Đọc bài văn sau :

Rừng gỗ quý

Xưa có vùng đất toàn đồi cỏ tranh hoặc tre nứa. Gia đình nhà nọ có bốn người phải sống chui rúc trong gian lều ọp ẹp và chật chội.

Một hôm, ông bố vừa chợp mắt đã thấy hiện ra cánh rừng đầy lim, sến, táu cứng như sắt. Ông nghĩ bụng : "Giá vùng ta cũng có những thứ cây này thì tha hồ làm nhà ở bền chắc". Chợt nghe tiếng nhạc, ông ngoảnh lại thì thấy các cô tiên nữ đang múa hát trên đám cỏ xanh. Một cô tiên chạy lại hỏi :

– Ông lão đến đây có việc gì ?

– Tôi đi tìm gỗ làm nhà, thấy rừng gỗ quý ở đây mà thèm quá !

– Được, ta cho ông cái hộp này, ông sẽ có tất cả. Nhưng về nhà, ông mới được mở ra !

Ông lão cảm ơn cô tiên rồi bỏ hộp vào túi mang về. Dọc đường, mùi thơm từ chiếc hộp toả ra ngào ngạt làm ông thích quá. Ông lấy hộp ra, định hé xem một tí rồi đậy lại ngay. Nào ngờ, nắp hộp vừa hé thì bao nhiêu cột kèo, ván gỗ tuôn ra ào ào, lao xuống suối trôi mất. Tần ngần một lúc, ông quay lại khu rừng kể rõ sự việc rồi năn nỉ cô tiên cho cái hộp khác. Đưa ông lão cái hộp thứ hai, cô tiên lại căn dặn :

– Lần này, ta cho lão những thứ quý gấp trăm lần trước. Nhưng nhất thiết phải về đến nhà mới được mở ra !

Hộp lần này rất nhẹ, không thơm, lắc nghe lóc cóc như hạt đỗ. Ông mang hộp về theo đúng lời tiên dặn...

Nghe tiếng chim hót, ông lão choàng tỉnh giấc. Thì ra đó chỉ là giấc mơ. Nghĩ mãi, ông chợt hiểu : "Cô tiên cho cái hộp quý là có ý bảo ta tìm hạt cây mà gieo trồng, giống như lúa ngô vậy". Ông liền bảo các con đi xa tìm hạt cây về gieo trồng. Chẳng bao lâu, những đồi tranh, tre nứa đã trở thành rừng gỗ quý. Dân làng lấy gỗ làm nhà, không còn những túp lều lụp xụp như xưa.

Theo Truyện cổ Tày – Nùng

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

1. Khi thấy cánh rừng gỗ quý hiện ra, ông lão ước mong điều gì ?

- a – Có vài cây gỗ quý để cho gia đình mình làm nhà ở bên chác
- b – Có rất nhiều gỗ quý để cho dân cả vùng làm nhà ở bên chác
- c – Có thứ cây gỗ quý trên quê mình để dân làm nhà ở bên chác
- d – Có hạt giống cây gỗ quý để trồng, tha hồ làm nhà ở bên chác

2. Vì sao ông lão biết các tiên nữ múa hát trên đám cỏ xanh ?

- a – Vì ông chợt nghe thấy tiếng hát
- b – Vì có cô tiên nữ chạy lại hỏi ông
- c – Vì ông chợt ngoảnh lại phía sau
- d – Vì ông chợt nghe thấy tiếng nhạc

3. Cô tiên cho ông lão chiếc hộp thứ nhất đựng những gì ?

- a – Hoa quả chín thơm ngào ngọt
- b – Rất nhiều cột kèo, ván gỗ
- c – Rất nhiều hạt cây gỗ quý
- d – Ngôi nhà làm bằng gỗ quý

4. Những đặc điểm nào cho biết chiếc hộp thứ hai đựng hạt cây gỗ quý ?

- a – Toả mùi thơm ngào ngọt, có giá trị gấp trăm lần chiếc hộp trước
- b – Toả mùi thơm nhẹ, lắc nghe lóc cóc, quý gấp trăm lần hộp trước
- c – Nhẹ, không thơm, lắc nghe lóc cóc, quý gấp trăm lần hộp trước
- d – Nhẹ, không thơm, lắc không kêu, có giá trị gấp trăm lần hộp trước

5. Vì sao nói *hộp thứ hai quý gấp trăm lần hộp thứ nhất* ?

- a – Vì có nhiều loại gỗ quý giá hơn ở hộp trước
- b – Vì có nhiều cột kèo, ván gỗ hơn ở hộp trước
- c – Vì có nhiều hạt cây để chia cho cả dân làng
- d – Vì có nhiều hạt cây để trồng nên rừng gỗ quý

6. Dòng nào dưới đây nêu đúng ý nghĩa câu chuyện ?

- a – Muốn có rừng gỗ quý, phải làm đúng lời cô tiên dặn dò trong mơ
- b – Muốn có rừng gỗ quý, phải cải tạo những đồi cỏ tranh, tre nứa
- c – Muốn có rừng gỗ quý, phải tìm hạt cây để gieo trồng, chăm sóc
- d – Muốn có rừng gỗ quý, phải đi thật xa để tìm cây giống thật tốt

7. Dòng nào dưới đây gồm hai từ đồng nghĩa với từ *bền chắc* ?

- a – bền chí, bền vững
- b – bền vững, bền chặt
- c – bền bỉ, bền vững
- d – bền chặt, bền lòng

8. Dòng nào dưới đây có các từ in nghiêng không phải là từ đồng âm ?

- a – Gian lêu cò tranh / Ăn gian nói dối
- b – Cánh rừng gỗ quý / Cánh cửa hé mở
- c – Hạt đỗ nảy mầm / Xe đỗ dọc đường
- d – Một giấc mơ đẹp / Rừng mơ sai quả

9. Các vế trong câu ghép “Một hôm, ông bố vừa chợp mắt đã thấy hiện ra cánh rừng đầy lim, sến, táu cứng như sắt.” được nối với nhau bằng cách nào ?

- a – Nối bằng một quan hệ từ
- b – Nối bằng một cặp quan hệ từ

c – Nói bằng một cặp từ hô ứng

d – Nói trực tiếp (không dùng từ nối)

10. Các câu trong đoạn cuối (“Nghe tiếng chim hót,... lộp xộp như xưa.”)
được liên kết với nhau bằng hai cách nào ?

a – Lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ

b – Lặp từ ngữ, dùng từ ngữ nối

c – Thay thế từ ngữ, dùng từ ngữ nối

II – Cảm thụ văn học

Trong bài *Bài hát trồng cây*, nhà thơ Bế Kiến Quốc có viết :

Ai trồng cây

Người đó có tiếng hát

Trên vòm cây

Chim hót lời mê say.

Ai trồng cây

Người đó có ngọn gió

Rung cành cây

Hoa lá đùa lay lay.

Theo em, qua hai khổ thơ trên, tác giả muốn nói với chúng ta điều gì ?

III – Tập làm văn

Viết đoạn văn (khoảng 10 câu) tả bộ phận nổi bật của một cây ăn quả (hoặc cây lấy gỗ, cây bóng mát, cây hoa, cây thuốc,...) mà em từng quan sát kĩ.

ĐỀ 25

I – Đọc hiểu

Đọc bài văn sau :

Lý Công Uẩn

Lý Công Uẩn sinh năm 974, quê ở Cổ Pháp (Bắc Ninh). Cha của ông không rõ tên, mẹ là người họ Phạm. Năm lên ba tuổi, ông được nhà sư Lý Khánh Văn nhận về nuôi. Năm lên tám, ông được theo học nhà sư Vạn Hạnh.

Lý Công Uẩn học rất giỏi, thông minh, am hiểu hơn người nhưng luôn khiêm tốn. Lý Khánh Văn còn mời thầy dạy võ cho Lý Công Uẩn. Thầy dạy võ phải ngạc nhiên vì Lý Công Uẩn thông thạo rất nhanh các ngón võ do thầy truyền dạy. Thế nhưng, cậu bé luôn giữ thái độ nhường nhịn. Khi bị những đứa trẻ lớn hơn bắt nạt, cậu chỉ chống đỡ rồi bỏ chạy chứ không đánh nhau bao giờ.

Lớn lên, khi nhà sư Vạn Hạnh vào Hoa Lư (Ninh Bình) làm Quốc sư, ông được thầy cho đi theo. Là người văn võ đều giỏi, am hiểu đạo lí, suy nghĩ chín chắn, Lý Công Uẩn nhanh chóng được vua Lê tin dùng, giao đến chức Tá Điện tiền chỉ huy sứ⁽¹⁾. Năm 1009, vua Lê Ngoại Triều lâm bệnh mất khi con trai còn bé, sư Vạn Hạnh và các quan trong triều suy tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Năm ấy, ông 35 tuổi.

Vua Lý Công Uẩn có đầu óc nhìn xa trông rộng. Thấy đất Hoa Lư chật hẹp, khó mở mang và giao lưu với bên ngoài, ông quyết định dời đô về thành Đại La, nơi đã từng là trung tâm chính trị, kinh tế, có vị trí giáp sông Hồng, thuận lợi cho thuyền bè đi lại buôn bán với mọi miền. Truyền thuyết xưa kể rằng : Mùa thu năm 1010, Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La. Thuyền của vua vừa đỗ dưới thành, một đám mây tựa hình rồng đã lừng lững bay lên. Vua nghĩ đó là điềm lành, bèn đổi tên Đại La thành Thăng Long (nghĩa là rồng bay lên).

Định đô mới xong, Lý Công Uẩn cho xây cung điện hoàng, ban bố nhiều chính sách khuyến khích sản xuất, xây dựng chính quyền vững mạnh, có nhiều đóng góp to lớn cho đất nước. Ông mất năm 54 tuổi, miếu hiệu là Thái Tổ nên dân chúng thường gọi Lý Thái Tổ.

*Theo Truyện kể về các nhân vật
trong lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, 2008*

(1) *Tá Điện tiền chỉ huy sứ*: chức võ quan chỉ huy quân đội trong kinh thành.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

1. Trong học tập, Lý Công Uẩn là người như thế nào ?

- a – Học rất giỏi, thông minh, am hiểu hơn người nhưng luôn nhường nhịn
- b – Học rất nhanh, am hiểu hơn người nhưng luôn khiêm tốn, nhường nhịn
- c – Học rất giỏi, thông minh, am hiểu hơn người nhưng luôn khiêm tốn
- d – Học rất nhanh, thông minh hơn người nhưng luôn biết nhường nhịn

2. Do đâu mà Lý Công Uẩn nhanh chóng được vua Lê tin dùng ?

- a – Do Lý Công Uẩn rất giỏi về võ, am hiểu đạo lí, suy nghĩ chín chắn
- b – Do Lý Công Uẩn giỏi cả văn võ, am hiểu đạo lí, suy nghĩ chín chắn
- c – Do Lý Công Uẩn rất giỏi về văn, am hiểu đạo lí, suy nghĩ chín chắn
- d – Do Lý Công Uẩn giỏi cả văn võ, hiểu đạo lí, luôn biết nhường nhịn

3. Việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La cho thấy Lý Công Uẩn là người thế nào ?

- a – Là một vị vua biết phát triển buôn bán
- b – Là một vị vua muốn giao lưu rộng rãi
- c – Là một vị vua muốn mở mang bờ cõi
- d – Là một vị vua biết nhìn xa trông rộng

4. Lí do nào khiến vua Lý Công Uẩn đổi tên Đại La thành Thăng Long ?

- a – Vì khi dời đô đến thành Đại La, vua bỗng thấy một đám mây tựa hình con rồng
- b – Vì khi dời đô đến thành Đại La, vua bỗng thấy đám mây tựa hình rồng bay lên
- c – Vì khi dời đô đến thành Đại La, vua bỗng thấy một con rồng màu vàng bay lên
- d – Vì khi dời đô đến thành Đại La, vua bỗng thấy con rồng cưỡi đám mây bay lên

5. Dòng nào dưới đây gồm hai từ đồng nghĩa với từ thông minh ?

- a – tinh anh, sáng dạ
- b – sáng dạ, sáng tỏ
- c – tinh anh, sáng tỏ
- d – sáng dạ, tinh tường

6. *Câu nào dưới đây có từ in nghiêng mang nghĩa chuyển ?*
- a – Thức ăn phải được nấu *chín*
 - b – Cơm trong nồi vừa *chín* tới
 - c – Suy nghĩ cho *chín* rồi hãy nói
 - d – Một điều nhìn *chín* điều lành
7. *Chủ ngữ trong câu ghép “Cha của ông không rõ tên, mẹ là người họ Phạm.” là những từ ngữ nào ?*
- a – Cha / mẹ
 - b – Cha của ông / mẹ
 - c – Cha của ông / mẹ là người
 - d – Cha / mẹ là người
8. *Các vế trong câu ghép “Thuyền của vua vừa đỗ dưới thành, một đám mây tựa hình rồng đã lừng lững bay lên.” được nối với nhau bằng cách nào ?*
- a – Nối bằng một quan hệ từ
 - b – Nối bằng một cặp quan hệ từ
 - c – Nối bằng một cặp từ hô ứng
 - d – Nối trực tiếp (không dùng từ nối)
9. *Hai vế trong câu ghép “Thầy dạy võ phải ngạc nhiên vì Lý Công Uẩn thông thạo rất nhanh các ngôn võ do thầy truyền dạy.” có quan hệ với nhau như thế nào ?*
- a – Nguyên nhân – kết quả
 - b – Điều kiện – kết quả
 - c – Tương phản
 - d – Tăng tiến

10. Các dấu phẩy trong câu “Lý Công Uẩn học rất giỏi, thông minh, am hiểu hơn người nhưng luôn khiêm tốn.” có tác dụng gì ?

- a – Ngăn cách các vế câu trong câu ghép
- b – Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ
- c – Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu
- d – Ngăn cách các vế câu trong câu ghép, ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu

II – Cảm thụ văn học

Trong bài *Sang năm con lên bảy*, nhà thơ Vũ Đình Minh có viết :

*Đi qua thời ấu thơ
Bao điều bay đi mất
Chỉ còn trong đời thật
Tiếng người nói với con
Hạnh phúc khó khăn hơn
Mọi điều con đã thấy
Nhưng là con giành lấy
Từ hai bàn tay con.*

Qua đoạn thơ, tác giả muốn nói với con điều gì khi con lớn lên và từ già thời ấu thơ ?

III – Tập làm văn

Viết đoạn văn (khoảng 10 câu) tả một bộ phận của ngôi trường đã từng để lại cho em những ấn tượng khó phai trong những ngày thơ ấu.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

* Tổng số điểm toàn bài : **20 điểm** (gồm : *18 điểm* về nội dung, *2 điểm* về chữ viết và trình bày bài).

A – KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

ĐỀ 1

Bài 1 : *1,5 điểm*

– Điền từ vào chỗ trống theo đúng thứ tự :

a) *quốc kì* b) *quốc huy* c) *quốc thiều* d) *quốc tang* e) *quốc hội*
g) *quốc phòng*.

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 6 từ : *1,5 điểm*.

Bài 2 : *2,5 điểm*

a) – Tìm được 5 từ ghép : *nước non, non nước, nước nhà, đất nước, non sông*.

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 5 từ : *1,25 điểm*.

b) – 5 cặp từ trái nghĩa là :

(1) *cao / thấp*, (2) *chán / ham*, (3) *ngoan / hư*, (4) *khéo / vụng*, (5) *hỏi / đáp*

– Đúng mỗi cặp từ được 0,25 điểm ; đúng cả 5 cặp từ : *1,25 điểm*.

Bài 3 : 1,5 điểm

– Điền đúng từ trái nghĩa :

a) *ghét* b) *khôn* c) *sau* d) *rộng* e) *no* g) *khó*

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 6 từ : 1,5 điểm

Bài 4 : 2,5 điểm

– Viết đúng 10 từ vào 2 cột trong bảng :

Các từ <i>xuân, xanh</i> dùng theo nghĩa gốc	Các từ <i>xuân, xanh</i> dùng theo nghĩa chuyển
mùa <i>xuân</i> , gió <i>xuân</i> , lá <i>xanh</i> , cây <i>xanh</i> , trời <i>xanh</i>	tuổi <i>xuân</i> , sức <i>xuân</i> , quả <i>xanh</i> , tuổi <i>xanh</i> , mái tóc <i>xanh</i>

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 10 từ : 2,5 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

– Nêu được những ý cảm nhận cơ bản : Vẻ đẹp của đất nước Việt Nam là vẻ đẹp của sự đơn sơ, giản dị mà say đắm lòng người. Cảnh quê hương làm cho tác giả đứng “ngẩn ngơ mà ngấm mẫm”, thấy trong lòng “phấp phới” niềm vui không phải điều gì xa lạ mà chính là hình ảnh gần gũi, thân thương : “Đôi cánh cò trắng vẫy mệnh mông”. Đó cũng chính là vẻ đẹp của sự trong sáng, nên thơ, thanh bình và ấm áp của Tổ quốc Việt Nam.

– Tùy mức độ đạt được những ý cơ bản nêu trên, có thể cho điểm theo các mức : *Giỏi* (2 điểm) ; *Khá* (1,5 điểm) ; *Trung bình* (1 điểm) ; *Yếu* ; *Kém* (0,5 điểm).

Bài 6.* : 8 điểm

– HS viết được bài văn miêu tả (*tả cảnh*) đúng yêu cầu đề bài : Tả một cảnh vật thiên nhiên (cánh rừng hoặc ngọn thác, hồ nước, bãi biển, ngọn núi,...) mà em yêu thích và gắn bó trên đất nước Việt Nam. Bài viết có độ

dài khoảng 15 câu, đủ 3 phần theo cấu tạo bài văn đã học (*mở bài, thân bài, kết bài*) ; tả rõ những nét nổi bật của cảnh vật thiên nhiên ; bài viết biết sắp xếp ý mạch lạc, hợp lí, bộc lộ được cảm xúc của bản thân khi quan sát và miêu tả... Diễn đạt rành mạch, trôi chảy, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.

- HS đạt những yêu cầu nêu trên (hoặc gần tới mức trên) có thể đánh giá ở mức *Giỏi* (8 – 7,5 – 7 điểm). Tùy theo hạn chế của bài làm, có thể cho các mức còn lại như sau : *Khá* (6,5 – 6 – 5,5 điểm) ; *Trung bình* (5 – 4,5 – 4 điểm) ; *Yếu* (3,5 – 3 – 2,5 điểm) ; *Kém* (2 – 1,5 – 1 điểm).

*** Hướng dẫn chung cho tất cả các đề :**

- + Điểm *Chữ viết* toàn bài : **2 điểm**. (Bài viết tẩy xóa lem nhem hoặc trình bày xấu, mắc nhiều lỗi chính tả không được điểm về *chữ viết*.)
- + *Chú ý* : Điểm toàn bài có thể làm tròn số đến 0,5.

ĐỀ 2

Bài 1 : 1,5 điểm

- Gạch dưới 5 cặp từ trái nghĩa : ngắn – dài, bồi – lở, dở – hay, bồng – la, giàu – khó.
- Đúng mỗi cặp từ được 0,3 điểm. Đúng cả 5 cặp từ : 1,5 điểm.
- (*Chú ý* : HS phải gạch dưới đúng cả 2 từ trong mỗi cặp mới được tính điểm.)

Bài 2 : 2,5 điểm

- Xếp đúng các kết hợp từ :

Có từ in đậm dùng theo nghĩa gốc	Có từ in đậm dùng theo nghĩa chuyển
quả cam, lá tre, lá non, mắt bồ câu, mắt cận thị	quả đồi, quả bóng, lá thư, lá phổi, mắt kính (kiếng)

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm. Đúng cả 10 từ : 2,5 điểm.

(Chú ý : Xếp sai mỗi kết hợp từ trong nhóm bị trừ 0,25 điểm.)

Bài 3 : 3 điểm

– Thực hiện đúng, đủ yêu cầu. VD :

a) *Nếu* ai cũng xả rác bừa bãi, tuy tiện *thì* môi trường sẽ bị ô nhiễm.
(Cặp QHT thể hiện quan hệ *giả thiết – kết quả / điều kiện – kết quả*.)

Hoặc dùng cặp QHT *Hễ ... thì ...*

b) *Nhờ* khu vườn đã được chăm sóc chu đáo *mà* những chú chim lại lần lượt kéo nhau về làm tổ. (Cặp QHT thể hiện quan hệ *nguyên nhân – kết quả*.)

Hoặc dùng cặp QHT *Vì ... nên ... / Do ... nên ...*

c) *Tuy* tuổi đã cao *nhưng* bà ngoại vẫn tích cực tham gia Tết trồng cây.
(Cặp QHT thể hiện quan hệ *tương phản*.)

Hoặc dùng cặp QHT *Mặc dù ... nhưng ...*

– Đúng mỗi câu được 1 điểm (nếu HS chỉ điền đúng cặp QHT, không nêu đúng quan hệ mà cặp QHT thể hiện thì chỉ được 0,5 điểm) ; đúng toàn bộ 3 câu : 3 điểm.

Bài 4 : 1 điểm

– Đặt được 2 câu theo đúng yêu cầu. VD :

a) *Bác Hồ* dang tay ôm các cháu thiếu nhi vào lòng.

b) *Những bông hoa* nở rộ rực rỡ trong nắng sớm.

– Đúng mỗi câu được 0,5 điểm ; đúng cả 2 câu : 1 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

– Viết được đoạn văn (khoảng 5 câu) ghi lại cảm nhận về cảnh đi chợ Tết vui vẻ, tấp nập nhưng vẫn nổi bật những nét riêng đẹp đẽ, mang ấn tượng sâu sắc : *Những hàng cu* mặc áo đỏ *chạy lon xon* (vui vẻ, phấn

khởi, thích thú) ; Các *cụ già chống gậy bước lom khom* (thong thả, kiên trì) ; Cô gái mặc yếm màu đỏ thắm *che môi cười lặng lẽ* (bẽn lẽn, duyên dáng) ; *Em bé nép đầu bên yếm mẹ* (ngoan ngoãn, đáng yêu) ; Hai người *gánh lợn chạy đi đầu* ; Con bò vàng *ngộ nghĩnh* đuổi theo mọi người...

- Tuỳ mức độ trình bày, diễn đạt được ý cơ bản nói trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- HS viết được bài văn *miêu tả (tả cây cối)* theo yêu cầu đề bài : *Tả một cây hoa* thường nở vào dịp Tết trên quê hương em. VD : hoa đào, hoa mai, hoa hải đường.... Bài viết có độ dài tối thiểu 15 dòng, đủ 3 phần theo cấu tạo bài văn đã học (*mở bài, thân bài, kết bài*) ; nêu được những nét nổi bật về hình dáng, đặc điểm của cây hoa (chú ý tả rõ màu sắc đẹp của hoa) và bộc lộ được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với cây hoa được miêu tả. Diễn đạt rành mạch, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu và về chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 3

Bài 1 : 2 điểm

- Xếp đúng các từ đồng nghĩa vào từng nhóm :
 - a) Dùng với thái độ bình thường : *chết, mát, tắt thở.*
 - b) Dùng với thái độ quý trọng : *hi sinh, tạ thế, quy tiên.*
 - c) Dùng với thái độ coi thường : *dền tội, toi mạng.*
- Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

– Tìm đúng 2 từ trái nghĩa với mỗi từ cho trước. VD :

+ rộng rãi / chật chội, chật hẹp

+ hoang phí / tiết kiệm, tần tiện

+ ồn ào / lặng lẽ, yên tĩnh

+ chia rẽ / đoàn kết, liên kết

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm. Đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

– Xếp đúng 8 từ ngữ đã cho thành 2 nhóm và nêu đúng lí do phân loại :

+ mũi dọc dừa, mũi dò, mũi tẹt, mũi hếch. (Lí do : mũi được hiểu theo nghĩa gốc.)

+ mũi thuyền, mũi kim, mũi đất, mũi dao. (Lí do : mũi được hiểu theo nghĩa chuyển.)

– Xếp đúng 2 nhóm từ ngữ, được 1 điểm (đúng mỗi từ được 0,25 điểm – đúng cả 4 từ : 1 điểm). Nêu đúng lí do phân loại (đúng lí do cho mỗi nhóm : được 0,5 điểm – đúng lí do cho cả 2 nhóm : 1 điểm). Đúng toàn bộ 2 yêu cầu : 2 điểm.

Bài 4 : 2 điểm

– Xếp đúng các từ ghép vào bảng phân loại :

Danh từ	Động từ	Tính từ
<i>bình minh</i>	<i>bình phục</i>	<i>bình lặng</i>
<i>bình nguyên</i>	<i>bình bầu</i>	<i>bình tâm</i>
	<i>bình phẩm</i>	<i>bình dị</i>

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 8 từ : 2 điểm. (Chú ý : HS cứ xếp sai 2 từ, bị trừ 0,25 điểm.)

Bài 5 : 2 điểm

- HS nêu được các ý cơ bản : Tuổi con là “tuổi Ngựa” nên có thể chạy rất nhanh và đi rất xa. Nơi con đến có thể rất xa mẹ (“cách núi cách rừng”, “cách sông cách biển”). Nhưng mẹ đừng buồn, vì con vẫn luôn nhớ đường để tìm về với mẹ (“Con tìm về với mẹ/ Ngựa con vẫn nhớ đường”). Điều đó cho thấy tình cảm yêu thương và gắn bó sâu nặng của người con đối với mẹ.
- Tuỳ mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6. * : 8 điểm

- HS viết được bài văn *kể chuyện* đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài), nói về *tấm lòng cao đẹp của cha mẹ* (hoặc *người nuôi dạy, đỡ đầu*) đối với mình ; nêu rõ những *ấn tượng sâu sắc* và bộc lộ được những ý nghĩ, tình cảm chân thành đối với cha, mẹ (hoặc người nuôi dạy, đỡ đầu). Bài viết có độ dài khoảng 15 dòng ; diễn đạt rành mạch, về cơ bản không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 4

Bài 1 : 2 điểm

- Xếp đúng các từ đã cho thành 2 nhóm từ đồng nghĩa hoàn toàn :
(1) *im lặng, yên tĩnh, im ắng, tĩnh mịch, yên lặng*
(2) *vắng vẻ, vắng ngắt, vắng tanh, vắng lặng, vắng tênh*
- Đúng mỗi từ được 0,2 điểm. Đúng cả 10 từ : 2 điểm.
- * *Chú ý* : HS xếp được ít nhất mỗi nhóm 3 từ đồng nghĩa theo yêu cầu mới được tính điểm, xếp sai – lẫn mỗi từ trong nhóm đó bị trừ 0,2 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

– Điền vào chỗ trống đúng như sau :

- a) Ở sao cho vừa lòng người
 Ở *rộng* người cười ở *hẹp* người chê.
- b) Cười người chẳng nghĩ đến thân
 Thử sờ lên gáy xem *gần* hay *xa*.
- c) Ngọt bùi nhớ lúc *đắng cay*
 Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ *đêm*.
- d) *Mát* ⁽¹⁾ lòng *trước* ⁽²⁾ hơn *được* ⁽¹⁾ lòng *sau* ⁽²⁾
- e) Áo *rách* ⁽¹⁾ *khéo* ⁽²⁾ vá hơn *lành* ⁽¹⁾ *vụng* ⁽²⁾ may.

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm. Đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

– Đặt câu phân biệt đúng *nghĩa gốc* và *nghĩa chuyển* của mỗi từ. VD :

- a) + **đi** (*nghĩa gốc*) : Em *đi* trên con đường rợp mát bóng cây.
 + **đi** (*nghĩa chuyển*) : Ông em *đi* một nước cờ rất hay.
- b) + **đứng** (*nghĩa gốc*) : Chúng em *đứng* nghiêm trang chào lá Quốc kì.
 + **đứng** (*nghĩa chuyển*) : Trời hôm nay *đứng* gió.

– Dùng từ, đặt đúng mỗi câu được 0,5 điểm. Đúng cả 4 câu : 2 điểm.

Bài 4 : 2 điểm

– Đặt câu đúng và ghi đúng tên loại câu (*câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến*). VD :

- a) Hỏi về ước mơ của một người bạn nhân dịp đầu xuân mới. (Câu *hỏi*)

Đầu xuân mới, Thảo có mơ ước điều gì không ?

b) Tả bông hoa đẹp trong ngày Tết. (Câu kể)

Bông hồng nhung khoác chiếc áo lông lấy đi dự hội mùa xuân.

c) Muốn bạn cho mượn quyển *Từ điển tiếng Việt*. (Câu khiến)

*Hoà làm ơn cho mình mượn quyển *Từ điển tiếng Việt* một lát nhé !*

d) Bộc lộ cảm xúc vui mừng khi gặp người thân đi xa trở về nhà. (Câu cảm)

Ôi, anh Minh ở đảo Trường Sa được nghỉ phép về rồi đây này !

– Đặt được mỗi câu đúng yêu cầu được 0,5 điểm. Đúng cả 4 câu : 2 điểm.

* *Chú ý* : HS đặt câu đúng nhưng không ghi hoặc ghi sai tên loại câu đã đặt, chỉ được 0,25 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

– HS nêu được những suy nghĩ đúng, tỏ ra hiểu được câu trả lời của tác giả đối với mẹ, đại ý như sau : *Tác giả chưa thể yên lòng nhận lời khen của mẹ, bởi vì sự cố gắng chăm ngoan của tác giả không thể sánh với công sức khó nhọc của mẹ dành cho con. Một khi mẹ vẫn còn ngày đêm vất vả :*

Áo mẹ mưa bạc màu

Đầu mẹ nắng cháy tóc

Tác giả luôn cảm thấy mình “chưa ngoan” vì chưa đền đáp được công ơn trời biển của mẹ. Qua câu trả lời của tác giả đối với mẹ, ta thấy được tình cảm yêu thương và lòng hiếu thảo của con đối với người mẹ kính yêu.

– Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

– HS viết được bài văn miêu tả (*tả người*) đúng yêu cầu đề : Tả một học sinh đang vui chơi ở sân trường em hoặc một em nhỏ đang chơi đùa ở lớp mẫu

giáo. Bài viết có độ dài khoảng 15 câu, đủ 3 phần theo cấu tạo bài văn đã học (*mở bài, thân bài, kết bài*) ; tả rõ những nét nổi bật về hình dáng và hoạt động (trọng tâm) của bạn HS (hoặc em nhỏ) đang vui chơi ; bài viết biết sắp xếp ý mạch lạc, hợp lí, bộc lộ được cảm xúc của bản thân khi quan sát và miêu tả... Diễn đạt rành mạch, trôi chảy, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.

- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 5

Bài 1 : 3 điểm

- Điền đúng câu tục ngữ, nêu đúng nội dung lời khuyên của câu tục ngữ. VD :

a) Uống *nước* nhớ *nguồn*.

(*Khuyến* phải có lòng biết ơn.)

b) Đói cho *sạch* rách cho *thom*.

(*Khuyến* giữ gìn nhân cách, dù nghèo đói cũng không làm điều xấu.)

c) Chớ thấy *sóng cả* mà rã *tay chèo*.

(*Khuyến* bền tâm vững chí trước khó khăn thử thách to lớn.)

d) *Lời nói* chẳng mất *tiền* mua

Lựa *lời* mà nói cho *vừa lòng* nhau.

(*Khuyến* nói năng tế nhị, dịu dàng, lịch sự.)

- Đúng mỗi câu được 0,75 điểm (điền đúng từ ngữ : 0,5 điểm ; nêu đúng lời khuyên : 0,25 điểm). Đúng cả 4 câu : 3 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

- Tìm đúng và đủ các từ theo yêu cầu đề bài. VD :

<i>Từ đồng nghĩa</i>		A	<i>Từ trái nghĩa</i>	
khôn khéo (ranh mãnh, láu lỉnh,...)	tinh ranh (tinh khôn, láu cá,...)	khôn ngoan	dại dột (dại khờ, vụng dại,...)	khờ dại (khờ khạo, khờ khờ,...)
tài tình (tài hoa,...)	tài ba (tài trí,...)	tài giỏi	hèn kém (hèn yếu, thấp hèn,...)	kém cỏi (thấp kém, yếu hèn,...)

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm. Đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

– Ghi đúng 2 từ ngữ có từ in đậm mang nghĩa chuyển. VD :

- a) **tay** ghế, **tay** vịn cầu thang b) **chân** bàn, **chân** trời
c) **mặt** hồ, **mặt** gương d) **mũi** kim, **mũi** thuyền

– Đúng mỗi từ ngữ được 0,25 điểm. Đúng cả 8 từ ngữ : 2 điểm.

Bài 4 : 1 điểm

– Đặt đúng 6 dấu phẩy theo yêu cầu đề bài :

Ở vùng này, lúc hoàng hôn và lúc tảng sáng, phong cảnh rất nên thơ. Gió rừng thổi vi vu làm các cành cây đu đưa một cách nhẹ nhàng, yếu điệu. Mặt trời chênh chếch rọi xuống, biến ức triệu giọt sương trên lá cây, ngọn cỏ thành những hạt ngọc nhấp nháy, lung linh.

– Đúng 1 hoặc 2 dấu phẩy được 0,25 điểm ; đúng 3 hoặc 4 dấu phẩy được 0,5 điểm ; đúng 5 dấu phẩy được 0,75 điểm ; đúng cả 6 dấu phẩy : 1 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

– Nêu được những hình ảnh nhân hoá : Cửa sông dù giáp mặt cùng biển rộng nhưng chẳng dứt được cội nguồn ; lá xanh trôi xuống đến cửa sông bỗng nhớ một vùng núi non. (Các từ ngữ in nghiêng thường được dùng để chỉ về con người.)

Nêu được ý nghĩa : Qua những hình ảnh trên, tác giả muốn ca ngợi tình cảm (tấm lòng) luôn gắn bó, thủy chung, không quên cội nguồn (nơi đã sinh ra) của mỗi con người.

- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- HS viết được bài văn đúng yêu cầu đề : *tả cảnh một lễ hội vào dịp đầu xuân trên quê hương* hoặc nơi khác mà em được chứng kiến (VD : Lễ hội trồng cây, lễ hội xuống đồng,... lễ hội kỉ niệm chiến thắng Ngọc Hồi, Đống Đa,...). Bài viết có độ dài khoảng 15 câu, đủ 3 phần theo cấu tạo bài văn đã học (*mở bài, thân bài, kết bài*) ; tả rõ những nét nổi bật của lễ hội (phần “lễ” có thể đầy đủ hoặc lướt qua, tập trung tả phần “hội”) ; bộc lộ được cảm xúc của bản thân trước những hoạt động của lễ hội,... Diễn đạt rành mạch, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 6

Bài 1 : 2 điểm

- Điền đúng các từ đồng nghĩa *nhìn, trông, xem, ngắm* :

Bạn Hằng vừa **trông** em vừa **xem** ti vi nên không **nhìn** thấy mẹ đi làm về đang đứng trước cửa **ngắm** hai chị em.

- Đúng mỗi từ được 0,5 điểm ; đúng cả 4 từ : 2 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

- Xếp đúng 8 cặp từ trái nghĩa : (1) *ham / chán*, (2) *vụng / khéo*, (3) *ngoan / hư*, (4) *giỏi / kém*, (5) *hiền / ác*, (6) *khỏe / yếu*, (7) *khôn / dại*, (8) *sống / chết*.

- Đúng mỗi cặp từ được 0,25 điểm. Đúng cả 8 cặp từ : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

- Đặt câu để phân biệt được các từ đồng âm. VD :
 - a) **đậu** : Mẹ em thổi xôi đậu. / Anh em thi đậu vào trường Đại học Sư phạm.
 - b) **đông** : Xe cộ đi lại ngoài đường rất đông. / Mùa đông ở miền Bắc rất lạnh.
- Đặt được 2 câu đúng để phân biệt từ đồng âm được 1 điểm (mỗi câu 0,5 điểm) : đúng cả 2 từ : 2 điểm.

Bài 4 : 2 điểm

- Dùng đúng đại từ (nó) ở 6 vị trí thích hợp rồi chép lại đoạn văn :

Con ngựa của ông Trắc mới quý làm sao. Mỗi khi nó nhếch môi lên lại để lộ hai hàm răng trắng muốt. Bờm của nó được ông Trắc xén cắt rất phẳng. Ngực nở. Bốn chân nó khi đứng cũng cứ dậm lộp cộp trên đất. Cái đuôi dài ve vẩy hết sang phải lại sang trái. Ông Trắc đặt tên cho nó là Hồng Vân. Theo ý ông, tên đó hay lắm vì lông nó màu hung hung mà nó lại chạy nhanh. Từ nước kiệu sang nước đại, nước nào cũng khá cả.

- Đúng mỗi đại từ được 0.25 điểm (đúng cả 6 vị trí : 1,5 điểm). Chép sạch đẹp đoạn văn, gạch dưới đúng các đại từ đã dùng được 0.5 điểm. Đúng toàn bộ : 2 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

- HS nêu được biện pháp nghệ thuật *so sánh* (so sánh hơn – kém : bàn tay của cháu đất bà vững hơn chiếc gậy... / chiếc gậy không vững hơn (kém) bàn tay của cháu đất bà...); nói được cảm nghĩ của bà về cháu : sự quan tâm chăm sóc và tình cảm yêu thương của cháu đối với bà là chỗ dựa vững chắc nhất của bà, hơn cả mọi chiếc gậy để bà chống hàng ngày.
- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- HS viết được bài văn *miêu tả* người bạn (gần gũi, thân thiết và quý mến) với những đặc điểm nổi bật về hình dáng, cử chỉ, lời nói, hành động, việc làm cụ thể ; bộc lộ được những ý nghĩ, tình cảm chân thành đối với bạn. Bài viết có độ dài tối thiểu khoảng 15 dòng, đủ 3 phần theo cấu tạo bài văn *tả người* đã học (*mở bài, thân bài, kết bài*). Diễn đạt rành mạch, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 7

Bài 1 : 2 điểm

- Điền đúng từ và nêu được nội dung, ý nghĩa cơ bản như sau :

a) *Học đâu hiểu đấy.*

b) *Học một biết mười.*

c) *Học thầy không tày học bạn.*

(Học những điều do thầy cô dạy bảo là quan trọng, nhưng học ở bạn bè cũng rất cần thiết vì bạn sẽ giúp ta biết được những điều bổ ích đôi khi không có trong bài học của thầy cô.)

d) *Đi một ngày đàng học một sàng khôn.*

(Đi nhiều và hoà nhập với xã hội thì học được nhiều điều hay, làm cho ta thêm khôn lớn, mở mang được trí óc.)

- Điền đúng mỗi từ được 0.25 điểm (đúng 4 từ : 1 điểm) ; nêu rõ nội dung, ý nghĩa của mỗi câu, được 0.5 điểm (đúng 2 câu : 1 điểm). Đúng toàn bộ : 2 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

- Tìm đúng và đủ các từ theo yêu cầu đề bài. VD :

<i>Từ đồng nghĩa</i>		A	<i>Từ trái nghĩa</i>	
gan dạ (gan góc,...)	can đảm (anh dũng,...)	dũng cảm	hèn nhát (đốn hèn,...)	nhát gan (hèn hạ,...)
ngay thẳng (ngay thật,...)	trung thực (thực thà,...)	thật thà	giả dối (gian dối,...)	gian trá (dối trá,...)

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm. Đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

– Điền được quan hệ từ, cặp quan hệ từ thích hợp. VD :

- Trưa, nước biển xanh lơ **và** khi chiều tà **thì** biển đổi sang màu xanh lục.
- Do** bảo vệ tốt những cánh rừng đầu nguồn **nên** quê tôi không bị những trận lũ lớn tràn về. (Hoặc cặp quan hệ từ : *Vì ... nên ...*, *Nhờ ... mà ...*)
- Nếu** những núi băng ở Bắc Cực và Nam Cực tan ra thành nước **thì** toàn bộ trái đất sẽ trở thành biển cả. (Hoặc cặp quan hệ từ : *Hễ ... thì ...*)
- Mặc dù** tuổi còn nhỏ **nhưng** thiếu nhi Việt Nam đã có ý thức tham gia bảo vệ môi trường. (Hoặc cặp quan hệ từ : *Tuy ... nhưng ...*, *Dẫu ... nhưng ...*)

– Điền đúng mỗi từ được 0,25 điểm. Đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 4 : 2 điểm

– Đặt đúng 7 dấu phẩy, 1 dấu hai chấm và 1 dấu ngoặc kép vào đoạn văn như sau :

(1) Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, trên đường tiến quân, voi của Trần Hưng Đạo bị sa lầy. (2) Quân sĩ cùng nhân dân trong vùng tìm đủ mọi cách để cứu voi nhưng vô hiệu. (3) Bùn lầy nhão, voi to nặng mỗi lúc một lún thêm mà nước triều lại đang lên nhanh. (4) Vì việc quân

cấp bách, Trần Hưng Đạo đành để voi ở lại. (5) Voi chảy nước mắt nhìn vị chủ tướng ra đi. (6) Có lẽ vì thương tiếc con vật khôn ngoan có nghĩa với người, có công với nước nên khi hô hào quân sĩ, Trần Hưng Đạo đã trở xuống dòng sông Hoá thể rằng : “Chuyến này không phá xong giặc Nguyên, thể không về đến bến sông này nữa !” ...

- Đặt mỗi *dấu phẩy* vào đúng vị trí trong câu được 0,25 điểm (đúng cả 7 dấu phẩy : 1,75 điểm) ; đúng cả *dấu hai chấm* và *dấu ngoặc kép* được 0,25 điểm. Đúng toàn bộ : 2 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

- HS nêu được biện pháp nghệ thuật nổi bật : *so sánh* bằng hình ảnh mang tính nhân hoá (hoặc : *so sánh, nhân hoá*) ; bộc lộ được cảm nhận về ý nghĩa đẹp đẽ của cửa sổ ngôi nhà thân thương : giúp em được sống gần gũi, chan hoà với thiên nhiên, đất nước (*Nhìn lên trời rộng, nhìn ra sông dài*), luôn sẵn sàng giúp em vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống (*Giờ lưng che cả khoảng trời gió mưa*).
- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- HS viết được bài văn miêu tả đúng yêu cầu đề : *tả cảnh một buổi hoàng hôn hoặc một đêm trăng đẹp trên quê hương*. Bài viết có độ dài khoảng 15 câu, đủ 3 phần theo cấu tạo bài văn đã học (*mở bài, thân bài, kết bài*) ; tả rõ những nét nổi bật của buổi hoàng hôn (hoặc đêm trăng), sắp xếp ý mạch lạc, hợp lí ; bộc lộ được cảm xúc của bản thân trước vẻ đẹp của thiên nhiên trên quê hương mình,... Diễn đạt rành mạch, trôi chảy, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu và chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 8

Bài 1 : 2 điểm

- Tìm đúng 2 từ *đồng nghĩa* với từ cho trước. VD :
 - + **trung thực** : thực thà, thành thật (chân thật, thẳng thắn,...)
 - + **nhân hậu** : nhân nghĩa, nhân từ (nhân đức, hiền từ, hiền hậu,...)
 - + **cao đẹp** : cao quý, cao thượng (cao cả, cao sang, cao siêu,...)
 - + **cống hiến** : đóng góp, hiến dâng (dâng hiến, góp,...)
- Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

- Tìm đúng 2 từ *trái nghĩa* với mỗi từ cho trước. VD :
 - + **an toàn** : nguy hiểm, nguy nan (nguy kịch, nguy ngập, nguy hại, nguy khốn,...)
 - + **bình tĩnh** : hoảng hốt, hoảng sợ (hoảng loạn, lo sợ, hồi hộp, lo lắng, lúng túng, bối rối,...)
 - + **vui vẻ** : buồn bã, buồn thảm (buồn chán, buồn bực, buồn rầu, buồn tủi, sầu muộn, lo buồn,...)
 - + **trẻ măng** : già cà, già lão (già nua, già,...)
- Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

- Tìm đúng 2 từ *ngũ có từ* in đậm mang nghĩa chuyển. VD :
 - a) lá phổi, lá gan (lá cốt, lá buồm, lá thư,...)
 - b) quả bóng, quả địa cầu (quả tạ, quả núi, quả không khí cầu,...)
 - c) ăn tay, ăn chân (ăn lán vào, ăn may, ăn xăng,...)
 - d) ăn tươi, cười tươi (cân tươi, cuộc sống tươi lên, tiền tươi thóc thật,...)
- Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 4 : 2 điểm

– Đặt đúng *dấu câu* và ghi rõ *kiểu câu* :

a) Ôi, chữ cô giáo đẹp quá ! (*Kiểu câu cảm*)

b) Đây là chữ của cô giáo. (*Kiểu câu kể*)

c) Cô giáo dạy chữ cho ai ? (*Kiểu câu hỏi*)

d) Cô dạy chữ cho em đi ! (*Kiểu câu khiến*)

– Đặt đúng mỗi dấu câu được 0,25 điểm ; đúng mỗi kiểu câu được 0,25 điểm ; đúng toàn bộ 4 câu : 2 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

– HS tỏ ra hiểu được những ý sau : Bầy ong rong ruổi khắp nơi để tìm hoa, hút nhụy, mang về làm thành những giọt mật thơm ngon. Những giọt mật ong được làm nên bởi sự kết tinh từ hương thơm, vị ngọt của những bông hoa. Do vậy, khi thưởng thức mật ong, dù hoa đã tàn phai theo thời gian nhưng con người vẫn cảm thấy những mùa hoa được “giữ lại” trong hương thơm vị ngọt của mật ong.

– Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6* : 8 điểm

– HS viết được bài văn *tả người* theo yêu cầu đề bài. Bài viết có độ dài tối thiểu khoảng 15 dòng, đủ 3 phần theo cấu tạo bài văn đã học (*mở bài, thân bài, kết bài*) ; nêu được những nét nổi bật về *ngoại hình, tính tình, hoạt động* của em nhỏ và bộc lộ được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với đối tượng miêu tả. Diễn đạt rành mạch, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu và về chính tả.

– Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 9

Bài 1 : 2 điểm

- Xếp các từ ngữ đã cho thành 2 nhóm và nêu đúng lí do. VD :
- + **Nhóm 1** : *mưa phùn, mưa ngâu, mưa nguồn, mưa bóng mây, mưa đá.*
(Lí do : Đều gồm các từ ngữ chỉ tên gọi của mưa. / Hoặc đều có cấu tạo : *mưa* + danh từ.)
- + **Nhóm 2** : *mưa ào ào, mưa xối xả, mưa dầm dề, mưa tầm tã, mưa rá rích.*
(Lí do : Đều gồm các từ ngữ chỉ *đặc điểm, tính chất* của mưa. / Hoặc đều có cấu tạo : *mưa* + tính từ.)
- Xếp đúng, đủ từ ngữ ở mỗi nhóm được 0,5 điểm ; nêu lí do đúng ở mỗi nhóm được 0,5 điểm ; xếp đúng, đủ từ ngữ và nêu lí do đúng ở mỗi nhóm được 1 điểm ; đúng toàn bộ cả 2 nhóm : 2 điểm.
- * *Chú ý* : Nêu lí do đúng nhưng xếp nhầm một từ ngữ trong nhóm thì có thể cho 0,75 điểm (xếp nhầm 2 từ ngữ trở lên trong nhóm thì dù nêu đúng lí do vẫn không cho điểm).

Bài 2 : 2 điểm

- Điền đúng chỗ trống ở từng ô trong bảng :
a) *đồng âm* b) *nhiều nghĩa* c) *đồng âm* d) *đồng âm*
- Điền đúng mỗi chỗ trống được 0,5 điểm ; đúng toàn bộ : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

- Đặt được 4 câu theo đúng yêu cầu. VD :
- a) Bác sĩ khám bệnh cho mọi người. (Hoặc : Mẹ đưa Lan đi khám bệnh.)
- b) Hương rất yêu quý bà ngoại. (Hoặc : Mẹ luôn yêu quý Hương.)
- c) Sách bút là bạn thân của em. (Hoặc : Em là đội viên Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh.)

d) *Bác Hồ là vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam.*

– Đúng mỗi câu được 0,5 điểm ; đúng toàn bộ : 2 điểm.

Bài 4 : 2 điểm

– Đặt câu đúng yêu cầu đề bài. VD :

a) – *Bà thấy chữ viết của cháu có đẹp không ạ ?*

b) – *Anh cho em mượn quyển sách này nhé !*

– Đúng mỗi câu được 1 điểm ; đúng cả 2 câu : 2 điểm.

* *Chú ý* : Chỉ dùng 1 danh từ chỉ người làm đại từ xưng hô trong câu thì chỉ được 0,5 điểm ; không gạch dưới đại từ, bị trừ 0,25 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

– Nêu được một vài suy nghĩ khi đọc đoạn thơ. VD : Tiếng Việt thật giàu đẹp và đáng trân trọng. Đó là tiếng nói của cha ông ta truyền từ đời này sang đời khác, của cha mẹ trao cho ta từ thuở ấu thơ. Vì vậy, ta có trách nhiệm phải giữ gìn, nâng niu, bảo vệ nó, làm cho nó ngày càng trong sáng, đẹp đẽ. (HS có thể liên hệ về trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và giữ gìn vẻ đẹp của tiếng Việt,...)

– Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

– HS viết được bài văn đúng yêu cầu đề bài : *tả quang cảnh một công viên hoặc khu vui chơi, giải trí mà em đã từng đến.* Bài viết có độ dài khoảng 15 câu, đủ 3 phần theo cấu tạo bài văn đã học (*mở bài, thân bài, kết bài*) ; tả rõ những nét đẹp của công viên (cây và hoa, màu sắc và hương thơm, người đến công viên,...) hoặc tả rõ những nét sinh động của khu vui chơi, giải trí (về người và vật) ; bộc lộ được cảm xúc của bản thân trước những vẻ đẹp hoặc nét sinh động đó,... Diễn đạt rành mạch, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu và chính tả.

– Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 10

Bài 1 : 2 điểm

– Xếp đúng 8 cặp từ trái nghĩa :

(1) tận tình / thờ ơ, (2) nhẹ nhõm / nặng nề, (3) mới / cũ, (4) hoang phí / tiết kiệm, (5) ồn ào / im lặng, (6) khéo / vụng, (7) đoàn kết / chia rẽ, (8) nhanh nhẹn / chậm chạp

– Đúng mỗi cặp từ được 0,25 điểm ; đúng cả 8 cặp từ : 2 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

– Đặt câu đúng theo yêu cầu của đề bài (a). VD :

(1) Đồng hồ nhà em chạy rất chính xác.

(2) Bạn Hoà chạy nhanh nhất lớp em.

(3) Dân làng kéo nhau lên đồi để chạy lũ.

Trả lời đúng (b) : Từ *chạy* trong trường hợp (2) mang nghĩa gốc. Từ *chạy* trong các trường hợp (1), (3) mang nghĩa chuyển.

– Đặt đúng mỗi câu được 0,5 điểm (đúng 3 câu : 1,5 điểm) ; trả lời đúng mỗi ý được 0,25 điểm (đúng cả 2 ý : 0,5 điểm) ; đúng toàn bộ (a, b) : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

– Nhận xét được chỗ sai của mỗi câu và viết lại cho đúng :

a) *Khi những hạt mưa xuân nhẹ nhẹ rơi trên các nhánh cây.*

* Nhận xét : Chưa có 2 bộ phận CN – VN (2 bộ phận chính của câu), chỉ có thể làm trạng ngữ của câu.

* Có thể sửa : Bỏ từ “*Khi*”, VD : *Những hạt mưa xuân nhẹ nhẹ rơi trên các nhánh cây.*

Hoặc thêm CN – VN. VD : *Khi những hạt mưa xuân nhẹ rơi trên các nhành cây, những mầm non lại đâm ra tua tua. (hoặc : khu vườn lại thêm sức sống mới.)...*

b) *Mỗi con đường, góc phố, hàng cây yêu dấu.*

* Nhận xét : Chưa thành câu, vì mới có bộ phận CN, chưa có bộ phận VN.

* Có thể sửa : Thêm VN cho câu, VD : *Mỗi con đường, góc phố, hàng cây yêu dấu đều in đậm bao kỉ niệm thân thương.*

- Nêu rõ được chỗ sai và viết lại được câu đúng được 1 điểm (chỉ nhận xét được chỗ sai, hoặc chỉ viết lại được câu đúng thì chỉ được 0,5 điểm) ; đúng toàn bộ cả 2 câu : 2 điểm.

Bài 4 : 2 điểm

- Ngắt thành 4 câu và đặt được 3 dấu chấm, 4 dấu phẩy vào những chỗ thích hợp, sau đó chép lại đúng chính tả :

Sắp nở, nụ mai mới phô vàng. Khi nở, cánh hoa mai xoè ra, mịn màng như lụa. Những cánh hoa ánh lên một sắc vàng muốt, muốt mà. Một mùi hương thơm lừng như nếp hương phảng phất bay ra.

- Đúng mỗi dấu chấm (hoặc dấu phẩy) được 0,25 điểm ; đúng cả 7 dấu câu và viết đúng chính tả : 2 điểm (mỗi lỗi chính tả bị trừ 0,25 điểm).

Bài 5 : 2 điểm

- Nêu được những nét đẹp trong cuộc sống của Bác Hồ kính yêu : Bác gần gũi với tất cả mọi người *như trời đất của ta* ; cuộc sống của Bác tràn đầy tình yêu thương đến từng ngọn lúa, mỗi cành hoa ; Bác luôn sống vì hạnh phúc của nhân dân ; Bác hi sinh cả đời mình vì sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho *mỗi đời nô lệ*, vì niềm vui và hạnh phúc cho tất cả mọi người : *sữa để em thơ, lụa tặng già.*
- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- HS viết được bài văn *kể chuyện* có nội dung nói về công ơn cha mẹ hoặc cô giáo (thầy giáo) theo ý câu ca dao nêu trong đề bài. Bài viết có độ dài tối thiểu khoảng 15 dòng, đủ 3 phần theo cấu tạo bài văn đã học (*mở bài, thân bài, kết bài*) ; câu chuyện cần rõ nhân vật, diễn biến, tình tiết và bộc lộ được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân. Diễn đạt rành mạch, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

B – KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC

ĐỀ 11

Bài 1 : 2 điểm

- Xếp đúng các từ ngữ thành 3 nhóm và nêu đúng nghĩa của tiếng *công* ở mỗi nhóm :

<i>Nhóm 1</i>	<i>Nhóm 2</i>	<i>Nhóm 3</i>
<i>công bằng, công tâm, công minh</i>	<i>công cộng, công viên, công quỹ</i>	<i>công sức, công lao, công của</i>
Công có nghĩa là : <i>đều nhau, không thiên vị.</i>	Công có nghĩa là : <i>chung cho mọi người, thuộc về Nhà nước.</i>	Công có nghĩa là : <i>sức lao động bỏ ra để làm việc gì.</i>

* *Chú ý* : HS có thể xếp các nhóm theo thứ tự khác, miễn sao nêu đúng nghĩa của tiếng *công*.

- Đúng 1 nhóm (đủ 3 từ) được 0,5 điểm (xếp sai 1 từ cũng không tính điểm) ; nêu đúng hoặc gần đúng nghĩa tiếng *công* được 0,25 điểm. Đúng toàn bộ ở 2 nhóm được 1,5 điểm. Đúng toàn bộ cả 3 nhóm : 2 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

- Thêm được vế câu thích hợp và nêu rõ quan hệ giữa hai vế câu ghép. VD :

a) Vì tự tin ở sức mình nên Rùa đã chấp nhận chạy thi với Thỏ.

(Hai vế câu ghép có quan hệ *nguyên nhân – kết quả*.)

b) Nếu không chủ quan, kiêu ngạo thì Thỏ đã về đích trước Rùa.

(Hai vế câu ghép có quan hệ *điều kiện (giả thiết) – kết quả*.)

- c) *Mặc dù Thỏ vất chân lên cổ mà chạy nhưng nó vẫn không đuổi kịp Rùa.*
(Hai vế câu ghép có quan hệ *tương phản*.)
- d) *Chẳng những Rùa chăm chỉ, chịu khó mà nó còn rất khiêm tốn.*
(Hai vế câu ghép có quan hệ *tăng tiến*.)
- Đúng mỗi câu được 0,5 điểm (điền đúng vế câu : 0,25 điểm ; nêu đúng quan hệ : 0,25 điểm). Đúng cả 4 câu : 2 *điểm*.

Bài 3 : 2 điểm

- Chỉ rõ chỗ sai ở từng câu và sửa lại cho đúng :

a) *Tuy vườn nhà em nhỏ bé và không có cây ăn quả.*

* Chỗ sai : Dùng thiếu một quan hệ từ kèm một vế câu trong câu ghép (*Tuy ... nhưng ...*)

* Sửa lại : Thêm một vế câu và quan hệ từ còn thiếu. VD : *Tuy vườn nhà em nhỏ bé và không có cây ăn quả **nhưng** mẹ em trồng được rất nhiều rau xanh.*

Hoặc : HS cho rằng câu dùng sai quan hệ từ, chỉ cần bỏ từ “*Tuy*” để thành câu đơn (theo mẫu *Ai thế nào ?*) : *Vườn nhà em nhỏ bé và không có cây ăn quả.*

b) *Vì mẹ bị ốm nên mẹ đã làm việc quá sức.*

* Chỗ sai : Đặt không đúng 2 vế “nguyên nhân – kết quả” trong câu ghép có cặp quan hệ từ “*Vì ... nên ...*”. (hoặc dùng sai cặp quan hệ từ)

* Sửa lại : Có thể đổi lại vị trí 2 vế câu (*Vì mẹ đã làm việc quá sức nên mẹ bị ốm.*). Hoặc thay cặp quan hệ từ : *Sở dĩ mẹ bị ốm là do (là vì) mẹ đã làm việc quá sức.*

- Nêu được chỗ sai ở mỗi câu được 0,5 điểm ; sửa lại thành câu đúng, mỗi câu được 0,5 điểm. Đúng cả 2 yêu cầu ở mỗi câu được 1 điểm. Đúng toàn bộ cả 2 câu : 2 *điểm*.

Bài 4 : 2 điểm

- Đặt đúng 2 dấu chấm, 4 dấu phẩy và chép lại đúng chính tả :

Nắng ấm, sân rộng và sạch. Mèo con chạy giỡn hết góc này đến góc khác, hai tai dựng đứng, cái đuôi ngoe nguẩy. Chạy chán, mèo con lại nép vào gốc cau để rình con bướm đang bay.

- Đặt đúng mỗi dấu chấm được 0,5 điểm (đúng 2 dấu chấm : 1 điểm) ; đúng mỗi dấu phẩy được 0,25 điểm (đúng cả 4 dấu phẩy : 1 điểm). Đúng toàn bộ : 2 điểm.
- * *Chú ý* : Trường hợp đặt đúng dấu câu nhưng chép sai chính tả thì mỗi lỗi bị trừ 0,25 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

- Nêu được ý cơ bản : Nhà thơ muốn bộc lộ tình cảm yêu thương, gắn bó và biết ơn sâu nặng đối với Bác Hồ kính yêu. Thông qua cách diễn đạt giàu cảm xúc (“thương trào nước mắt”), qua những hình ảnh cụ thể (muốn được làm con chim “hót quanh lăng Bác”, làm đoá hoa “toả hương đâu đây”, làm “cây tre trung hiếu chốn này”), nhà thơ bày tỏ niềm khát khao được ở gần bên Bác, thể hiện tấm lòng trung hiếu và biết ơn đối với Bác...
- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- Viết đúng kiểu bài văn tả người (đủ 3 phần *mở bài, thân bài, kết bài*) ; nội dung rõ ràng, nêu được đặc điểm nổi bật về ngoại hình (tâm vóc, cách ăn mặc, khuôn mặt, mái tóc, cặp mắt, hàm răng,...), tính tình và hoạt động (lời nói, cử chỉ, thói quen, cách cư xử với người khác,...) của người thân trong gia đình ; bộc lộ được tình cảm gắn bó, yêu thương và quý mến đối với người thân. Diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 12

Bài 1 : 2 điểm

- Tìm đúng 8 từ ghép theo yêu cầu :
- + 4 từ ghép có tiếng *cảm* đứng trước. VD : (1) *cảm tưởng*, (2) *cảm nghĩ*, (3) *cảm tình*, (4) *cảm phục*. (hoặc : *cảm thông*, *cảm tạ*, *cảm ơn*, *cảm kích*, *cảm hứng*, *cảm giác*,...)
- + 4 từ ghép có tiếng *cảm* đứng sau. VD : (1) *xúc cảm*, (2) *đồng cảm*, (3) *thông cảm*, (4) *thương cảm*. (hoặc : *diễn cảm*, *biểu cảm*, *linh cảm*, *vô cảm*, *mặc cảm*, *phản cảm*,...)
- Đúng mỗi từ được 0,25 điểm. Đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 2 : 2,5 điểm

- Thực hiện 2 nội dung của bài tập :
- a) Xếp các từ phức đã cho thành các cặp từ trái nghĩa đúng yêu cầu : *nóng mặt / lạnh gáy ; nóng rực / lạnh toát ; nóng nảy / lạnh lùng ; nóng bức / lạnh giá*.
- b) Gạch dưới 2 cặp từ được dùng theo nghĩa chuyển : *nóng mặt / lạnh gáy ; nóng nảy / lạnh lùng*.
- Xếp đúng mỗi cặp từ trái nghĩa được 0,5 điểm ; đúng 4 cặp từ : 2 điểm. Gạch dưới đúng mỗi cặp từ dùng theo nghĩa chuyển, được 0,25 điểm ; đúng cả 2 cặp từ : 0,5 điểm. Đúng toàn bộ 2 nội dung : 2,5 điểm.

Bài 3 : 1,5 điểm

- Đặt câu theo yêu cầu đề bài :
- a) Câu có từ *cân* là *danh từ*. VD : Cái cân này rất chính xác.
- b) Câu có từ *cân* là *động từ*. VD : Tôi cân thử cái cặp đựng sách vở.
- c) Câu có từ *cân* là *tính từ*. VD : Bố tôi kê lại cái bàn cho thật cân.

– Đúng mỗi câu được 0,5 điểm. Đúng cả 3 câu : 1,5 điểm.

* *Chú ý* : HS viết chưa thành câu thì không được tính điểm ; câu thiếu *dấu chấm* ở cuối câu hoặc không viết hoa đúng bị trừ 0,25 điểm/ câu.

Bài 4 : 2 điểm

– Viết đúng các câu ghép theo yêu cầu đã cho. VD :

a) Đêm thanh, cảnh vắng, bốn bề lặng ngắt như tờ.

b) Năm học đã kết thúc *nhưng* tình bạn của chúng tôi vẫn gắn bó như xưa.

c) *Nhờ* cô giáo tận tình giúp đỡ *mà* tôi đã trở thành con ngoan, trò giỏi.

d) Hoa mạn *vừa* tàn, hoa mơ *đã* nở trắng cả khu vườn.

– Viết được mỗi câu đúng yêu cầu được 0,5 điểm. Đúng cả 4 câu : 2 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

– Chỉ rõ được cách so sánh trong khổ thơ : Tình cảm yêu thương của bạn nhỏ dành cho mẹ được so sánh như tình yêu đối với con đế (*Con yêu mẹ bằng con đế*). Nêu được ý cảm nhận về hình ảnh so sánh : Hình ảnh so sánh thể hiện sự gắn bó, thân thiết – hình ảnh con đế rất gần gũi, thân thương (*Luôn trong bao diêm con đây – Mở ra là con thấy ngay*) được dùng để so sánh với tình yêu của bạn nhỏ đối với mẹ đã giúp ta hình dung được một cách cụ thể, sinh động tình cảm yêu thương mẹ của bạn nhỏ (lúc nào cũng luôn ở bên con, rất gần gũi, thân quen và được quý trọng).

– Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

– Viết đúng thể loại bài văn *miêu tả*. Nội dung đáp ứng hai yêu cầu cơ bản :

+ Tả rõ những nét nổi bật về món quà được nhận (có thể là *đồ vật* hay *con vật*...). *Chú ý* : Tả *đồ vật* hay *con vật* đều phải chú trọng đến đặc điểm về

hình dáng, đặc điểm cụ thể,... riêng đối với con vật hoặc đồ vật được cấu tạo bằng máy móc (chuyển động được), cần chú ý tả một vài hoạt động chính.

- + Nêu rõ cảm nghĩ của bản thân về món quà đó (có thể kết hợp qua việc tả thái độ của mình khi nhận được món quà, tình cảm và lòng biết ơn đối với người đã tặng cho mình món quà đó).

Diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.

- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 13

Bài 1 : 1,5 điểm

- Gạch đúng từ, nêu đúng ý :

(a) Gạch bỏ từ thấp thoáng.

Những từ còn lại trong dãy từ (a) dùng để tả *hương thơm* (mùi hương tỏa ra từ sự vật).

(b) Gạch bỏ từ tươi cười.

Những từ còn lại trong dãy từ (b) dùng để tả *màu sắc*.

(c) Gạch bỏ từ lung lay.

Những từ còn lại trong dãy từ (c) dùng để tả *ánh sáng*.

- Gạch bỏ đúng mỗi từ nêu trên được 0,25 điểm ; nêu đúng ý mỗi nhóm từ (a, b, c) dùng để tả cái gì (sự việc, sự vật gì) được 0,25 điểm. Đúng toàn bài : 1,5 điểm.

Bài 2 : 3 điểm

- Nêu được nghĩa của từ **xanh** trong từng câu thơ và xác định đúng nghĩa gốc hay nghĩa chuyển :

(1) Từ **xanh**⁽¹⁾ có nghĩa : chỉ màu xanh. (Nghĩa gốc)

(2) Từ *xanh*⁽²⁾ có nghĩa : (quả cây) chưa chín. (Nghĩa chuyển)

(3) Từ *xanh*⁽³⁾ có nghĩa : còn trẻ, đầy sức sống. (Nghĩa chuyển)

- Nêu đúng nghĩa mỗi từ được 0,5 điểm ; xác định đúng nghĩa gốc hay nghĩa chuyển ở mỗi từ được 0,5 điểm. Đúng toàn bộ 3 câu : 3 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

- Tìm và đặt câu với từ trái nghĩa với từ *xanh* ở câu thơ thứ hai, thứ ba. VD :

(1) Từ trái nghĩa với từ *xanh*⁽²⁾ : *chín*

(Đặt câu) : Trong vườn, trái cây chín tỏa hương thơm lừng.

(2) Từ trái nghĩa với từ *xanh*⁽³⁾ : *già*

(Đặt câu) : Tuy tuổi đã già nhưng ông vẫn tham gia công việc ở khu phố.

- Tìm đúng mỗi từ trái nghĩa được 0,5 điểm ; đặt mỗi câu đúng được 0,5 điểm. Đúng toàn bộ 2 nội dung : 2 điểm.

Bài 4 : 1,5 điểm

- Đặt được 2 câu ghép theo yêu cầu. VD :

a) Mặt trăng vừa nhô lên sau rặng tre, tiếng trống ếch đã rộn ràng khắp nơi.

b) Cô giáo giảng bài đến đâu, cả lớp em hiểu ngay đến đấy.

- Đúng mỗi câu được 0,75 điểm. Đúng cả 2 câu : 1,5 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

- Nêu được những suy nghĩ và cảm nhận cơ bản : Tình cảm yêu thương của mẹ dành cho con thật to lớn và không bao giờ vơi cạn. Dù con đã khôn lớn, cho đến suốt cuộc đời (“*đi hết đời*”), tấm lòng yêu thương của mẹ vẫn luôn dành cho con, như luôn ở bên con (“*theo con*”) để quan tâm, giúp đỡ, tiếp cho con thêm sức mạnh – có thể nói đó chính là *tình thương bất tử*.

- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- Bài viết có độ dài tối thiểu 15 câu ; tả rõ quang cảnh một cánh đồng (hoặc vườn rau, vườn cây ăn quả, con đường, dòng sông) nơi em ở vào một buổi sáng đẹp trời ; nêu được cảm xúc của bản thân trước cảnh vật miêu tả. Diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 14

Bài 1 : 1,5 điểm

- Xếp 15 từ thành 3 nhóm từ đồng nghĩa :

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
anh dũng	nhân từ	trung thực
dũng cảm	nhân hậu	thành thật
gan dạ	nhân ái	chân thật
can đảm	nhân đức	thực thà
gan góc	phúc hậu	thẳng thắn

- Xếp đúng mỗi từ được 0,1 điểm. Đúng cả 3 nhóm (15 từ) : 1,5 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

- Đặt được 2 câu với mỗi từ, theo *nghĩa gốc (G)* và *nghĩa chuyển (C)*. VD :

a) *cánh* – (G) : Đại bàng có đôi *cánh* rất khỏe.

– (C) : Em được bay lên trên đôi *cánh* ước mơ.

b) **già** – (G) : Bà nội em đã sáu mươi tuổi mà trông vẫn chưa già.

– (C) : Mẹ dặn phải đun *già* lửa thì cơm mới sôi được.

– Đặt được mỗi câu đúng yêu cầu được 0,5 điểm. Đúng cả 4 câu : 2 điểm.

Bài 3 : 3 điểm

– Lời giải :

a) Nhờ có bạn bè giúp đỡ, bạn Hoà đã có nhiều tiến bộ trong học tập và tu
TrN CN VN

đường bản thân. (Câu kiểu Ai thế nào ?)

b) Đêm ấy, bên bếp lửa hồng, cả nhà ngồi luộc bánh chưng, trò chuyện đến
TrN1 TrN2 CN VN

sáng. (Câu kiểu Ai làm gì ?)

c) Mỗi lần Tết đến, đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ giải trên
TrN1 TrN2

các lễ phố Hà Nội, lòng tôi thấm thía một nỗi biết ơn đối với những người
CN VN

nghệ sĩ tạo hình của nhân dân. (Câu kiểu Ai thế nào ?)

– Đúng TrN ở mỗi câu được 0,25 điểm ; đúng CN và VN ở mỗi câu được 0,5 điểm ; đúng kiểu câu được 0,25 điểm. Đúng toàn bộ yêu cầu ở cả 3 câu : 3 điểm.

* *Chú ý* : HS xác định đúng bộ phận TrN ở câu b và câu c nhưng không ghi rõ TrN1, TrN2 thì bị trừ 0,25 điểm.

Bài 4 : 1,5 điểm

HS đặt được câu ghép đúng yêu cầu. Đúng mỗi câu được 0,75 điểm ; đúng cả 2 câu : 1,5 điểm.

* *Chú ý* : HS đặt câu đúng nhưng dùng từ sai, mắc lỗi chính tả thì bị trừ 0,25 điểm / câu.

Bài 5 : 2 điểm

- Nêu được các ý cơ bản : Hình ảnh “làn gió mờ côi” không tìm thấy bạn, vào ngôi trong cây gọi cho ta nghĩ đến em bé mồ côi cha mẹ, sống lang thang một mình, cô đơn, buồn bã,... Hình ảnh “sợi nắng đông gầy” ngã giữa vườn cây cải ngồng cũng gọi cho ta nghĩ đến một em bé gầy gò, yếu đuối hay một cụ già, một người ốm đau, bệnh tật, đi lại không vững vàng, vấp ngã ở nơi vắng vẻ... Bài thơ giúp em cảm nhận được tình yêu thương, sự sẻ chia đầy lòng nhân ái trong cuộc sống của chúng ta ; đó cũng là một nét đẹp về nhân cách con người.
- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- Bài viết có độ dài tối thiểu 15 câu ; tả rõ được những nét nổi bật về ngoại hình và hoạt động của người hàng xóm từng để lại cho em nhiều tình cảm và những ấn tượng sâu sắc, đẹp đẽ. Diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 15

Bài 1 : 2 điểm

- Hiểu đúng nghĩa của tiếng **thắng** trong mỗi câu :
 - a) Việt Nam có nhiều **thắng** cảnh thật tuyệt vời. (**Thắng** có nghĩa là đẹp.)
 - b) Đó là chiến **thắng** vĩ đại của dân tộc Việt Nam. (**Thắng** có nghĩa là giành được phần hơn.)
 - c) Nhiều nơi đã quyết tâm **thắng** nghèo nàn lạc hậu. (**Thắng** có nghĩa là vượt qua, khắc phục được.)

d) Bạn Minh *thắng* bộ quần áo mới để đi chơi Tết. (*Thắng* có nghĩa là mặc, trung diện.)

* *Chú ý* : HS có thể diễn đạt khác nhưng cần đúng ý cơ bản nói trên.
VD : b)... giành được kết quả tốt nhất về phía mình.)

– Nêu đúng nghĩa mỗi tiếng (ở từng câu) được 0,5 điểm. Đúng toàn bộ : 2 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

– Tìm được các từ đồng nghĩa, trái nghĩa :

+ 4 từ đồng nghĩa với từ *hiền lành*. VD : hiền hoà, hiền từ, hiền đức, hiền nhân, hiền hậu (nhân hậu),...

+ 4 từ trái nghĩa với từ *hiền lành*. VD : độc ác (ác độc), hung ác, hiểm ác (ác hiểm), dã man, ác nghiệt,...

– Đúng mỗi từ được 0,25 điểm ; đúng cả 8 từ : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

– Xác định đúng (gạch dưới) câu b, câu d không phải là câu hỏi (đây là câu kể, thuật lại sự việc) ; chép lại (nhớ ghi dấu chấm cuối câu) và xác định đúng bộ phận chủ ngữ (CN), bộ phận vị ngữ (VN) của câu :

(b) Mẹ / hỏi Tú có hay phát biểu ý kiến trên lớp không.

CN

VN

(d) Tú / nghĩ rằng chẳng lẽ Thuý hay Hồng đã làm việc ấy chằng.

CN

VN

– Gạch dưới đúng câu b hoặc câu d được 0,5 điểm (gạch dưới 2 câu : 1 điểm) ; chép lại và xác định đúng CN / VN mỗi câu được 0,5 điểm (đúng 2 câu : 1 điểm). Đúng toàn bộ cả 2 câu : 2 điểm.

* *Chú ý* : Câu chép sai chính tả hoặc thiếu dấu chấm cuối câu thì bị trừ 0,25 điểm.

Bài 4 : 2 điểm

– Hoàn chỉnh được các câu ghép. VD :

a) Hễ sân trường có nắng đẹp, *học sinh chơi đùa rất vui.*

b) Vì Hải quá say mê chơi điện tử, *kết quả học tập của bạn ấy rất kém.*

c) Hoàng không chỉ học giỏi mà *bạn ấy còn chơi đàn oóc-gan rất hay.*

d) Dù nhà ở cách trường khá xa nhưng *cô giáo đến trường rất đúng giờ.*

* *Chú ý : HS có thể lược bớt chủ ngữ trong một vế câu. VD : (c) ... còn chơi đàn oóc-gan rất hay.*

– Thêm được vế câu thích hợp để tạo thành mỗi câu ghép được 0,5 điểm (nếu HS điền thêm cả 1 quan hệ từ nữa ở câu **a** và **b** là thừa vì đã dùng dấu phẩy ngăn cách 2 vế câu – bị trừ 0,25 điểm). Đúng cả 4 câu : 2 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

– Nêu được cảm nhận về hình ảnh người dân miền núi qua đoạn thơ : Đó là những người dân lao động cần cù, chăm chỉ (*đi tìm măng, hái nấm*) ; chiếc áo họ mặc tuy đơn sơ (*áo chàm*) nhưng đậm sắc màu của rừng núi đã làm cho cảnh thiên nhiên đất nước thêm tươi đẹp (*Nhuộm xanh cả nắng chiều*) ; họ chan hoà với thiên nhiên và làm cho cuộc sống ấm áp tình người (*Ấm giữa rừng sương giá*).

– Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

– Viết đúng thể loại bài văn *miêu tả* (tả cảnh) ; bài làm đủ 3 phần theo cấu tạo của bài văn tả cảnh (*mở bài, thân bài, kết bài*). Nội dung tả rõ được những nét nổi bật của cảnh theo đặc điểm của một mùa nhất định (mùa xuân hoặc mùa hạ, mùa thu, mùa đông ; mùa khô, mùa mưa) ; trình tự miêu tả rõ ràng, hợp lí. Bài viết có cảm xúc ; diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.

– Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 16

Bài 1 : 3 điểm

- Xếp được các từ *ghép* thành 3 nhóm từ có đặc điểm cấu tạo giống nhau và cho biết căn cứ xếp loại theo từng nhóm. VD :
- + Nhóm (1) : *bút Hồng Hà, bút Cửu Long, bút Trường Sơn.*
(*Đặc điểm cấu tạo* : đều có tiếng *bút* kết hợp với tên riêng của loại bút đó.)
- + Nhóm (2) : *bút chì, bút dạ, bút bi, bút lông.*
(*Đặc điểm cấu tạo* : đều có tiếng *bút* kết hợp với tiếng chỉ vật liệu dùng để viết.)
- + Nhóm (3) : *bút xóa, bút thử điện, bút kẻ lông mày.*
(*Đặc điểm cấu tạo* : đều có tiếng *bút* kết hợp với các tiếng cho biết tác dụng của bút.)
- * *Chú ý* : Có thể chấp nhận cách diễn đạt khác về đặc điểm cấu tạo của các từ trong nhóm, miễn sao hợp lí và chấp nhận được.
- Xếp đúng mỗi nhóm từ được 0,5 điểm (xếp sai, lần dù chỉ 1 từ trong nhóm cũng không được tính điểm) ; nêu đúng đặc điểm cấu tạo của mỗi nhóm từ được 0,5 điểm. Đúng toàn bộ : 3 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

- Ghi đúng từ ngữ có từ in đậm mang nghĩa chuyển. VD :
 - a) *mắt* lưới (quả na mở *mắt*,...)
 - b) *má* phanh
 - c) (trời) *đúng* gió
 - d) *đi* giày (Bác Hồ đã *đi* xa,...)
- Đúng mỗi từ ngữ được 0,5 điểm ; đúng cả 4 từ ngữ : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

- Đặt được 2 câu để phân biệt mỗi từ đồng âm đã cho. VD :
 - a) Tiếng trống giục liên hồi. / Gió thổi vào căn nhà trống.

b) *Lúa trên đồng đang chín rộ. / Bức tượng được đúc bằng đồng đen.*

- Đặt đúng mỗi câu để phân biệt được 0,5 điểm. Đúng toàn bộ 4 câu : 2 điểm.

Bài 4 : 1 điểm

- Viết đúng 2 câu ghép theo yêu cầu đã cho. VD :
 - a) *Mặc dù* Hiếu bị liệt cả hai tay *nhưng* bạn đã viết được bằng chân những dòng chữ rất đẹp. (Thể hiện quan hệ *tương phản*)
 - b) *Chẳng những* Hiếu kiên trì tập viết *mà* bạn ấy còn tập làm các công việc khác bằng đôi chân kì diệu. (Thể hiện quan hệ *tăng tiến*)
- Đúng mỗi câu được 0,5 điểm (nếu câu không đúng nội dung, có từ dùng sai hoặc mắc lỗi chính tả thì chỉ được 0,25 điểm). Đúng cả 2 câu : 1 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

- Nêu được ý cơ bản : Những hình ảnh hiện về trong giấc ngủ của tác giả thật mạnh mẽ, dữ dội và đầy ấn tượng ("*tiếng đập cánh*" của con chim sẻ nhỏ như cầu mong sự giúp đỡ khẩn cấp trong đêm cơn bão về gần sáng ; "*những quả trứng*" trong tổ không có chim mẹ ấp ủ sẽ mãi mãi không nở thành chim non được). Điều đó cho thấy trong tâm hồn tác giả đã diễn ra nổi bật khoảnh, day dứt khôn nguôi, sự ân hận về thái độ vô cảm của mình với con chim sẻ nhỏ.
- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- Viết đúng thể loại văn *kể chuyện* (đủ 3 phần *mở đầu, diễn biến, kết thúc*) ; nội dung câu chuyện nêu rõ tính cách của nhân vật, diễn biến hợp lí, có nhiều chi tiết cụ thể, sinh động và bộc lộ được những ấn tượng đẹp đẽ về tình bạn dưới mái trường tiểu học. Lời văn chân thực, có cảm xúc ; diễn đạt rõ ý, dùng từ đúng, viết câu đúng và không mắc lỗi chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 17

Bài 1 : 2 điểm

- Viết đúng 4 câu tục ngữ có nội dung khuyên bảo về cách ăn mặc, đi đứng, nói năng. VD :

(1) Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.

(2) Ăn có nhai, nói có nghĩ.

(3) Đi đâu mà vội mà vàng

Mà vấp phải đá mà quàng phải dây.

(4) Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

(Hoặc :

+ Nói lời phải giữ lấy lời / Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.

+ Nói chín thì phải làm mười / Nói mười làm chín kẻ cười người chê.)

- Đúng mỗi câu được 0,5 điểm (có từ chưa chính xác hoặc có chữ viết sai chính tả thì bị trừ 0,25 điểm). Đúng cả 4 câu : 2 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

- Xếp đúng từ trong các nhóm :

a) **Cách 1** (Dựa vào cấu tạo) :

(1) Từ đơn : vườn, ngọt, ăn.

(2) Từ ghép : núi non, thành phố, đi đứng.

(3) Từ láy : rục rĩ, chen chúc, dịu dàng.

b) **Cách 2** (Dựa vào từ loại) :

(1) Danh từ : núi non, thành phố, vườn.

(2) Động từ : chen chúc, đi đứng, ăn.

(3) Tính từ : rục rĩ, dịu dàng, ngọt.

- Xếp đúng 3 nhóm theo mỗi cách được 1 điểm (nếu mỗi cách chỉ đúng một nhóm : 0,5 điểm ; đúng 2 nhóm : 0,75 điểm ; xếp sai hoặc thiếu mỗi từ trong nhóm đều không cho điểm). Đúng toàn bộ cả 2 cách : 2 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

- Đặt câu có các từ đồng âm theo đúng yêu cầu (mỗi câu có đủ 2 từ đã cho).

VD : a) Anh hái cho em *trái* ổi chín ở bên tay *trái* anh ấy.

b) Em đi xe đạp phía bên *trái* là đi *trái* đường rồi đó.

- Đúng mỗi câu được 1 điểm. Đúng cả 2 câu : 2 điểm.

* *Chú ý* : Trường hợp câu có nội dung chưa hợp lí, dùng từ “gượng ép” thì không cho điểm.

Bài 4 : 2 điểm

- Chữa lại mỗi câu sai bằng 2 cách khác nhau (sửa về cấu tạo, sửa về nội dung), đúng yêu cầu (chỉ thay đổi nhiều nhất 2 từ ở mỗi câu) :

Câu a) + *Cách 1* : Tuy bão to nhưng cây không bị đổ.

(Thay cặp quan hệ từ *Vì ... nên ...* bằng cặp quan hệ từ *Tuy (mặc dù, dù) ... nhưng ...* / hoặc *Mặc dù (dù) ... nhưng ...* cho phù hợp nội dung – quan hệ tương phản.)

+ *Cách 2* : Vì bão to nên cây bị đổ.

(Giữ nguyên cặp quan hệ từ *Vì ... nên ...* , bỏ từ “không” để thay đổi nội dung.)

Câu b) + *Cách 1* : Tuy xe hỏng nhưng em vẫn đến lớp đúng giờ.

(Sửa lại cho đúng cặp quan hệ từ *Tuy ... nhưng ...* / hoặc *Dù (mặc dù) ... nhưng ...* : thể hiện quan hệ tương phản.)

+ *Cách 2* : Nếu xe hỏng thì em không đến lớp đúng giờ.

(Thay từ “nhưng” bằng từ *thì*, thay từ “vẫn” bằng từ *không* để chỉnh lại nội dung : quan hệ giả thiết – kết quả.)

- Chữa đúng mỗi câu theo 2 cách được 1 điểm (chữa đúng theo mỗi cách, được 0,5 điểm). Đúng toàn bộ : 2 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

- Nêu được cách dùng từ ngữ của Bác Hồ : rất thú vị và giàu ý nghĩa. Bác đã gọi *Mùa xuân* là *Tết trồng cây* để mọi người thấy rõ việc trồng cây rất vui, giống như ngày hội của mùa xuân (từ *xuân* hiểu theo nghĩa gốc) ; ở dòng thơ thứ hai, từ *xuân* được dùng theo nghĩa chuyển, ý nói việc trồng cây sẽ làm cho đất nước ta ngày càng trở nên đẹp tươi và giàu sức sống (giống như sức sống mãnh liệt của mùa xuân).
- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- Viết đúng thể loại bài văn *miêu tả* (tả con vật) ; bài làm đủ 3 phần (*mở bài, thân bài, kết bài*). Nội dung tả rõ những nét nổi bật của con vật (về hình dáng, hoạt động) ; bộc lộ được mối quan hệ gần gũi giữa con vật và người hoặc suy nghĩ, cảm xúc của người đối với con vật. Bài viết dài tối thiểu 15 câu, diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 18

Bài 1 : 2 điểm

- Tìm được tiếng thích hợp điền vào chỗ trống. VD :

+ Hoa cúc vàng <u>tươi</u>	+ Hoa mai vàng <u>óneg</u>	+ Hoa cải vàng <u>rộm</u>
+ Hoa hồng đỏ <u>thắm</u>	+ Hoa phượng đỏ <u>rực</u>	+ Hoa gạo đỏ <u>ối</u>
+ Hoa mào gà đỏ <u>thắm</u>	+ Hoa mười giờ đỏ <u>hồng</u>	

* *Chú ý* : HS dùng lại tiếng để chỉ cùng một màu (VD : Hoa hồng đỏ thắm ; Hoa phượng đỏ thắm, ...) chỉ tính điểm một lần.

– Điền được mỗi tiếng thích hợp được 0,25 điểm. Đúng cả 8 tiếng : 2 *điểm*.

Bài 2 : 2 *điểm*

– Gạch dưới 4 từ dùng chưa chính xác và thay thế bằng từ đồng nghĩa (gần nghĩa) thích hợp. VD :

Từ chưa chính xác	(1) đen láy	(2) dày dặn	(3) thanh thoát	(4) sáng sủa
Sửa lại	<i>đen xạm</i> (<i>ngăm đen,...</i>)	<i>dày dặn</i> (<i>tròn trịa,...</i>)	<i>thanh mảnh</i> (<i>thanh thanh,...</i>)	<i>ngời sáng</i> (<i>sáng đẹp,...</i>)

– Tìm đúng mỗi từ dùng chưa chính xác được 0,25 điểm (đủ 4 từ : 1 điểm) ; chữa đúng mỗi từ được 0,25 điểm (đúng 4 từ : 1 điểm). Đúng toàn bộ : 2 *điểm*.

Bài 3 : 2 *điểm*

– Gạch dưới và ghi rõ TrN, CN, VN trong mỗi câu như sau :

a) Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm

TrN1

TrN2

hoa khép miệng / bắt đầu kết trái.

CN

VN

b) Dưới đáy rừng, tựa như đột ngột, bỗng rục lên / những chùm thảo quả

TrN1

TrN2

VN

CN

đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng.

– Ở mỗi câu, xác định đúng TrN1, TrN2 được 0,5 điểm ; đúng CN / VN được 0,5 điểm. Đúng toàn bộ cả 2 câu : 2 *điểm*.

* *Chú ý* : Nếu HS chỉ xác định đúng TrN trong câu, không ghi rõ TrN1, TrN2 thì chỉ được 0,25 điểm.

Bài 4 : 2 điểm

- Đặt được câu ghép có các vế câu nối bằng một quan hệ từ đã cho. VD :
 - + *Mưa tạnh và trời hửng nắng.*
 - + *Chim sà xuống cánh đồng rồi chim lại bay đi.*
 - + *Tôi vừa về đến nhà thì cơn mưa ập đến.*
 - + *Tôi đã xin lỗi Minh nhưng nó vẫn còn giận tôi.*
- Đặt được mỗi câu đúng được 0,5 điểm. Đúng cả 4 câu : 2 điểm.
- * *Chú ý* : Câu có ý khiên cưỡng hoặc có từ dùng chưa chính xác, mắc lỗi chính tả thì chỉ được 0,25 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

- Nêu được những ý cơ bản :
 - + *Hình ảnh* có sức gợi tả sinh động : “*khói nghi ngút cả một vùng tre trúc*” (khi xóm Cồn Hến nấu cơm chiều) – gợi tả vẻ đẹp ấm áp, no đủ của cuộc sống, giúp người đọc tưởng tượng ra bức tranh thủy mặc đơn sơ nhưng có cả một không gian rộng rãi (khói bay lên bầu trời, tre trúc và sông nước trên mặt đất).
 - + *Âm thanh* có sức gợi tả sinh động : “*tiếng lanh canh của thuyền chài gõ những mẻ cá cuối cùng*” (ở đầu đó sau khúc quanh vắng lặng của dòng sông) dường như có sức âm vang xa rộng trong khung cảnh tĩnh lặng, khiến tác giả có cảm giác “mặt sông nghe như rộng hơn”, gợi cho người đọc cảm nhận được vẻ thanh bình và nên thơ của một buổi chiều trên sông Hương.
- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6. * : 8 điểm

- Viết được bài văn tả người đủ 3 phần (*mở bài, thân bài, kết bài*) ; nội dung đáp ứng đúng yêu cầu của đề : tả được những nét nổi bật, gây ấn

tượng sâu sắc đối với bản thân về *ngoại hình*, hoạt động (chú trọng tả hoạt động của người đang bán hàng) ; hoặc *ngoại hình*, hoạt động (trọng tâm) của người làm công việc lao động chân tay (do em xác định) ; bộc lộ được tình cảm, thái độ của bản thân đối với người được tả ; độ dài bài viết tối thiểu 15 câu. Viết câu đúng, dùng từ đúng ; không mắc lỗi chính tả.

- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 19

Bài 1 : 3 điểm

- Tìm đúng và đủ 4 từ theo từng cột trong bảng. VD :
 - + *Bình* (1) : bình an, bình lặng, thanh bình, thái bình (hoặc : bình tâm, bình thản, bình yên, bình tĩnh,...).
 - + *Bình* (2) : bình giá, bình luận, bình bầu, bình chọn (hoặc : bình phẩm, bình giảng, bình công, bình điểm,...).
 - + *Bình* (3) : bình dị, bình thường, bình dân, bình quân (hoặc : bình đẳng, bình quyền, ...).
- Đúng mỗi từ được 0,25 điểm. Đúng cả 12 từ : 3 điểm.

Bài 2 : 2 điểm

- Ghi đúng 4 nghĩa chuyển khác nhau của từ *ngọt* và đặt được 4 câu theo 4 nghĩa chuyển đó. VD :
 - (1) *Ngọt* (có nghĩa là *nói nhẹ nhàng, dễ nghe*). VD : Chị ấy nói rất *ngọt*.
 - (2) *Ngọt* (có nghĩa là *âm thanh nghe êm tai*). VD : Anh ấy đàn *ngọt* hát hay.
 - (3) *Ngọt* (có nghĩa là *có vị ngọt của chất đạm*). VD : Canh riêu cua rất *ngọt*.
 - (4) *Ngọt* (có nghĩa là *ở mức độ cao*). VD : Trời rét *ngọt*. (hoặc : Dao sắc *ngọt*.)

- Ghi đúng nghĩa từ được 0,25 điểm ; đặt đúng mỗi câu được 0,25 điểm. Đúng toàn bộ 4 câu : 2 điểm.
- * *Chú ý* : HS dùng từ đúng nghĩa nhưng đặt câu không đúng thì không cho điểm.

Bài 3 : 2 điểm

- Đặt được câu ghép theo từng yêu cầu của đề bài. VD :
 - a) Tất cả chúng em đều vui, ai cũng tươi cười hơn hở.
 - b) Cả lớp reo lên : đội bóng lớp ta đoạt giải Nhất !
 - c) Chuyện xảy ra đã lâu mà tôi không sao quên được.
 - d) Nhờ cô giáo tận tình giúp đỡ mà Lan đã tiến bộ rất nhanh.
- Đặt đúng mỗi câu được 0,5 điểm. Đúng cả 4 câu : 2 điểm.

Bài 4 : 1 điểm

- Điền đúng lời nhận xét :
 - (1) Lặp từ ngữ (thể hiện qua các từ ngữ : *mai, đào ; cành mai*)
 - (2) Dùng từ ngữ nối (thể hiện qua các từ ngữ : *Nhưng ; Vì thế*)
- Đúng mỗi cách liên kết được 0,5 điểm. Đúng toàn bộ : 1 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

- HS nêu được biện pháp nghệ thuật *nhân hoá (Đất – Cây)* được sử dụng trong đoạn thơ (dùng từ thường để tả người : *thương, nuôi, lớn khôn, vất vả*). Nhờ biện pháp nghệ thuật đó, tác giả giúp em cảm nhận được tình cảm yêu thương, đẹp đẽ của cha mẹ và những người nuôi dưỡng em khôn lớn, đồng thời cũng thấy được tấm lòng đẹp đẽ của con cái : luôn ghi nhớ và biết đền đáp công ơn của cha mẹ,... đã vất vả suốt đời vì con cái.
- Tùy mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- Viết đúng thể loại bài văn *miêu tả* (tả cảnh) ; bài làm đủ 3 phần theo cấu tạo của bài văn tả cảnh (*mở bài, thân bài, kết bài*). Nội dung nêu bật được những hình ảnh, âm thanh báo hiệu mùa hè đang đến gần (*hoa phượng nở đỏ, tiếng ve kêu râm rân,...*), kết hợp miêu tả cảnh vật trong trường (hoặc trên đường tới trường) ; bộc lộ được cảm xúc cá nhân khi mùa hè đến (kết thúc năm học cuối cấp, được nghỉ hè, vui chơi, chuẩn bị cho năm học mới...). Trình tự miêu tả hợp lí ; diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 20

Bài 1 : 2 điểm

- Nêu được các câu tục ngữ theo gợi ý đã cho :
 - a) Uống nước nhớ nguồn.
 - b) Trọng thầy mới được làm thầy.
 - c) Đói cho sạch rách cho thơm.
 - d) Chớ thấy sóng cả mà ngã (rã) tay chèo.
- Đúng mỗi câu được 0,5 điểm. Đúng cả 4 câu : 2 điểm.

Bài 2 : 3 điểm

- Xếp đúng các từ đồng nghĩa vào ô trống trong bảng :

<i>Từ có sắc thái coi trọng</i>	<i>Từ có sắc thái coi thường</i>	<i>Từ không có sắc thái coi trọng (hoặc coi thường)</i>
<i>trẻ thơ, trẻ em, thiếu nhi, nhi đồng</i>	<i>trẻ ranh, con nít, nhóc con, nhãi ranh</i>	<i>trẻ, trẻ con, trẻ nhỏ, con trẻ</i>

- Xếp đúng, đủ 4 từ trong mỗi nhóm được 1 điểm (mỗi từ 0,25 điểm).
Đúng cả 3 nhóm : 3 điểm.

Bài 3 : 2 điểm

- Đặt được 4 câu theo đúng yêu cầu đề bài. VD :
- Câu kiểu *Ai làm gì ?* có vị ngữ là động từ kèm theo một số từ ngữ phụ thuộc (cụm động từ) : *Bác Hồ dang tay ôm các cháu thiếu nhi vào lòng.*
 - Câu kiểu *Ai thế nào ?* có chủ ngữ là cụm danh từ, vị ngữ là cụm tính từ hoặc cụm động từ : *Những bông hoa nở rực rỡ trong nắng sớm.*
 - Câu kiểu *Ai là gì ?* có chủ ngữ, vị ngữ đều là cụm danh từ, dùng để giới thiệu : *Tất cả chúng em đều là học sinh tiểu học Hà Nội.*
 - Câu kiểu *Ai là gì ?* có vị ngữ là cụm danh từ, dùng để nhận định về một người, một vật nào đó : *Hoài Thu là một cây đơn ca thiếu nhi nổi tiếng của đất mỏ Quảng Ninh.*
- Đúng mỗi câu được 0,5 điểm. Đúng cả 4 câu : 2 điểm.
- * *Chú ý* : Câu có ý khiên cưỡng hoặc có từ dùng chưa chính xác, mắc lỗi chính tả thì chỉ được 0,25 điểm.

Bài 4 : 1 điểm

- Chép lại đúng và rõ ràng hai câu văn, sau khi sửa lại dấu phẩy đặt sai vị trí :
- Trước khi bị xử bắn, anh Lý Tự Trọng vẫn hát vang bài *Quốc tế ca*.
 - Mộ chị Võ Thị Sáu ở Côn Đảo luôn rực rỡ hoa tươi, ngào ngạt hương thơm.
- Chép và ghi dấu phẩy đúng ở mỗi câu được 0,5 điểm. Đúng cả 2 câu : 1 điểm.
- * *Chú ý* : Mỗi câu chép lại không rõ chữ hoặc mắc lỗi chính tả thì chỉ được 0,25 điểm.

Bài 5 : 2 điểm

- Nêu được những ý cơ bản : Cảm nhận được cuộc sống ở làng dệt thật thanh bình, người dân làng dệt rất cần cù, chăm chỉ lao động ; biện pháp nhân hoá *tiếng thoi* (tả bằng những từ ngữ thường dùng để tả người : *dậy, thức khuya*) cho thấy sự gắn gũi, thân thiết của âm thanh quen thuộc ở làng dệt (*tiếng thoi*), ca ngợi truyền thống lao động của người dân làng dệt ; cách dùng từ ngữ *tiếng thoi* mở đầu và kết thúc câu thơ lục bát thứ hai (*Tiếng thoi dậy... lại là tiếng thoi*) góp phần ca ngợi vẻ đẹp của người lao động (luôn “*thức khuya dậy sớm*” làm việc để gia đình no đủ, quê hương giàu đẹp).
- Tuỳ mức độ đạt được các ý trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 1 (Bài 5).

Bài 6.* : 8 điểm

- Kể lại được câu chuyện nói về *tình bạn* (hoặc *tình cảm gia đình, tình nghĩa thầy trò*) từng để lại *ấn tượng sâu sắc* đối với em trong những ngày thơ ấu. Câu chuyện được kể lại có thể vui hay buồn, miễn sao được trình bày rõ ràng, mạch lạc theo một trình tự hợp lí (*mở đầu, diễn biến, kết thúc*), rõ tính cách nhân vật, bộc lộ được *ấn tượng sâu sắc* của em và nêu được ý nghĩa hay tác dụng của câu chuyện đó đối với em. Diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 1 (Bài 6*).

ĐỀ 21

I – Đọc hiểu : 10 điểm

- Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi :

Câu 1. b

Câu 6. c

Câu 2. c

Câu 7. d

Câu 3. d

Câu 8. a

Câu 4. a

Câu 9. c

Câu 5. c

Câu 10. b

- Đúng mỗi câu : 1 điểm. Đúng cả 10 câu : 10 điểm.

II – Cảm thụ văn học : 3 điểm

- Chỉ rõ các điệp ngữ và nêu được tác dụng của nó đối với người đọc :

(1) Điệp ngữ **đây** (trong “Trời xanh đây”, “Núi rừng đây”) nhấn mạnh vị trí cụ thể thuộc chủ quyền của Tổ quốc.

(2) Điệp ngữ **là của chúng ta** (trong 2 câu thơ đầu) khẳng định quyền sở hữu và làm chủ đất nước, bộc lộ niềm tự hào, kiêu hãnh.

(3) Điệp ngữ **những** có tính chất liệt kê và nhấn mạnh số lượng nhiều, kèm theo một loạt hình ảnh (“cánh đồng thơm mát”, “ngả đường bát ngát”, “dòng sông đỏ nặng phù sa”) gợi vẻ đẹp giàu có của đất nước nhằm bộc lộ cảm xúc yêu thương và tự hào.

- Tùy mức độ đạt được những ý cơ bản nêu trên, có thể cho điểm theo các mức : *Giỏi* (đủ các điệp ngữ và nêu đúng tác dụng – 3 điểm) ; *Khá* (nêu được 2 điệp ngữ kèm tác dụng – 2,5 điểm hoặc 2 điểm) ; *Trung bình* (nêu được một điệp ngữ (1) hoặc (2), (3) kèm tác dụng – 1,5 điểm) ;

Yếu (chưa nêu rõ được điệp ngữ và tác dụng – 1 điểm) ; *Kém* (không nhận biết được điệp ngữ và tác dụng – 0,5 điểm).

* *Chú ý* : Nếu học sinh gộp các từ ngữ “*dây là của chúng ta*” thành một điệp ngữ và nêu được tác dụng của nó đối với người đọc như các ý nói trên thì cũng có thể cho điểm ở mức *Khá*.

III – Tập làm văn : 5 điểm

- Viết được đoạn văn (khoảng 10 câu) tả một đồ dùng học tập từng gắn bó với em và gợi nhớ kỉ niệm đẹp đẽ về những ngày đi học. Cụ thể : Nêu được một vài đặc điểm nổi bật của đồ vật ; kỉ niệm đẹp đẽ liên quan đến đồ vật ấy ; bộc lộ tình cảm gắn bó chân thành với đồ vật được miêu tả. Đoạn văn mạch lạc, sinh động, giàu cảm xúc ; không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Học sinh đạt những yêu cầu nêu trên (hoặc gần tới mức trên) có thể đánh giá ở mức *Giỏi* (5 điểm, 4,5 điểm). Tùy theo hạn chế của đoạn viết, có thể cho các mức còn lại như sau : *Khá* (4 điểm, 3,5 điểm) ; *Trung bình* (3 điểm, 2,5 điểm) ; *Yếu* (2 điểm, 1,5 điểm) ; *Kém* (1 điểm, 0,5 điểm).

* *Điểm chữ viết toàn bài (2 điểm)*

Phần *Cảm thụ văn học* và *Tập làm văn* có chữ viết bị tẩy xoá lem nhem hoặc trình bày xấu, mắc nhiều lỗi chính tả thì không được điểm về *chữ viết*.

Lưu ý : Điểm toàn bài có thể được làm tròn để thành số nguyên hoặc giữ nguyên điểm lẻ đến 0,5.

ĐỀ 22

I – Đọc hiểu : 10 điểm

– Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi :

Câu 1. d

Câu 6. c

Câu 2. b

Câu 7. d

Câu 3. d

Câu 8. a

Câu 4. c

Câu 9. c

Câu 5. a

Câu 10. d

– Đúng mỗi câu : 1 điểm. Đúng cả 10 câu : 10 điểm.

II – Cảm thụ văn học : 3 điểm

– HS nêu được những ý cảm nhận sau :

+ Mẹ đã sống và lao động vất vả bao tháng năm để nuôi dạy con cái lớn khôn. Do vậy, hình ảnh mái tóc mẹ bạc trắng vì thời gian làm cho tác giả thấy xúc động đến *nôn nao*.

+ Ý đối lập trong hai câu thơ “*Lưng mẹ cứ còng dần xuống / Cho con ngày một thêm cao.*” bộc lộ suy nghĩ về lòng biết ơn của tác giả đối với công lao to lớn của mẹ đối với con.

+ Khổ thơ cho thấy những cảm xúc và suy nghĩ đẹp đẽ của tác giả về người mẹ kính yêu.

– Tùy mức độ trình bày, diễn đạt được ý cơ bản nói trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 21 (Phần II).

III – Tập làm văn : 5 điểm

– Viết được đoạn văn (khoảng 10 câu) tả rõ vài nét nổi bật về ngoại hình, thái độ, cử chỉ, hoạt động của người ca sĩ (diễn viên) đang biểu diễn (đóng phim) một tiết mục mà em yêu thích trên sân khấu (hoặc màn ảnh) ; kết hợp bộc lộ cảm xúc của bản thân trong quá trình quan sát, miêu tả. Đoạn văn mạch lạc, sinh động ; không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.

– Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 21 (Phần III).

* **Điểm chữ viết (2 điểm)** và **Lưu ý** : Như hướng dẫn ở Đề 21.

ĐỀ 23

I – Đọc hiểu : 10 điểm

- Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi :

Câu 1. c

Câu 6. c

Câu 2. c

Câu 7. a

Câu 3. b

Câu 8. b

Câu 4. a

Câu 9. b

Câu 5. b

Câu 10. a

- Đúng mỗi câu : 1 điểm. Đúng cả 10 câu : 10 điểm.

II – Cảm thụ văn học : 3 điểm

- Nêu được nghĩa của các từ nghe :

+ Từ nghe ở dòng thơ “*Em nghe thấy đọc bao ngày*” có nghĩa là *cảm nhận, nhận biết được âm thanh bằng cơ quan thính giác (tai)* – (từ nghe được dùng theo nghĩa gốc).

+ Hai từ nghe ở các dòng thơ “*Nghe trăng thổi động tàu dừa / Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời.*” đều có nghĩa là *cảm giác thấy những điều không nghe trực tiếp bằng tai* (VD : màu sắc, hình ảnh, trạng thái,...) – (từ nghe được dùng theo nghĩa chuyển).

- Tùy mức độ trình bày, diễn đạt được hai ý cơ bản nói trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 21 (Phần II).

III – Tập làm văn : 5 điểm

- Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 10 câu) kể một việc làm của em (hoặc bạn bè, người thân) nhằm góp phần làm cho thành phố *Xanh – Sạch – Đẹp* (hoặc để bảo vệ môi trường nơi em ở). Đoạn văn có *câu mở đoạn* (giới thiệu công việc và người làm việc đó) ; *phần thân đoạn* kể rõ được trình tự diễn biến của công việc (diễn ra như thế nào) ; *câu kết đoạn* (nêu kết quả hoặc cảm nghĩ về việc đã làm).

- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 21 (Phần III).

* *Điểm chữ viết (2 điểm)* và *Lưu ý* : Như hướng dẫn ở Đề 21.

ĐỀ 24

I – Đọc hiểu : 10 điểm

- Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi :

Câu 1. c	Câu 6. c
Câu 2. d	Câu 7. b
Câu 3. b	Câu 8. b
Câu 4. c	Câu 9. c
Câu 5. d	Câu 10. b

- Đúng mỗi câu : 1 điểm. Đúng cả 10 câu : 10 điểm.

II – Cảm thụ văn học : 3 điểm

- Nêu được các ý cơ bản : Qua hai khổ thơ, tác giả muốn nói với chúng ta về những niềm vui và hạnh phúc của người trồng cây. Trước hết, người trồng cây sẽ được nghe tiếng chim reo vui trên cành lá như những lời hát mê say lòng người (“*Trên vòm cây / Chim hát lời mê say*”). Sau nữa, người trồng cây còn được tận hưởng những làn gió mát và thấy rung động trước cảnh gió về đùa vui cùng hoa lá (“*Rung cành cây / Hoa lá đùa lay lay*”). Từ đó, tác giả muốn ca ngợi vẻ đẹp của việc trồng cây, làm cho ta thêm mến yêu và quý trọng người trồng cây.
- Tùy mức độ trình bày, diễn đạt được các ý cơ bản nói trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 21 (Phần II).

III – Tập làm văn : 5 điểm

- Viết được đoạn văn (khoảng 10 câu) đúng yêu cầu của đề : tả rõ bộ phận nổi bật của một cây ăn quả (hoặc cây lấy gỗ, cây bóng mát, cây hoa, cây thuốc,...) mà em từng quan sát kĩ ; tập trung chọn tả những nét cụ thể, hợp lí (VD : tả bộ phận quả của cây ăn quả, tả cành và lá của cây bóng mát, tả bộ phận hoa của cây hoa,...). Sắp xếp ý mạch lạc, rõ ràng ; không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 21 (Phần III).

* **Điểm chữ viết (2 điểm)** và **Lưu ý** : Như hướng dẫn ở Đề 21.

ĐỀ 25

I – Đọc hiểu : 10 điểm

– Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi :

Câu 1. c

Câu 6. c

Câu 2. b

Câu 7. b

Câu 3. d

Câu 8. c

Câu 4. b

Câu 9. a

Câu 5. a

Câu 10. c

– Đúng mỗi câu : 1 điểm. Đúng cả 10 câu : 10 điểm.

II – Cảm thụ văn học : 3 điểm

– Nêu được những ý cơ bản mà người cha muốn nói với con :

+ Khi lớn lên và từ già thời ấu thơ, con sẽ bước vào cuộc đời thực có nhiều thử thách nhưng cũng rất đáng tự hào.

+ Để có được hạnh phúc, con phải rất vất vả, khó khăn vì phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, bằng đôi tay và khối óc của chính bản thân mình (không giống như hạnh phúc tìm thấy dễ dàng trong các truyện đời xưa, nhờ sự giúp đỡ của ông Bụt, bà Tiên,...).

+ Nhưng, hạnh phúc mà con giành được trong đời thực sẽ thật sự là của con (do chính bàn tay và khối óc của con làm ra), sẽ đem đến cho con niềm tự hào, kiêu hãnh.

– Tùy mức độ trình bày, diễn đạt được các ý cơ bản nói trên, có thể cho điểm theo các mức đã nêu ở Đề 21 (Phần II).

III – Tập làm văn : 5 điểm

– Viết được đoạn văn (khoảng 10 câu) đúng yêu cầu của đề : tả một bộ phận của ngôi trường đã từng để lại cho em những ấn tượng khó phai trong những ngày thơ ấu ; tả được nét nổi bật của cảnh vật (VD : lớp học, hoặc sân chơi có bóng mát, thư viện nhà trường,...) ; bộc lộ được tình cảm sâu sắc (“ấn tượng khó phai”) đối với cảnh vật đó (có thể gọi lại kỉ niệm, nếu có). Sắp xếp ý mạch lạc, rõ ràng ; không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.

– Thang đánh giá, cho điểm tương tự như hướng dẫn ở Đề 21 (Phần III).

* **Điểm chữ viết (2 điểm)** và **Lưu ý** : Như hướng dẫn ở Đề 21.

PHỤ LỤC

(Một số đề Tiếng Việt lớp 5 tại cuộc thi *Trạng nguyên nhỏ tuổi* do báo *Nhi đồng* chủ trì tổ chức. Thời gian làm bài : 20 phút)

ĐỀ 1 (Năm 2008)

Đọc bài văn sau :

Người học trò của Chu Văn An

Tương truyền khi Chu Văn An dạy học ở Cung Hoàng, hằng ngày có một chàng thanh niên khôi ngô, tuấn tú đến nghe giảng rất chăm chú. Chàng học hành thông minh, được thầy thương bạn mến nhưng không ai biết tông tích quê quán của chàng ở đâu. Chu Văn An cho người dò xem thì được biết chàng là Thuỷ Thần.

Năm ấy đại hạn, khắp vùng khô cạn, cây cối úa vàng, dân tình đói khổ. Chu Văn An bèn gọi người học trò đến, bảo : “Ta băn khoăn tìm cách cứu dân khỏi cảnh hạn hán. Con có thể cùng thầy bàn mưu cứu trăm họ được không ?”.

Vốn là Thuỷ Thần hiện thân thành học trò theo học Chu Văn An, được thầy dạy về đạo đức thánh hiền, chàng muốn làm theo những điều nhân nghĩa. Nhưng thật khó nghĩ : Tuân lệnh thiên đình hay nghe lời dạy của thầy ? Sau một đêm suy nghĩ, chàng đến vái chào thầy và hứa làm theo lời thầy dạy, dẫu phải chịu mọi hình phạt của thiên đình.

Chàng lấy nước lã mài mực, dùng bút nhúng mực vẩy lên trời rồi tung nghiên bút mỗi thứ đi một phía. Lập tức mây đen ùn ùn kéo đến, trời mưa tầm tã, nước đen như mực chảy khắp mặt đất. Bút của chàng rơi xuống làng Tả Thanh Oai, còn nghiên thì rơi xuống cánh đồng Quỳnh Đô và biến thành khu đầm nước màu đen gọi là Đầm Mực.

Chu Văn An cùng nhân dân trong vùng hả hê vui sướng. Nhưng người học trò không thấy có mặt ở trường. Chu Văn An lo lắng, cho người đi tìm thì thấy một con thuồng luồng chết nổi lên giữa đầm Cung Hoàng. Ông biết đó là hiện thân của người học trò yêu quý đã bị trừng phạt vì dám chống lệnh của thiên đình.

Đau xót, tiếc thương người học trò đã bỏ mình vì việc nghĩa, Chu Văn An cùng nhân dân trong làng vớt xác thuồng luồng và đem chôn cất tử tế.

Theo NGUYỄN ANH

Em hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

1. Đoạn 1 giới thiệu đặc điểm tính nết của người học trò như thế nào ?

- a – Khôi ngô, tuấn tú, được thầy thương bạn mến, không rõ tung tích quê quán
- b – Nghe giảng rất chăm chú, học hành thông minh, được thầy thương bạn mến
- c – Khôi ngô, tuấn tú, nghe giảng rất chăm chú, được thầy thương bạn mến
- d – Nghe giảng rất chăm chú, học hành thông minh, không rõ tung tích quê quán

2. Khi trời đại hạn, Chu Văn An mong muốn người học trò làm gì ?

- a – Xin thiên đình cho mưa xuống mặt đất
- b – Làm mưa xuống cho dân tình đỡ khổ
- c – Tìm cách cứu dân thoát cảnh hạn hán
- d – Xin thiên đình đừng làm cho dân khổ

3. Vì sao người học trò làm theo lời thầy, dù phải chịu mọi hình phạt của thiên đình ?
- a – Vì sợ thầy giáo hơn sợ thiên đình
 - b – Vì quý trọng thầy hơn cả thiên đình
 - c – Vì muốn đền đáp công ơn thầy dạy dỗ
 - d – Vì muốn làm những điều nhân nghĩa
4. Sau khi làm ra trận mưa lớn, người học trò bị thiên đình trừng phạt thế nào ?
- a – Bị biến thành con thuồng luồng
 - b – Bị chết, xác nổi lên giữa đầm
 - c – Bị biến thành đầm nước màu đen
 - d – Bị chết, xác chìm ở trong đầm
5. Thái độ của nhân dân đối với người học trò quên mình vì việc nghĩa thể hiện rõ qua ba từ ngữ nào ở đoạn cuối bài ?
- a – Đau xót, vớt xác, chôn cất tử tế
 - b – Tiếc thương, vớt xác, chôn cất tử tế
 - c – Đau xót, tiếc thương, chôn cất tử tế
 - d – Đau xót, tiếc thương, vớt xác
6. Dòng nào dưới đây gồm 3 từ đồng nghĩa với từ nhân nghĩa ?
- a – nhân đức, nhân hậu, thiện chí
 - b – nhân đức, nhân từ, lương thiện
 - c – nhân hậu, nhân từ, lương tâm
 - d – nhân ái, nhân hậu, nghĩa hiệp

7. Dòng nào dưới đây gồm 3 từ trái nghĩa với từ nhân nghĩa ?

- a – độc ác, hung bạo, bất lương
- b – hung bạo, ác nghiệt, bất trị
- c – độc ác, hung dữ, khắc nghiệt
- d – ác nghiệt, hung tàn, dữ dội

8. Dòng nào dưới đây có từ đồng âm ?

- a – mực đen / mực tím
- b – lọ mực / con mực
- c – mực tươi / mực khô
- d – mực nướng / mực xào

9. Dòng nào dưới đây ghi đúng và đủ chủ ngữ của các vế câu trong câu ghép

“Năm ấy đại hạn, khắp vùng khô cạn, cây cối úa vàng, dân tình đói khổ.” ?

- a – cây cối
- b – cây cối, dân tình
- c – khắp vùng, cây cối, dân tình
- d – Năm ấy, khắp vùng, cây cối, dân tình

10. Các vế câu trong câu ghép “Chàng học hành thông minh, được thầy thương bạn mến nhưng không ai biết tông tích quê quán của chàng ở đâu.” được nối với nhau bằng cách nào ?

- a – Nối trực tiếp (không dùng từ nối)
- b – Nối bằng một quan hệ từ
- c – Nối bằng một cặp quan hệ từ
- d – Nối bằng một cặp từ hô ứng

ĐỀ 2 (Năm 2009)

Đọc câu chuyện sau :

Chú vẹt tinh khôn

Một người lái buôn từ châu Phi về mang theo chú vẹt màu đỏ, lông xanh biếc và nói rất sôi. Ông cho vẹt sống trong chiếc lồng xinh xắn, bên khu vườn có nhiều hoa lá châu Phi để vẹt đỡ buồn.

Ít lâu sau, trước khi sang châu Phi buôn chuyến hàng mới, ông nói với vẹt :

– Ta sắp tới quê hương của mi. Mi có nhắn gì với bà con bạn hữu của mi không ?

Chú vẹt liền nói :

– Ông chủ làm ơn nói với đồng bào của tôi là : ở đây dù đầy đủ thức ăn, tôi vẫn gầy mòn vì nhớ rừng quê, nhớ bạn bè, dòng họ. Nhờ ông bảo họ chỉ giúp tôi cách trở về quê hương.

Nghe vẹt nói, ông chủ trầm nghĩ : “Đúng là ngu như vẹt ! Ta đâu có khờ dại mà thuật lại mưu kế để mày thoát thân”.

Tới châu Phi, ông trở lại khu rừng xưa và thấy một lũ vẹt đậu trên cây cao, trong đó có con vẹt màu đỏ giống chú vẹt ở nhà. Ông bèn nói lại lời vẹt nhà cho chúng nghe. Con vẹt màu đỏ chăm chú nghe xong bỗng trở nên buồn rười rượi, xù lông xù cánh, gục đầu, rồi rơi xuống bụi rậm. Ông nghĩ : “Chắc nó quá thương bạn nên mới rầu rĩ mà chết như thế”.

Về đến nhà, người lái buôn kể lại câu chuyện trên cho chú vẹt của ông nghe. Nghe xong, chú vẹt ủ rũ nhắm mắt và một lúc sau thì rơi xuống đáy lồng, nằm bất động. Người lái buôn buồn rầu than thở : “Hoá ra giống vẹt cũng có tình có nghĩa như người, nghe tin bạn chết vì thương nó, nó cũng đau khổ mà chết theo”.

Ông mở lồng mang vẹt ra, để lên bàn tay ngấm nhúa. Đột nhiên, chú vẹt bay vù lên cây cao, đứng nhìn ông và nói : “Cảm ơn ông chủ đã thuật lại cách bạn tôi giúp tôi được tự do. Tôi xin chào ông để trở về rừng núi quê hương”. Thế rồi, vẹt cất cánh nhằm hướng tây nam bay thẳng.

Dựa theo Truyện kể I-ran
(THANH TRÀ kể)

Em hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

1. Chú vẹt mang từ châu Phi về có đặc điểm gì ?

- a – mào đỏ, lông xanh biếc, xinh xắn
- b – mào đỏ, lông xanh biếc, nói rất sôi
- c – lông xanh biếc, xinh xắn, nói rất sôi
- d – mào đỏ, xinh xắn, nói rất sôi

2. Vẹt muốn nhờ ông chủ nói với đồng bào mình điều gì là chủ yếu ?

- a – Dù sống đầy đủ nhưng vẹt vẫn nhớ quê
- b – Vẹt gầy mòn vì nhớ rừng quê, nhớ bạn bè
- c – Vẹt muốn chỉ giúp cách trở về quê hương
- d – Vẹt luôn nhớ quê hương, bạn bè, dòng họ

3. Con vẹt ở rừng quê đã làm gì để người lái buôn tin rằng nó chết vì thương bạn ?

- a – Buồn rười rượi, xù lông xù cánh, gục đầu, quá thương bạn
- b – Chăm chú nghe, xù lông xù cánh, gục đầu, rơi xuống bụi rậm
- c – Chăm chú nghe, buồn rười rượi, xù lông xù cánh, gục đầu
- d – Buồn rười rượi, xù lông xù cánh, gục đầu, rơi xuống bụi rậm

4. Nhờ đâu mà chú vẹt thoát khỏi được chiếc lồng để bay về quê hương ?

- a – Nhờ người lái buôn thuật lại cách giả chết
- b – Nhờ lời chỉ dẫn của bạn về cách giả chết
- c – Nhờ người lái buôn kể chuyện sang châu Phi
- d – Nhờ hiểu ý bạn chỉ dẫn về cách thoát thân

5. Câu chuyện ca ngợi điều gì là chủ yếu ?

- a – Tình cảm gắn bó với quê hương của con vẹt
- b – Tình cảm gắn bó với đồng loại của con vẹt
- c – Sự tinh khôn và đáo để của con vẹt
- d – Sự khéo léo và nhanh nhẹn của con vẹt

6. Dòng nào dưới đây gồm 3 từ đồng nghĩa với từ *tinh khôn* ?

- a – khôn khéo, tinh ranh, khôn ngoan
- b – khôn ngoan, ranh mãnh, tinh xảo
- c – tinh ranh, khéo léo, khôn ngoan
- d – khôn ngoan, khôn khéo, tinh khôi

7. Dòng nào dưới đây gồm 3 từ trái nghĩa với từ *tinh khôn* ?

- a – khờ dại, ngờ nghệch, vụng về
- b – dại khờ, vụng dại, khờ khạo
- c – khờ khạo, ngu ngốc, dại dột
- d – khờ dại, ngốc nghếch, vụng về

8. Dòng nào dưới đây có từ đồng âm ?

- a – vệt nhà / về đến nhà
- b – gục đầu / đứng đầu
- c – dòng họ / ông bảo họ
- d – xù cánh / cất cánh

9. Dòng nào dưới đây ghi đúng 8 đại từ xưng hô dùng trong câu chuyện ?

- a – tôi, ta, mi, ông, mày, nó, chú, bạn
- b – tôi, ta, mi, ông, chú, nó, họ, chúng
- c – tôi, ta, mi, chú, ông, mày, nó, bạn
- d – tôi, ta, mi, ông, mày, nó, họ, chúng

10. Bài văn đã sử dụng những kiểu câu nào ?

- a – Câu kể, câu hỏi, câu cảm
- b – Câu kể, câu hỏi, câu khiến
- c – Câu kể, câu cảm, câu khiến
- d – Câu hỏi, câu cảm, câu khiến

ĐỀ 3 (Năm 2010)

Đọc câu chuyện sau :

Chu Văn An

Chu Văn An sinh năm 1292 ở làng Văn Thôn, xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (Thanh Trì, Hà Nội). Thời trẻ, ông nổi tiếng thông minh, học giỏi, cương trực, không thích công danh nên ở nhà làm nghề dạy học.

Thầy giáo Chu Văn An có phương pháp giảng dạy đặc biệt, hấp dẫn học trò từ lớp thấp đến lớp cao, từ con em bình dân đến con nhà quý tộc. Ông là người thầy dạy giỏi, mẫu mực trong cư xử nên được mọi người kính nể. Học trò khắp nơi đến theo học thầy Chu Văn An rất đông, nhiều người học giỏi, đỗ cao, từng làm quan to trong triều đình và có công giúp nước như Lê Quát, Phạm Sư Mạnh,...

Vào năm 1314, biết được tiếng tăm của Chu Văn An, vua Trần Minh Tông đã mời ông ra làm Hiệu trưởng Trường Quốc Tử Giám và vào cung dạy học cho Thái tử (con vua). Năm 1341, vua Trần Dụ Tông lên ngôi nhưng về cuối đời, vua chỉ thích ăn chơi hưởng lạc, bỏ bê công việc triều đình, mặc cho quan lại sách nhiễu dân chúng. Không nỡ khoanh tay ngồi nhìn, Chu Văn An đã viết sớ “Thất trảm” dâng lên vua, đòi chém bảy tên nịnh thần. Không được nhà vua chấp thuận, Chu Văn An liền xin từ quan về sống ở vùng núi Chí Linh (Hải Dương) và mở trường dạy học.

Năm 1369, vua Trần Nghệ Tông lên ngôi, Chu Văn An mừng lắm, liền chống gậy về kinh đô yết kiến nhà vua rồi lại trở về sống ở Chí Linh, quyết không nhận bổng lộc, chức tước của triều đình. Ít lâu sau (năm 1370), ông bị ốm rồi mất, thọ 78 tuổi. Vua Trần Nghệ Tông cho người đến tế lễ, sau đó ra lệnh thờ ông tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám để ghi nhận công lao của người thầy giáo hiền tài, đức độ đã đào tạo được nhiều học trò xuất sắc cho đất nước.

*Theo Truyện kể về các nhân vật
trong lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, 2008*

Em hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

1. *Thời trẻ, Chu Văn An nổi tiếng là người thế nào ?*

- a – Thông minh, học giỏi, cương trực, thích làm nghề dạy học
- b – Thông minh, học giỏi, cương trực, không thích công danh
- c – Thông minh, học giỏi, cương nghị, không thích công danh
- d – Thông minh, học giỏi, trung thực, thích làm nghề dạy học

2. *Vì sao thầy giáo Chu Văn An được mọi người kính nể ?*

- a – Có phương pháp giảng dạy đặc biệt, hấp dẫn nhiều học trò
- b – Dạy giỏi, cư xử mẫu mực ; có rất nhiều học trò làm quan to
- c – Dạy giỏi, cư xử mẫu mực ; có nhiều học trò học giỏi, đỗ cao
- d – Có phương pháp giảng dạy hấp dẫn, mẫu mực trong cư xử

3. *Chu Văn An xin từ quan về Chí Linh dạy học vì lí do nào là chủ yếu ?*

- a – Không nỡ ngồi nhìn nhà vua ăn chơi hưởng lạc, quan lại sách nhiễu dân chúng
- b – Dâng sớ “Thất trảm” đòi chém tám tên nịnh thần nhưng vua không chấp nhận
- c – Không nỡ nhìn vua bỏ bê công việc triều đình, quan lại sách nhiễu dân chúng
- d – Dâng sớ “Thất trảm” đòi chém bảy tên nịnh thần nhưng vua không chấp nhận

4. *Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ ý nghĩa việc thờ Chu Văn An tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám ?*

- a – Ghi nhận công lao của người thầy giáo hiền tài, đức độ, đào tạo nhiều trò giỏi

- b – Ghi nhận công lao của người thầy giáo đã đào tạo được nhiều học trò xuất sắc
- c – Ghi nhận công lao của người thầy giáo hiền tài, đức độ, thẳng thắn, cương trực
- d – Ghi nhận công lao của người thầy giáo đã viết sớ “Thất trảm” dâng lên nhà vua

5. Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ cương trực ?

- a – cương nghị
- b – trung trực
- c – cương quyết
- d – trung thực

6. Dòng nào dưới đây gồm 2 từ đồng nghĩa với từ kính nể ?

- a – kính trọng, nể nang
- b – kính cẩn, nể trọng
- c – kính trọng, nể trọng
- d – kính phục, nể mặt

7. Dòng nào dưới đây có từ in nghiêng là từ đồng âm ?

- a – núi *cao* / tuổi *cao*
- b – học *cao* / nhà *cao* tầng
- c – nhảy *cao* / lớp *cao*
- d – đồ *cao* / nấu *cao* hồ

8. Hai vế của câu ghép “Năm 1341, vua Trần Dụ Tông lên ngôi nhưng về cuối đời, vua chỉ thích ăn chơi hưởng lạc, bỏ bê công việc triều đình, mặc cho quan lại sách nhiễu dân chúng.” **được nối với nhau bằng cách nào ?**

- a – Nối trực tiếp (không dùng từ nối)
- b – Nối bằng một quan hệ từ
- c – Nối bằng một cặp quan hệ từ
- d – Nối bằng một cặp từ hô ứng

9. Giữa hai vế của câu ghép nêu ở câu hỏi 8 (“Năm 1341... sách nhiễu dân chúng”) **thể hiện quan hệ gì về nghĩa ?**

- a – Nguyên nhân – kết quả
- b – Điều kiện – kết quả
- c – Tương phản
- d – Tăng tiến

10. Chủ ngữ của mỗi vế câu ghép nêu ở câu hỏi 8 (“Năm 1341... sách nhiễu dân chúng”) **là những từ ngữ nào ?**

- a – (Vế 1) vua Trần Dụ Tông / (Vế 2) vua
- b – (Vế 1) vua Trần Dụ Tông / (Vế 2) về cuối đời, vua
- c – (Vế 1) vua Trần Dụ Tông / (Vế 2) vua chỉ thích ăn chơi hưởng lạc
- d – (Vế 1) vua Trần Dụ Tông / (Vế 2) về cuối đời, vua chỉ thích ăn chơi hưởng lạc

ĐỀ 4 (Năm 2011)

Đọc câu chuyện sau :

Hai mẹ con

Lần đầu mẹ đưa Phương vào lớp 1, cô giáo kêu mẹ kí tên vào sổ của cô, mẹ bẽn lẽn nói : “Tôi không biết chữ !”. Thế rồi, mẹ gạch hai nét chéo nhau lên giấy. Phương thương mẹ quá ! Nó quyết học cho biết chữ để chỉ giúp mẹ cách kí tên.

Sáng nào mẹ cũng đưa Phương đến lớp. Bữa đó, đi ngang qua đoạn lộ vắng giữa đồng, hai mẹ con chợt thấy cụ Tám nằm ngất bên đường. Mẹ nói : “Tội nghiệp cụ sống một mình, đi chợ về nằm ngất thế này, chẳng ai hay”. Rồi mẹ gọi xe đạp lôi⁽¹⁾, bảo Phương phụ giúp một tay đỡ cụ lên, chở vào bệnh viện.

Hôm ấy, lần đầu Phương đến lớp trễ, cô giáo lấy làm lạ, hỏi mãi. Phương không dám nói, trong đầu nó nghĩ : lỗi tại mẹ ! Nó lo bị nêu tên trong tiết chào cờ đầu tuần, bởi vi phạm nội quy. Nó thấy giận mẹ.

Về nhà, Phương không ăn cơm, nó buồn và hơi ngúng nguẩy. Mẹ dịu dàng dỗ dành. Phương vừa khóc vừa kể chuyện ban sáng đến lớp. Mẹ nói : “Không sao đâu con, để ngày mai mẹ xin lỗi cô giáo. Con cứ đi học, đừng lo gì hết nhen !”.

Sáng hôm sau, mẹ dẫn Phương đến lớp rất sớm. Chờ cô giáo tới, mẹ nói điều gì với cô, cô cười và gật đầu. Phương cảm thấy yên tâm.

Tiết chào cờ đầu tuần đã đến. Phương giật thót người khi nghe cô hiệu trưởng nêu tên mình : “Em Trần Thanh Phương...”. Thôi chết ! Vậy là cô chủ nhiệm đã báo với cô hiệu trưởng điều gì rồi ? Giọng cô hiệu trưởng vẫn đều đều : “Em còn nhỏ mà đã biết giúp đỡ người neo đơn, hoạn nạn... Việc tốt của em Phương đáng được tuyên dương”.

Tiếng vỗ tay làm Phương bừng tỉnh. Mọi con mắt đổ dồn về phía nó. Nó cúi gằm mặt xuống, cảm thấy ngượng nghịu và xấu hổ. Vậy mà nó đã giận mẹ !

Theo NGUYỄN THỊ HOAN

(1) *Xe đạp lôi* : xe đạp lắp thêm bộ phận ở phía sau để chở người hoặc hàng hoá,...

Em hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

1. Ngay từ lớp 1, Phương quyết học cho biết chữ để làm gì ?

- a – Để giúp mẹ đọc sổ của cô giáo
- b – Để giúp mẹ ghi chép sổ sách
- c – Để giúp mẹ biết cách kí tên
- d – Để giúp mẹ đọc được sách báo

2. Chuyện gì xảy ra khiến Phương đến lớp trễ ?

- a – Phương cùng mẹ đưa cụ Tám bị ngất bên đường về nhà mình.
- b – Phương cùng mẹ đưa cụ Tám bị ngất bên đường về nhà cụ.
- c – Phương cùng mẹ đưa cụ Tám bị ngất bên đường vào bệnh viện.
- d – Phương cùng mẹ đưa cụ Tám bị ngất bên đường vào trạm xá.

3. Vì sao sau buổi đi học muộn, Phương cảm thấy giận mẹ ?

- a – Vì Phương nghĩ rằng mẹ làm cho Phương bị vi phạm nội quy
- b – Vì Phương nghĩ rằng mẹ làm cho Phương bị cô giáo hỏi mãi
- c – Vì Phương nghĩ rằng mẹ làm cho Phương ngược nghịu, xấu hổ
- d – Vì Phương nghĩ rằng mẹ làm cho Phương đã bị nêu tên ở tiết chào cờ

4. Vì sao khi được tuyên dương về việc giúp đỡ người neo đơn, hoạn nạn, Phương lại cảm thấy “ngược nghịu và xấu hổ” ?

- a – Vì Phương nghĩ đó là thành tích của mẹ
- b – Vì Phương trót nghĩ sai về mẹ và giận mẹ
- c – Vì Phương nghĩ việc đó không đáng khen
- d – Vì Phương thấy mọi người đều nhìn mình

5. Câu tục ngữ nào dưới đây phù hợp với ý nghĩa của câu chuyện ?

- a – Con cái khôn ngoan về vang cha mẹ.
- b – Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.
- c – Thương người như thể thương thân.
- d – Thương nhau củ ấu cũng tròn.

6. *Dòng nào dưới đây gồm 2 từ đồng nghĩa với từ giúp đỡ ?*

- a – đỡ đần, phụ giúp
- b – giúp sức, cố gắng
- c – đỡ đầu, nâng niu
- d – giúp ích, gắng sức

7. *Dòng nào dưới đây có từ in nghiêng là từ nhiều nghĩa ?*

- a – quả *đào* / *đào* đất
- b – bên *đường* / nước *đường*
- c – nỗi *buồn* / *buồn* ngủ
- d – con *báo* / *báo* với cô

8. *Đoạn thứ ba của bài* (“Hôm ấy, lần đầu Phương đến lớp trẻ,... thấy giận mẹ.”) *có mấy câu ghép ?* (Nhớ gạch dưới câu ghép đã xác định.)

- a – 1 câu ghép
- b – 2 câu ghép
- c – 3 câu ghép
- d – 4 câu ghép

9. *Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ các cách liên kết câu trong đoạn đầu của bài* (“Lần đầu... cách kí tên.”) ?

- a – Lặp từ ngữ ; thay thế từ ngữ
- b – Lặp từ ngữ ; dùng từ ngữ nối
- c – Thay thế từ ngữ ; dùng từ ngữ nối
- d – Lặp từ ngữ ; thay thế từ ngữ ; dùng từ ngữ nối

10. *Bộ phận vị ngữ trong câu* “Bữa đó, đi ngang qua đoạn lộ vắng giữa đồng, hai mẹ con chợt thấy cụ Tám nằm ngất bên đường.” *là những từ ngữ nào ?*

- a – đi ngang qua đoạn lộ vắng giữa đồng
- b – chợt thấy cụ Tám nằm ngất bên đường
- c – đi ngang qua đoạn lộ vắng ; thấy cụ Tám nằm ngất bên đường
- d – đi ngang qua đoạn lộ vắng giữa đồng ; chợt thấy cụ Tám nằm ngất bên đường

ĐỀ 5 (Năm 2012)

Đọc câu chuyện sau :

Bộ lông rực rỡ của chim Thiên Đường

Chim Thiên Đường đi tha rác về lót ổ, chuẩn bị cho mùa đông đang tới gần. Nó bay rất xa, chọn những chiếc lá vàng, lá đỏ thật đẹp, những ngọn cỏ thật thơm, thật mềm.

Khi bay qua tổ Sáo Đen, Sáo Đen ngỏ lời xin chiếc lá sồi đỏ thắm. Thiên Đường vui vẻ thả xuống cho bạn.

Thiên Đường lại bay đi kiếm được cành hoa lau màu tím hồng, hối hả cắp ngang mỏ bay về. Lúc qua tổ Gõ Kiến, bầy chim non thích cành hoa lau cứ rối rít gọi, xin bằng được. Thiên Đường không nỡ mang về, lại vội vàng bay đi kiếm cành lá khác.

Lâu lắm, Thiên Đường mới tìm được cụm cỏ mật khô vàng rượi, thơm mát. Về qua tổ Mai Hoa, thấy cái tổ tuênh toàng, chim Mai Hoa đang ốm, vạt vĩa đôi cánh, Thiên Đường mũi lòng, gài cụm cỏ mật che gió cho bạn. Mai Hoa vẫn run lập cập. Thiên Đường bối rối không biết làm cách nào cho bạn đỡ rét. Nó nhìn xuống ngực rồi lấy mỏ rút ra từng nạm lông xộp mịn lót vào ổ Mai Hoa.

Rồi mùa đông đến, những trận gió lạnh buốt cứ xối mãi vào chiếc tổ sơ sài của Thiên Đường. Bộ lông nâu nhạt của Thiên Đường xù lên, trông xơ xác tội nghiệp. Chèo Bẻo bay ngang qua, thấy thế vội loan báo cho mọi loài chim. Sáo Đen, Gõ Kiến, Mai Hoa, Chèo Bẻo cùng rất nhiều bạn bay đến sửa lại tổ giúp Thiên Đường. Chẳng mấy chốc, Thiên Đường đã có một chiếc tổ thật đẹp. Không những thế, Chèo Bẻo còn nảy ra một ý định để thương được các bạn tán thưởng. Lập tức, các chú chim đều rút từ bộ cánh những chiếc lông vàng tươi, đen tuyền,... gom góp lại thành chiếc áo đem tặng Thiên Đường.

Từ đó, Thiên Đường luôn khoác trên mình tấm áo nhiều màu rực rỡ, vật kỉ niệm thiêng liêng của biết bao loài chim bè bạn.

Theo TRẦN HOÀI DƯƠNG

Em hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây :

1. Thiên Đường chuẩn bị sửa lại tổ vào thời gian nào ?

a – Mùa xuân

b – Mùa hạ

c – Mùa thu

d – Mùa đông

2. Vì sao khi mùa đông đến, Thiên Đường vẫn chưa sửa xong được tổ của mình?

a – Vì Thiên Đường đã giúp bạn tất cả những gì kiếm được để sửa tổ

b – Vì Thiên Đường đã không tìm được những thứ thật tốt để sửa tổ

c – Vì Thiên Đường bị ốm nên không thể đi tìm những thứ để sửa tổ

d – Vì Thiên Đường tự rút lông ngực lột ổ cho bạn nên không còn sức để sửa tổ

3. Chiếc áo đẹp của Thiên Đường được làm từ vật gì ?

a – Từ những chiếc lá vàng, lá đỏ thật đẹp, thật mềm

b – Từ những chiếc lá sồi đỏ thắm, hoa lau tím hồng

c – Từ những cụm cỏ mật khô vàng rươi, thơm mát

d – Từ những chiếc lông của các loài chim bè bạn

4. Dòng nào dưới đây nêu đúng bài học rút ra từ câu chuyện ?

a – Nên nhờ bạn bè giúp đỡ khi cần thiết

b – Nên sống hết lòng với tất cả bạn bè

c – Nên giúp đỡ bạn để bạn giúp đỡ mình

d – Nên tặng bạn những món quà giá trị

5. Dòng nào dưới đây gồm 5 từ đồng nghĩa với từ hồi hả ?

a – vội vã, nhanh nhẩu, nhanh nhẹn, lập cập, hối hận

b – vội vàng, nhanh chóng, mau lẹ, nhí nhảnh, vội vã

c – vội vã, nhanh chóng, nhanh nhẩu, mau lẹ, lập cập

d – vội vàng, nhanh nhẹn, nhẹ nhàng, mau lẹ, vội vã

6. Dòng nào dưới đây gồm 5 từ trái nghĩa với từ hồi hả ?

- a – chậm chạp, chậm rãi, đủng đỉnh, thủng thẳng, thông thả
- b – chậm chạp, chậm trễ, đủng đỉnh, thủng thẳng, tung tăng
- c – chậm rãi, đủng đỉnh, đủng đưa, thông thả, thông dong
- d – chậm trễ, đủng đỉnh, thủng thẳng, thông thả, thư thái

7. Dòng nào dưới đây có từ in nghiêng là từ đồng âm ?

- a – mùa *xuân* / tuổi *xuân*
- b – *nhẫn vàng* / lúa *vàng*
- c – màu *hồng* / quả *hồng*
- d – mùa *đông* / thịt *đông*

8. Đoạn văn “Rồi mùa đông đến,... đem tặng Thiên Đường.” có mấy câu ghép ? (Nhớ gạch dưới câu ghép đã xác định.)

- a – 1 câu ghép
- b – 2 câu ghép
- c – 3 câu ghép
- d – 4 câu ghép

9. Dòng nào dưới đây xác định đúng kiểu câu của 3 câu kể : “(1) Mai Hoa vẫn run lập cập. (2) Thiên Đường bối rối không biết làm cách nào cho bạn đỡ rét. (3) Nó nhìn xuống ngực rồi lấy mỏ rút ra từng nạm lông xộp mịn lót vào ổ Mai Hoa.”.

- a – Câu (1) và (2) thuộc kiểu câu *Ai làm gì ?*; câu (3) thuộc kiểu câu *Ai thế nào ?*
- b – Câu (1) và (2) thuộc kiểu câu *Ai thế nào ?*; câu (3) thuộc kiểu câu *Ai làm gì ?*
- c – Câu (1) thuộc kiểu câu *Ai làm gì ?*; câu (2) và (3) thuộc kiểu câu *Ai thế nào ?*
- d – Câu (1) thuộc kiểu câu *Ai thế nào ?*; câu (2) và (3) thuộc kiểu câu *Ai làm gì ?*

10. Có mấy câu dùng trạng ngữ ở ba đoạn đầu của câu chuyện (“Chim Thiên Đường đi tha rác... kiếm cành lá khác.”) ? (Gạch dưới trạng ngữ đã xác định.)

- a – 1 câu
- b – 2 câu
- c – 3 câu
- d – 4 câu

ĐÁP ÁN

ĐỀ TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Thi Trạng nguyên nhỏ tuổi)

* Mỗi đề gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm ; đúng mỗi câu được 1 điểm.
Đúng toàn bộ 10 câu : 10 điểm.

ĐỀ 1 (Năm 2008)

Câu 1. b	Câu 6. b
Câu 2. c	Câu 7. a
Câu 3. d	Câu 8. b
Câu 4. b	Câu 9. d
Câu 5. c	Câu 10. b

ĐỀ 2 (Năm 2009)

Câu 1. b	Câu 6. a
Câu 2. c	Câu 7. b
Câu 3. d	Câu 8. c
Câu 4. d	Câu 9. d
Câu 5. c	Câu 10. a

ĐỀ 3 (Năm 2010)

Câu 1. b	Câu 6. c
Câu 2. c	Câu 7. d
Câu 3. d	Câu 8. b
Câu 4. a	Câu 9. c
Câu 5. b	Câu 10. a

ĐỀ 4 (Năm 2011)

Câu 1. c

Câu 6. a

Câu 2. c

Câu 7. c

Câu 3. a

Câu 8. b (Gạch dưới 2 câu đầu đoạn văn)

Câu 4. b

Câu 9. d

Câu 5. c

Câu 10. b

(* **Chú ý** : Ở Câu 8, nếu HS không gạch dưới 2 câu ghép “Hôm ấy, lần đầu Phương đến lớp trễ, cô giáo lấy làm lạ, hỏi mãi. Phương không dám nói, trong đầu nó nghĩ : lỗi tại mẹ !” thì chỉ được **0,5** điểm.)

ĐỀ 5 (Năm 2012)

Câu 1. c

Câu 6. a

Câu 2. a

Câu 7. d

Câu 3. d

Câu 8. a (Gạch dưới câu ghép “Rồi mùa đông đến...”)

Câu 4. b

Câu 9. b

Câu 5. c

Câu 10. b (Gạch dưới 2 trạng ngữ “Khi bay...”, “Lúc qua...”)

(* **Chú ý** : Ở câu 8 và câu 10, nếu HS không thực hiện đúng yêu cầu trong ngoặc thì chỉ được **0,5** điểm.)

MỤC LỤC

Lời nói đầu	Trang
	3

Phần một. ĐỀ KIỂM TRA

	Trang		Trang
A – KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I	5	B – KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC	29
ĐỀ 1	5	ĐỀ 11	29
ĐỀ 2	7	ĐỀ 12	31
ĐỀ 3	9	ĐỀ 13	34
ĐỀ 4	12	ĐỀ 14	37
ĐỀ 5	14	ĐỀ 15	39
ĐỀ 6	16	ĐỀ 16	42
ĐỀ 7	18	ĐỀ 17	44
ĐỀ 8	21	ĐỀ 18	46
ĐỀ 9	22	ĐỀ 19	49
ĐỀ 10	25	ĐỀ 20	52
		ĐỀ 21*	55
		ĐỀ 22*	59
		ĐỀ 23*	63
		ĐỀ 24*	66
		ĐỀ 25*	70

Phần hai. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

A – KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I	74
B – KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC	97
Phụ lục	127

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập LÊ HỮU TỈNH
Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập lần đầu và tái bản :

NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Biên tập kỹ thuật :

THÁI MỸ DUNG

Trình bày bìa :

ĐINH THUYỀN LINH

Chế bản :

THÁI MỸ DUNG

Sửa bản in :

NGỌC BẢO

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

25 ĐỀ KIỂM TRA HỌC SINH GIỎI TIẾNG VIỆT 5

Mã số : T5E55a4–ĐTH

Số đăng kí KHXB : 200-2014/CXB/197-89/GD

In 5.000 cuốn (QĐ: TK 28), khổ 17 x 24 cm. Số in : ĐT-14.

In tại Công ty CP in Hà Nội. Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

In xong và nộp lưu chiểu tháng 05 năm 2014.